CHÍNH PHỦ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 68/NQ-CP	*Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2010*

NGHỊ QUYẾT
Về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Tổ trưởng Tổ công tác chuyên trách cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Giao Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua tại Điều 1 và Điều 3 của Nghị quyết này.

Trong quá trình thực hiện, Bộ Tài chính chủ động phát hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền hoặc đề nghị bằng văn bản, gửi Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ về các luật, pháp lệnh, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thủ tục hành chính cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ để thực hiện phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính được Chính phủ thông qua tại điều 1 của Nghị quyết này.

Điều 3. Đối với những thủ tục hành chính được quy định trong luật, pháp lệnh cần phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ theo Phương án đơn giản hóa nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ, trước

ngày 31 tháng 12 năm 2010 báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị của Chính phủ về việc cho phép bổ sung dự án luật, pháp lệnh để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2011, 2012 theo hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản và áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo qui định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008.

Căn cứ chương trình xây dựng luật, pháp lệnh được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua, giao Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thời hạn Bộ Tài chính và các bộ, ngành có liên quan phải hoàn thành việc soạn thảo dự án luật, pháp lệnh gửi Bộ Tư pháp tổng hợp thành văn bản chung để trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 4: Đối với những thủ tục hành chính được qui định trong văn bản qui phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ theo phương án đơn giản hóa nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, giao Bộ trưởng Bộ Tài chính áp dụng hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành. Trường hợp cần áp dụng một văn bản để sửa một văn bản, giao Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét quyết định.

Điều 5. Giao Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, căn cứ nội dung văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan trung ương ban hành để thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, thực hiện ngay việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại các văn bản thuộc thẩm quyền, ban hành để bảo đảm thi hành khi các văn bản của Trung ương nói trên có hiệu lực.

Điều 6. Để tạo điều kiện thông quan nhanh hàng hóa xuất nhập khẩu, yêu cầu trước ngày 30 tháng 6 năm 2011:

1. Các bộ: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Công Thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Xây dựng ban hành đầy đủ danh mục hàng hóa phải kiểm tra chất lượng theo quy định tại Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 của Chính phủ.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành đầy đủ danh mục hàng hóa phải kiểm dịch động vật và hàng hóa phải kiểm dịch thủy sản; danh mục hàng hóa phải kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm đối với động vật, sản phẩm động vật theo quy định tại Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày

23/01/2006 của Chính phủ.

3. Các bộ: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Công Thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Xây dựng, Y tế hoàn thành báo cáo nghiên cứu thiết lập phòng thí nghiệm tại các khu vực cửa khẩu lớn để phục vụ kiểm tra nhanh tại các cửa khẩu thuộc các cục Hải quan ở Quảng Ninh, Lạng Sơn, Hải Phòng, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh, Bà rịa-Vũng Tàu, Cần Thơ, đảm bảo phù hợp với Chương trình quốc gia "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020" đã được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2010, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Các bộ: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Công Thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Xây dựng, Y tế thống nhất các loại giấy tờ về quản lý chuyên ngành để áp dụng thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về chứng nhận chất lượng hàng hóa từ nước xuất khẩu theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đảm bảo phù hợp với lộ trình triển khai Chương trình quốc gia "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020" đã được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2010. Ưu tiên thực hiện sớm đối với các nước có kim ngạch xuất khẩu hàng hóa lớn vào Việt Nam.

5. Các bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Công Thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Xây dựng ban hành Quy trình kiểm tra và xử lý hàng hóa thống nhất theo trình tự các bước cơ bản quy định tại Điều 35 và 36 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, trên cơ sở tham khảo quy trình kiểm tra chi tiết của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Thông tư 17/2009/TT-BKHCN ngày 18 tháng 6 năm 2009 để đảm bảo thống nhất ở mức cao.

Điều 7. Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Y tế, Giao thông Vận tải, Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành khác có liên quan nghiên cứu và xây dựng đề án về cơ chế phối hợp giữa cơ quan hải quan và các bộ, ngành để giải quyết thủ tục thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu tại cửa khẩu đường bộ, đường biển và đường không, đảm bảo tính đồng bộ với cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN đến năm 2012, nhằm cắt giảm 10%-20% chi phí làm thủ tục hải quan cho công dân và doanh nghiệp; giảm 30% thời gian thông quan tại cửa khẩu đường bộ, đường biển và đường không; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bộ, ngành với cơ quan hải quan để giải quyết thủ tục thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu cho cá nhân, tổ chức.

Việc xây dựng Đề án về cơ chế phối hợp giữa cơ quan hải quan và các bộ, ngành liên quan để giải quyết thủ tục thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu tại hải quan cửa khẩu cần tập trung nghiên cứu các nội dung:

- Xác định cụ thể tần suất xuất nhập khẩu của từng nhóm hàng hóa tại từng cửa khẩu; gắn với từng nhóm hàng hóa đó là các bộ, ngành chuyên môn liên quan; những vướng mắc chủ yếu của từng nhóm hàng khi thực hiện thủ tục thông quan; những thực tiễn tốt từ khảo sát kinh nghiệm quốc tế, bao gồm cả những yêu cầu, điều kiện để thực hiện được cơ chế phối hợp, những vấn đề cần lưu ý hoặc những bài học kinh nghiệm khi xây dựng cơ chế phối hợp tại những quốc gia được khảo sát;

- Xác định mô hình tổ chức của Hải quan cửa khẩu trên cơ sở biệt phái cán bộ các bộ, ngành dưới sự chỉ đạo thống nhất của Trưởng hải quan cửa khẩu; chuẩn hóa quy trình giải quyết công việc của các lực lượng làm việc tại hải quan cửa khẩu; thẩm quyền của hải quan và các lực lượng chuyên ngành tại cửa khẩu.

- Xác định cơ chế phối hợp giải quyết những vấn đề về chuyên ngành vượt thẩm quyền của hải quan cửa khẩu (hải quan và lực lượng liên ngành).

- Xác định yêu cầu về cơ sở vật chất và điều kiện làm việc của cơ quan hải quan tại cửa khẩu để đảm bảo các bộ, ngành chuyên môn phối hợp với hải quan trong việc thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu tại hải quan cửa khẩu.

- Xác định cụ thể những cửa khẩu, nhóm hàng áp dụng cơ chế phối hợp theo hướng chỉ thực hiện tại những cửa khẩu có lưu lượng hàng hóa xuất nhập khẩu lớn.

- Đề xuất cơ chế tài chính đối với các hoạt động phối hợp bộ, ngành và chế độ đối với cán bộ biệt phái.

- Đề xuất việc ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai cơ chế phối hợp này.

- Đề xuất việc lựa chọn một số cửa khẩu để áp dụng cơ chế thí điểm.

Về lộ trình thực hiện:

- Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm 2011 trình Chính phủ thông qua đề án về cơ chế phối hợp giữa cơ quan hải quan và các bộ, ngành để giải quyết thủ tục thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu tại cửa khẩu đường bộ, đường biển và đường không để thực hiện thí điểm tại một số cửa khẩu.

- Sau 01 năm kể từ ngày bắt đầu thực hiện thí điểm, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành tổng kết việc thực hiện thí điểm cơ chế phối

hợp giữa cơ quan hải quan và các bộ, ngành để giải quyết thủ tục thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu tại cửa khẩu đường bộ, đường biển và đường không để triển khai trên diện rộng.

Điều 8. Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế nghiên cứu và xây dựng đề án về cơ chế phối hợp thu thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp và chia sẻ thông tin giữa cơ quan thuế và cơ quan bảo hiểm xã hội Việt Nam, nhằm nâng cao hiệu quả việc thu và quản lý nguồn thu từ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; bảo vệ quyền lợi của người lao động; nâng cao hiệu quả quản lý thu thuế; và cắt giảm 10% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức, góp phần nâng thứ hạng của Việt Nam trên trường quốc tế. Trước ngày 30 tháng 6 năm 2011 trình Chính phủ xem xét, quyết định,

Đề án về cơ chế phối hợp thu thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chia sẻ thông tin giữa cơ quan thuế và cơ quan bảo hiểm xã hội cần tập trung nghiên cứu các nội dung:

- Đánh giá thực trạng công tác quản lý việc thu thuế, thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp; những thất thoát thu về thuế và thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp do thiếu sự chia sẻ thông tin giữa cơ quan thuế và cơ quan bảo hiểm xã hội; kinh nghiệm quốc tế về các mô hình thu thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và những ưu điểm, nhược điểm của từng mô hình và điều kiện để triển khai những mô hình đó và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam.

- Xác định cơ chế thực hiện việc thu, cách thức chia sẻ thông tin giữa cơ quan thuế, cơ quan bảo hiểm xã hội;

- Hài hòa và nâng cao hiệu quả các quy trình nghiệp vụ về thu thuế, thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp để chia sẻ thông tin giữa hai cơ quan.

- Lập kế hoạch đầu tư trang thiết bị, hệ thống công nghệ thông tin và bồi dưỡng cán bộ để phục vụ việc chia sẻ thông tin giữa hai cơ quan thuế và bảo hiểm xã hội.

Điều 9. Giao Văn phòng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Bộ Tài chính, các bộ, ngành có liên quan để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quá trình thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết này.

Điều 10. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- HĐTV: các thành viên HĐTV;
- Lưu: Văn thư, TCCV (5b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

(đã ký)

Nguyễn Tấn Dũng

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ)

Phần I
NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

I. LĨNH VỰC HẢI QUAN

A. Cấp Tổng cục thực hiện

1. Thủ tục thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng nội địa

a) Trước ngày 30 tháng 6 năm 2011, Bộ Giao thông Vận tải phải hoàn thành quy hoạch hệ thống cảng cạn (ICD) trên toàn quốc và công bố hệ thống cảng cạn như đối với hệ thống cảng biển theo quy định tại Nghị định số 71/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006.

Trong thời gian chờ Bộ Giao thông Vận tải hoàn thành quy hoạch hệ thống cảng cạn (ICD) và công bố hệ thống cảng cạn, để giải quyết thủ tục thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng nội địa, Tổng cục Hải quan phải quy định trong trường hợp ICD đã được Bộ Giao thông Vận tải công bố trong quy hoạch thì thực hiện theo quy hoạch; Trường hợp chưa có ICD đã được Bộ Giao thông Vận tải công bố thì doanh nghiệp xin ý kiến chấp thuận của Bộ Giao thông Vận tải, trước khi ra quyết định, Bộ Giao thông Vận tải phải xin ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

b) Phân cấp Quyết định thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng nội địa cho Tổng cục Hải quan, trên cơ sở quy định:

"Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định yêu cầu, điều kiện và giao Tổng cục Hải quan ra quyết định thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng nội địa".

c) Quy định trình tự thực hiện trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kèm hồ sơ, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ra quyết định thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan. Trường hợp không đủ điều kiện thành lập phải có văn bản trả lời doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

d) Quy định nộp bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đối với:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu và (hoặc) kinh doanh kho bãi;

- Luận chứng kinh tế, kỹ thuật xây dựng.

đ) Quy định thời hạn giải quyết: trong thời hạn 10 ngày làm việc ở cấp Cục Hải quan và 30 ngày làm việc ở cấp Tổng cục Hải quan, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

2. Thủ tục áp dụng các biện pháp kiểm tra, kiểm soát hàng hoá xuất nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ tại Tổng cục Hải quan - B-BTC-047933-TT (3)

a) Xây dựng và ban hành Mẫu song ngữ Việt-Anh đối với Đơn yêu cầu giám sát, phát hiện hàng hóa giả mạo nhãn hiệu và Đơn yêu cầu bảo hộ quyền tác giả tại cơ quan hải quan.

b) Quy định số lượng hồ sơ phải nộp trong thông tư của Bộ là 01 bộ.

c) Sửa quy định về thành phần hồ sơ cho đồng bộ giữa các văn bản quy phạm pháp luật: thay "bản gốc"/"bản sao" hoặc "bản sao có công chứng" bằng "bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực/bản sao đã được hợp pháp hóa lãnh sự" đối với các tài liệu chứng minh quyền sở hữu trí tuệ.

d) Quy định thời hạn giải quyết là 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 916/QĐ-TCHQ ngày 31 tháng 3 năm 2008.

3. Thủ tục gia hạn giám sát đối với các đối tượng quyền Sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ tại Việt Nam (tại Tổng cục Hải quan) - B-BTC-047909-TT

a) Quy định những nội dung sau:

- Trình tự, thủ tục;

- Hồ sơ;

- Mẫu Đơn xin gia hạn giám sát đối với các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ tại Việt Nam và xây dựng mẫu song ngữ Việt – Anh.

b) Quy định về thời gian giải quyết đơn xin gia hạn đối với trường hợp yêu cầu giám sát dài hạn: trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

4. Thủ tục thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hàng hoá hoặc (và) phạm vi yêu cầu bảo hộ tại Tổng cục Hải quan - B-BTC-047916-TT

a) Bổ sung các quy định về thủ tục thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hàng hóa hoặc (và) phạm vi yêu cầu bảo hộ tại Việt Nam tại cơ quan Hải quan đối với các nội dung sau:

- Trình tự, thủ tục;

- Hồ sơ;

- Mẫu Đơn xin thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hàng hóa hoặc (và) phạm vi yêu cầu bảo hộ tại Việt Nam tại cơ quan Hải quan bằng tiếng Việt – Anh.

b) Quy định thủ tục "thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hoặc nhóm hàng hoá yêu cầu bảo hộ/thu hẹp hoặc mở rộng phạm vi yêu cầu áp dụng các biện pháp giám sát đối với các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ" trong văn bản quy phạm pháp luật.

c) Quy định về thời hạn giải quyết như sau: *"Trường hợp Doanh nghiệp đề nghị thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hàng hoá hoặc (và) phạm vi yêu cầu bảo hộ các đối tượng quyền Sở hữu trí tuệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày (đối với yêu cầu dài hạn), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan hải quan có trách nhiệm xem xét, ra thông báo chấp nhận đề nghị. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do".*

d) Giao Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất thay thế các cụm từ: "danh mục hàng hóa", "thu hẹp hoặc mở rộng", "phạm vi yêu cầu bảo hộ" cho phù hợp với chuyên ngành quản lý.

5. Thủ tục gia hạn nộp thuế theo Điều 24 Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ đối với trường hợp bị ảnh hưởng do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ; do di chuyển địa điểm kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước; do chính sách thay đổi; tiền thuế, tiền phạt phát sinh tại 02 Cục Hải quan - B-BTC-049635-TT

a) Quy định "Biên bản xác định mức độ thiệt hại" được lập ngay sau khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ có chứng kiến của UBND cấp xã, phường, thị trấn và xác nhận của UBND cấp huyện hoặc Công an cấp quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh.

b) Rút ngắn thời hạn giải quyết, giao Bộ Tài chính đề xuất cụ thể trên cơ sở hiệu suất thực hiện thủ tục hành chính của một cán bộ có trình độ và năng lực trung bình.

6. Xét miễn thuế đối với trường hợp hàng quà biếu tặng có trị giá trên 30 triệu đồng tặng cho cơ quan hành chính sự nghiệp, cơ quan đoàn thể xã hội hoạt động bằng ngân sách nhà nước; quà biếu tặng mang mục đích nhân đạo, từ thiện, nghiên cứu khoa học - B-BTC-049637-TT

a) Sửa quy định về thẩm quyền: Bộ Tài chính phân cấp cho Tổng cục Hải quan ra quyết định xét miễn trong trường hợp hàng quà biếu tặng có trị giá trên 30 triệu đồng tặng cho cơ quan hành chính sự nghiệp, cơ quan đoàn thể xã hội hoạt động bằng ngân sách nhà nước; quà biếu tặng mang mục đích nhân đạo, từ thiện, nghiên cứu khoa học.

b) Quy định thời gian giải quyết là 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; đối với trường hợp cần kiểm tra thực tế, thời gian giải quyết là 50 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

7. Xác nhận thực hiện nghĩa vụ nộp thuế (trường hợp xác nhận để doanh nghiệp bổ sung hồ sơ giải thể, phá sản; trường hợp xác nhận nghĩa vụ số thuế đã nộp ngân sách Nhà nước) - B-BTC-049634-TT

Phương án thay thế:

Quy định cơ quan thuế có trách nhiệm xác nhận nghĩa vụ thuế trong mọi trường hợp; xác định rõ trách nhiệm xây dựng và quản lý hệ thống thông tin về người nộp thuế trong phạm vi cả nước của Tổng cục Thuế; Bộ Tài chính có trách nhiệm giao Tổng cục Thuế chủ trì, làm đầu mối, chỉ đạo các cơ quan quản lý thuế phối hợp thực hiện việc xây dựng, quản lý, khai thác, cung cấp và xác nhận hệ thống thông tin về người nộp thuế.

8. Xét miễn thuế đối với trường hợp hàng nhập khẩu phục vụ an ninh, quốc phòng, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo; hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo điều ước quốc tế - B-BTC-049639-TT

Quy định thời gian giải quyết là 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; đối với trường hợp cần kiểm tra thực tế, thời gian giải quyết là 50 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

9. Thủ tục gia hạn nộp thuế theo Điều 24 Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ đối với trường hợp bị ảnh hưởng do gặp khó khăn khách quan đặc biệt - B-BTC-049636-TT

a) Xây dựng và ban hành mẫu Báo cáo số tiền thuế có xác nhận của cơ quan hải quan, trong đó có hợp nhất các thông tin trong Báo cáo số tiền thuế, tiền phạt phải nộp phát sinh và tiền thuế nợ; Hồ sơ khai thuế cả số tiền thuế, tiền phạt đề nghị gia hạn; và Văn bản xác nhận của các Cục Hải quan nơi phát sinh số tiền thuế, tiền phạt đề nghị gia hạn.

b) Quy định về thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hải quan có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận số tiền thuế, tiền phạt phải nộp đề nghị gia hạn, kèm theo hồ sơ khai thuế;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo qui định, Tổng cục Hải quan có trách nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thủ tướng chính phủ xem xét quyết định từng trường hợp cụ thể.

10. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở Tổng cục Hải quan - B-BTC-035234-TT

Bổ sung quy định về thời gian làm việc giữa cơ quan hải quan với doanh nghiệp:

- Trường hợp doanh nghiệp chọn đối thoại hoặc giải trình bằng văn bản mà sau 02-03 lần giải trình bằng văn bản doanh nghiệp chưa giải trình được hết nội dung theo yêu cầu thì doanh nghiệp phải trực tiếp giải trình với cơ quan hải quan, thời gian giải trình trực tiếp không quá 01 ngày làm việc.

- Trường hợp doanh nghiệp chọn đối thoại, giải trình trực tiếp tại trụ sở cơ quan hải quan thì doanh nghiệp và cơ quan hải quan sẽ thống nhất số ngày làm việc.

B. Cấp Cục thực hiện

1. Thủ tục thành lập kho ngoại quan - B-BTC-033655-TT

a) Quy định về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 10 ngày ở cấp Cục Hải quan và 07 ngày ở cấp Tổng cục Hải quan, cụ thể như sau:

- Cục Hải quan khảo sát thực tế và kiến nghị Tổng cục ra quyết định thành lập (trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định);

- Tổng cục kiểm tra hồ sơ và ra quyết định thành lập (trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định).

b) Pháp lý hóa mẫu đơn xin thành lập kho ngoại quan và các quy định liên quan khác tại Quyết định số 1127/QĐ-TCHQ ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Tổng cục Hải quan.

2. Thủ tục di chuyển, mở rộng, thu hẹp kho ngoại quan - B-BTC-033641-TT

Bổ sung quy định đối với trường hợp kho ngoại quan và kho CFS có vị trí cạnh nhau và có chung chủ sở hữu thì hệ thống tường rào ngăn cách giữa hai kho là hàng rào mềm đáp ứng yêu cầu kiểm tra giám sát của cơ quan hải quan.

3. Thủ tục chấm dứt hoạt động kho ngoại quan - B-BTC-033615-TT

a) Bổ sung trường hợp chấm dứt hoạt động kho ngoại quan đối với những kho không đủ điều kiện thành lập theo hướng dẫn mới.

b) Bổ sung quy định về thời gian giải quyết thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật (Điều 66 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 04 năm 2009 của Bộ Tài chính) đối với trường hợp doanh nghiệp có văn bản đề nghị dừng hoạt động kho ngoại quan:

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị dừng hoạt động của doanh nghiệp, cơ quan hải quan phải có quyết định chính thức cho phép doanh nghiệp dừng hoạt động.

- Trong thời hạn nhất định (giao Bộ Tài chính nghiên cứu và rút ngắn dần theo lộ trình), doanh nghiệp phải thực hiện các nghĩa vụ về thuế, về hải quan (xử lý hàng tồn đọng...) và gửi báo cáo kết quả xử lý cho cơ quan hải quan.

4. Thủ tục thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan ở cảng nội địa, địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu - B-BTC-117063-TT

a) Tách riêng quy định cho thủ tục: “Thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu” và “Thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng nội địa” về:

- Trình tự, cách thức thực hiện;

- Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ;

- Thời gian giải quyết.

b) Phân cấp Quyết định thành lập địa điểm làm thủ tục Hải Quan ngoài cửa khẩu cho Tổng Cục Hải Quan, trên cơ sở quy định:

“Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định điều kiện và phân cấp cho Tổng Cục Hải quan quyết định thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan theo quy định”.

c) Quy định thời hạn giải quyết thủ tục “Thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu”: trong thời hạn 10 ngày làm việc ở cấp Cục Hải Quan và 30 ngày làm việc ở cấp Tổng cục Hải quan, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Thủ tục thành lập địa điểm kiểm tra thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở nội địa - B-BTC-117086-TT

a) Quy định thành phần, số lượng hồ sơ đề nghị thành lập và trình tự thành lập đối với từng loại địa điểm kiểm tra thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở nội địa, cụ thể:

- Hồ sơ thành lập địa điểm thu gom hàng lẻ (CFS);

- Hồ sơ thành lập địa điểm kiểm tra hàng hoá xuất khẩu ở biên giới thuộc khu kinh tế cửa khẩu;

- Hồ sơ thành lập địa điểm kiểm tra hàng hoá tại chân công trình hoặc kho của công trình, nơi sản xuất;

- Trình tự thành lập.

b) Quy định "bản sao là bản có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp" đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong thành phần hồ sơ.

c) Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, giao Bộ Tài Chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình trên cơ sở hiệu suất thực hiện thủ tục hành chính của một cán bộ có trình độ và năng lực trung bình.

6. Thủ tục chuyển đổi chủ kho ngoại quan - B-BTC-117414-TT

a) Quy định "bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp" đối với các loại giấy tờ sau trong thành phần hồ sơ:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong đó có ngành nghề đăng ký kinh doanh kho bãi;

- Chứng từ hợp pháp về quyền sử dụng kho bãi (đối với trường hợp có thay đổi so với thực trạng kho hiện hành).

b) Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tách riêng cho từng trường hợp: không có thay đổi so với kho hiện hành; và có thay đổi so với kho hiện hành; giao Bộ Tài Chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình trên cơ sở hiệu suất thực hiện thủ tục hành chính của một cán bộ có trình độ và năng lực trung bình.

7. Thủ tục mở rộng, thu hẹp kho CFS - B-BTC-117436-TT

a) Quy định về thẩm quyền quyết định *mở rộng, thu hẹp địa điểm thu gom hàng lẻ (CFS).*

b) Quy định về trình tự, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ, thời gian giải quyết.

c) Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, giao Bộ Tài Chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình trên cơ sở hiệu suất thực hiện thủ tục hành chính của một cán bộ có trình độ và năng lực trung bình.

d) Bổ sung quy định đối với trường hợp kho ngoại quan và kho CFS có vị trí cạnh nhau và có chung chủ sở hữu: hệ thống tường rào ngăn cách giữa hai kho là hàng rào mềm đáp ứng yêu cầu kiểm tra giám sát của cơ quan hải quan.

8. Thủ tục áp dụng các biện pháp kiểm tra, kiểm soát hàng hoá xuất nhập khẩu liên quan đến Sở hữu trí tuệ tại Cục Hải quan tỉnh, thành phố - B-BTC-047936-TT

a) Xây dựng và ban hành mẫu song ngữ Việt – Anh đối với Đơn yêu cầu giám sát, phát hiện hàng hóa giả mạo nhãn hiệu; và Đơn yêu cầu bảo hộ quyền tác giả tại cơ quan hải quan.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Sửa quy định về thành phần hồ sơ cho đồng bộ giữa các văn bản quy phạm pháp luật thay “bản gốc”/“bản sao” hoặc “bản sao có công chứng” bằng “bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực/bản sao đã được hợp pháp hóa lãnh sự” đối với các tài liệu chứng minh quyền sở hữu trí tuệ.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp trong thông tư của Bộ là 01 bộ.

c) Quy định thời gian giải quyết là 20 ngày kể từ ngày cơ quan Hải quan nhận đủ hồ sơ theo quy định. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 916/QĐ-TCHQ ngày 31 tháng 3 năm 2008.

9. Thủ tục gia hạn giám sát đối với các đối tượng quyền Sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ tại Việt Nam (tại Cục Hải quan tỉnh, thành phố) - B-BTC-047913-TT

a) Quy định về những nội dung sau:

- Trình tự, thủ tục;

- Hồ sơ;

- Mẫu Đơn xin gia hạn giám sát đối với các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ tại Việt Nam bằng tiếng Việt - Anh.

b) Quy định về thời gian giải quyết đơn xin gia hạn đối với trường hợp yêu cầu giám sát dài hạn: trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

10. Thủ tục thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hàng hoá hoặc (và) phạm vi yêu cầu bảo hộ tại Cục Hải quan tỉnh, thành phố - B-BTC-047920-TT

a) Bổ sung các quy định về thủ tục thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hàng hóa hoặc (và) phạm vi yêu cầu bảo hộ tại Việt Nam tại cơ quan hải quan đối với các nội dung sau:

- Trình tự, thủ tục;

- Hồ sơ;

- Mẫu Đơn xin thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hàng hóa hoặc (và) phạm vi yêu cầu bảo hộ tại Việt Nam tại cơ quan hải quan bằng tiếng Việt – Anh.

b) Quy định thủ tục "thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hoặc nhóm hàng hoá yêu cầu bảo hộ/thu hẹp hoặc mở rộng phạm vi yêu cầu áp dụng các biện pháp giám sát đối với các đối tượng quyền Sở hữu trí tuệ trong văn bản quy phạm pháp luật.

c) Quy định về thời hạn giải quyết như sau: *"Trường hợp Doanh nghiệp đề nghị thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hàng hoá hoặc (và) phạm vi yêu cầu bảo hộ các đối tượng quyền Sở hữu trí tuệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày (đối với đơn yêu cầu dài hạn), kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan hải quan có trách nhiệm xem xét, ra thông báo chấp nhận đề nghị. Trường hợp từ chối đơn phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do".*

d) Giao Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất thay thế các cụm từ: "danh mục hàng hóa", "thu hẹp hoặc mở rộng", "phạm vi yêu cầu bảo hộ" cho phù hợp với chuyên ngành quản lý.

11. Thủ tục gia hạn nộp thuế theo Điều 24 Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ đối với trường hợp bị ảnh hưởng do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ; do di chuyển địa điểm kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước; do chính sách thay đổi; tiền thuế, tiền phạt phát sinh tại 02 Chi cục Hải quan - B-BTC-049643-TT

Quy định "Biên bản xác định mức độ thiệt hại" được lập sau khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ có chứng kiến của UBND cấp xã, phường, thị trấn và xác nhận của UBND cấp huyện hoặc Công an cấp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

12. Thủ tục hoàn thuế đối với các trường hợp được xét hoàn thuế theo Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20/4/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu - B-BTC-050038-TT

a) Tách riêng các quy định về thành phần hồ sơ đối với từng trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" và "kiểm tra trước, hoàn thuế sau". Quy định thành phần hồ sơ đối với trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" chỉ bao gồm đơn đề nghị hoàn thuế và bảng tổng hợp số thuế đề nghị được hoàn theo các tiêu chí do cơ quan thuế quy định.

b) Quy định số lượng bộ hồ sơ là 01 bộ.

c) Quy định thời hạn giải quyết đối với trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" là 6 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

13. Đăng ký danh mục hàng hoá miễn thuế xuất khẩu, nhập khẩu được miễn thuế - B-BTC-049962-TT (17); Thủ tục đăng ký danh mục hàng hóa tạo tài sản cố định được miễn thuế nhập khẩu lần đầu cho dự án đầu tư.

a) Quy định về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính:

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ: trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan hải quan phải có văn bản thông báo cho doanh nghiệp các nội dung cần sửa đổi, bổ sung, hoàn trả lại hồ sơ và yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chi cục Hải quan/Cục Hải quan theo thẩm quyền có văn bản xác nhận đăng ký của doanh nghiệp.

b) Sửa đổi quy định về nơi đăng ký danh mục như sau:

- Cục Hải quan tỉnh, thành phố (phòng nghiệp vụ) nơi doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư. Trường hợp Cục Hải quan tỉnh, thành phố quản lý hải quan đối với một số tỉnh, giao cho Chi cục Hải quan quản lý hải quan trên địa bàn tỉnh nơi có dự án đầu tư thực hiện.

- Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở đối với dự án không xác định được Cục Hải quan nơi thực hiện dự án đầu tư.

14. Xét miễn thuế đối với các trường hợp miễn thuế hàng quà biếu, quà tặng, hàng mẫu nằm trong định mức miễn thuế; thuốc chữa bệnh là quà biếu, quà tặng có trị giá vượt quá định mức miễn thuế nhưng do

người Việt Nam định cư ở nước ngoài gửi về cho thân nhân tại Việt Nam là gia đình có công với cách mạng, thương binh, liệt sỹ, người già yếu không nơi nương tựa; hàng nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế - B-BTC-049975-TT (18)

Rút ngắn thời gian giải quyết: giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất thời gian cụ thể theo lộ trình trên cơ sở hiệu suất thực hiện thủ tục hành chính của một cán bộ có trình độ và năng lực trung bình.

15. Xét giảm thuế đối với hàng hoá xuất nhập khẩu bị hư hỏng, mất mát trong quá trình giám sát của cơ quan hải quan - B-BTC-049945-TT (19)

Rút ngắn thời gian giải quyết. Thời gian cụ thể giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất theo lộ trình trên cơ sở hiệu suất thực hiện thủ tục hành chính của một cán bộ có trình độ và năng lực trung bình.

16. Thủ tục xoá nợ tiền thuế, tiền phạt (thực hiện theo Thông tư số 77/2008/TT-BTC ngày 15/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số biện pháp xử lý nợ đọng thuế - B-BTC-049986-TT (20)

a) Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ: 01 bộ.

b) Bổ sung quy định về thời gian giải quyết thủ tục hành chính:

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ: trong vòng 03 ngày làm việc kể từ nhận hồ sơ, cơ quan hải quan phải có văn bản thông báo cho doanh nghiệp các nội dung cần sửa đổi, bổ sung, hoàn trả lại hồ sơ và yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

17. Xử lý tiền thuế nộp thừa (theo quy định tại Điều 47 Luật quản lý thuế) - B-BTC-050022-TT (21)

Sửa đổi tên thủ tục là: *"Xử lý tiền thuế, tiền phạt nộp thừa"*.

18. Thủ tục kiểm tra, tham vấn, xác định trị giá tính thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại Cục Hải quan - B-BTC-049641-TT (22)

Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.

19. Thủ tục kéo dài thời hạn nộp thuế đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu - B-BTC-049647-TT (23)

Bổ sung quy định về thời gian giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan hải quan có văn bản thông báo cho doanh nghiệp các nội dung cần sửa đổi, bổ sung, hoàn trả lại hồ sơ và yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung;

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: trong hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

20. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở Cục Hải quan tỉnh, thành phố - B-BTC-034300-TT (24)

Bổ sung quy định về thời gian làm việc giữa cơ quan hải quan với doanh nghiệp là "trong ngày" trong trường hợp cơ quan hải quan cần yêu cầu doanh nghiệp trực tiếp giải trình một số nội dung chưa rõ trong các hồ sơ, tài liệu mà doanh nghiệp cung cấp.

C. Cấp Chi cục thực hiện

1. Thủ tục xem hàng hóa trước khi khai hải quan - B-BTC-118074-TT (3)

a) Sửa quy định về trình tự thực hiện:

"3. Khi xem trước hàng hoá, người giữ hàng hoá phải lập biên bản chứng nhận, có xác nhận của người đang giữ hàng hoá, chủ hàng và công chức hải quan giám sát, *mỗi bên tham gia giữ 01 bản.*

4. Sau khi chủ hàng xem hàng hoá, Hải quan niêm phong hàng hoá. Trường hợp hàng hoá không thể niêm phong được thì trong biên bản chứng nhận nêu tại Khoản 3, Điều này phải thể hiện được tình trạng hàng hoá và ghi rõ người giữ hàng hoá chịu trách nhiệm giữ nguyên trạng hàng hoá."

b) Sửa quy định về trình tự thực hiện đối với cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan: Sau khi nhận được sự chấp thuận của người đang giữ hàng hóa, chủ hàng gửi 01 bản sao giấy chấp thuận cho cơ quan hải quan và đề nghị cơ quan hải quan thông báo cụ thể thời gian mà cơ quan hải quan có thể bố trí giám sát để chủ hàng xem hàng. Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan hải quan phải trả lời cho doanh nghiệp về thời gian cơ quan hải quan cử cán bộ đến giám sát để chủ hàng xem hàng.

2. Thủ tục sửa chữa tờ khai, khai bổ sung hồ sơ hải quan - B-BTC-118089-TT (4)

Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Thủ tục thay tờ khai hải quan - B-BTC-118172-TT (5)

Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ

4. Thủ tục xác nhận thực xuất hàng hóa xuất khẩu - B-BTC-118225-TT (7)

Bãi bỏ thủ tục, thay vào đó để chứng minh hàng hoá đã thực xuất khẩu doanh nghiệp chỉ cần xuất trình tờ khai hàng hoá xuất khẩu đã làm xong thủ tục hải quan, vận tải đơn và hoá đơn thương mại.

5. Thủ tục hủy tờ khai hải quan - B-BTC-123810-TT (8)

Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Thủ tục hải quan xuất khẩu sản phẩm làm từ nguyên liệu nhập khẩu - B-BTC-121856-TT (11)

Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

7. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập –tái xuất - B-BTC-043346-TT (14)

Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

8. Thủ tục nhập khẩu sản phẩm đặt gia công ở nước ngoài - B-BTC-047945-TT (21)

a) Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Cụ thể hóa quy định về "*Các chứng từ khác phải có theo quy định của pháp luật liên quan*" trong điểm c3 khoản 1 Điều 11 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009.

- Bổ sung quy định trong khoản 2 Điều 7 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005, yêu cầu người khai hải quan xuất trình "Giấy chứng nhận về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch" đối với

trường hợp hàng hóa nhập khẩu thuộc diện phải kiểm tra nhà nước về chất lượng, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch động thực vật.

- Bổ sung một điều khoản trong Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 và Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009 cho phép người khai hải quan chậm nộp "Giấy chứng nhận về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch" nếu người khai hải quan chưa thể có giấy này ngay. Đồng thời, bổ sung một điều khoản trong Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 và Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009 quy định trách nhiệm của các bên (hải quan, doanh nghiệp, cơ quan kiểm tra chất lượng) trong các trường hợp:

+ Doanh nghiệp quá thời hạn được chậm nộp chứng từ mà không đến nộp.

+ Cơ quan liên quan thông báo hàng không đủ tiêu chuẩn nhập khẩu.

c) Xây dựng cơ chế liên thông với các bộ, ngành liên quan: chuẩn bị dự thảo các quy định về cơ chế liên thông để áp dụng khi Việt Nam xây dựng xong cơ chế một cửa quốc gia kết nối 3 đến 5 Bộ, ngành (theo lộ trình cam kết khi tham gia cơ chế một cửa ASEAN là đến năm 2012).

9. Thủ tục xuất khẩu nguyên liệu đặt gia công ở nước ngoài - B-BTC-047954-TT (22)

a) Đổi tên thủ tục thành: Thủ tục xuất khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng hóa đặt gia công ở nước ngoài

b) Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Về thành phần hồ sơ:

- Cụ thể hóa quy định về *"Các chứng từ khác phải có theo quy định của pháp luật liên quan"* trong điểm c3 khoản 1 Điều 11 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009.

- Bổ sung quy định yêu cầu người khai hải quan xuất trình "Giấy chứng nhận về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch" đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thuộc diện phải kiểm tra nhà nước về chất lượng, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch động thực vật.

- Bổ sung quy định cho phép người khai hải quan chậm nộp "Giấy chứng nhận về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch" nếu người khai hải quan chưa thể có giấy này ngay. Đồng thời, bổ sung quy định trách nhiệm của các bên (hải quan, doanh nghiệp, cơ quan kiểm tra chất lượng) trong các trường hợp:

+ Doanh quá thời hạn được chậm nộp chứng từ mà không đến nộp.

+ Cơ quan liên quan thông báo hàng không đủ tiêu chuẩn nhập khẩu.

d) Xây dựng cơ chế liên thông với các bộ, ngành liên quan: chuẩn bị dự thảo các quy định về cơ chế liên thông để áp dụng khi Việt Nam xây dựng xong cơ chế một cửa quốc gia kết nối 3 đến 5 Bộ, ngành (theo lộ trình cam kết khi tham gia cơ chế một cửa ASEAN là đến năm 2012).

10. Thủ tục đăng ký, kiểm tra định mức nguyên liệu đặt gia công ở nước ngoài - B-BTC-118615-TT (23)

a) Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Thay thế thủ tục "Đăng ký" sang hình thức "Thông báo" định mức nguyên liệu đặt gia công ở nước ngoài, trong đó: quy định nội dung thông báo, thời điểm thông báo bảo đảm đủ thời gian để doanh nghiệp xác định chính xác định mức nguyên liệu. Cụ thể như sau:

- Định mức nguyên vật liệu phải được thông báo trong *[khoảng thời gian nhất định]* trước khi nhập khẩu lô hàng đầu tiên của mã sản phẩm trong bảng thông báo định mức. Trên cơ sở trị giá lô hàng xuất khẩu, cơ quan hải quan sẽ quy định khoảng thời gian nhất định mà doanh nghiệp phải thông báo định mức. Giả sử, với lô hàng trị giá trên 100 triệu đồng, doanh nghiệp phải đăng ký với cơ quan hải quan trong vòng 20 ngày làm việc trước khi xuất khẩu lô hàng đó; hoặc lô hàng dưới 20 triệu đồng, doanh nghiệp phải đăng ký với cơ quan hải quan trong vòng 05 ngày làm việc trước khi xuất khẩu lô hàng đó.

- Cơ quan hải quan có quyền kiểm tra bảng thông báo định mức nguyên vật liệu của doanh nghiệp ngay sau khi doanh nghiệp nhập khẩu lô hàng có định mức đã được thông báo cho cơ quan hải quan.

- Quy định cơ quan hải quan được phép kiểm tra định mức của một mẫu sản phẩm không quá *[một khoảng thời gian nhất định]*.

- Tăng cường chế tài xử phạt nếu cơ quan hải quan phát hiện có gian lận định mức.

c) Sửa đổi quy định về điều chỉnh định mức, nêu cụ thể trường hợp nào được phép điều chỉnh, không thể cứ có "văn bản giải trình lý do" là được điều chỉnh định mức, hạn chế tối đa việc điều chỉnh định mức. Điều chỉnh định mức chỉ cho phép thực hiện trước khi nhập khẩu lô hàng.

d) Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết thủ tục thông báo, điều chỉnh và kiểm tra định mức, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể cho phù hợp với quy trình giải quyết.

11. Thủ tục đăng ký hợp đồng gia công ở nước ngoài - B-BTC-118619-TT (24)

Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

12. Thủ tục thanh khoản hợp đồng đặt gia công ở nước ngoài - B-BTC-118645-TT (25)

a) Bãi bỏ yêu cầu xuất trình tờ khai xuất khẩu và tờ khai nhập khẩu khi cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ thanh khoản, thay bằng quy định yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp "Bảng liệt kê số tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu có liên quan".

b) Thay đổi tên gọi đối với chủ thể thực hiện từ các doanh nghiệp, cá nhân thành thương nhân.

c) Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

13. Thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ - B-BTC-040422-TT (27)

Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy dịnh tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

14. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu tạo tài sản cố định của các dự án đầu tư - B-BTC-045581-TT (28)

a) Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Sửa yêu cầu cung cấp hai bản chính tờ khai hải quan bằng việc cung cấp một bản chính tờ khai hải quan theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Quy định doanh nghiệp chỉ cần nộp hóa đơn thương mại bản chính hoặc bản sao có chứng thực.

d) Rút ngắn thời hạn giải quyết, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể cho phù hợp với thực tế trên cơ sở hiệu suất thực hiện thủ tục hành chính của một cán bộ có trình độ và năng lực trung bình.

đ) Sửa đổi mẫu tờ khai hàng hóa nhập khẩu, theo hướng sử dụng song ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh).

e) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 1257/QĐ-TCHQ của Tổng cục

trưởng Tổng cục Hải quan ngày 04 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành tờ khai hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu giấy thông báo thuế.

15. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá đưa vào, đưa ra cảng trung chuyển - B-BTC-046233-TT (29)

a) Bãi bỏ yêu cầu cung cấp 01 bản chính tờ khai hàng trung chuyển bằng việc yêu cầu cung cấp "01 bản kê khai hàng trung chuyển" dựa trên bản kê khai hàng hóa chở trên tàu (cargo manifest) đối với hàng trung chuyển qua Việt Nam để đến nước thứ ba. Giao Tổng cục Hải quan xây dựng mẫu bản kê khai hàng trung chuyển.

Sửa quy định về cam kết của hãng tàu, yêu cầu hãng tàu cam kết chịu trách nhiệm về khai báo hàng trung chuyển theo đúng cargo manifest trên "bản kê khai hàng trung chuyển", thay cho quy định yêu cầu hãng tàu cam kết là người trực tiếp chịu trách nhiệm về hàng hóa trong container.

b) Pháp lý hóa các quy định của Quyết định số 1127/QĐ-TCHQ ngày 03 tháng 6 năm 2009.

16. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá là máy móc, thiết bị tạm nhập-tái xuất, tạm xuất-tái nhập phục vụ thi công công trình, dự án đầu tư, tài sản đi thuê, cho thuê - B-BTC-042846-TT (39)

a) Bổ sung quy định: Đối với trường hợp sau khi tạm nhập hoặc tái xuất thì máy móc thiết bị được cho biếu, tặng mà không làm thủ tục tái xuất hoặc tái nhập tại Điều 48 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009 như sau:

"Trường hợp doanh nghiệp có văn bản đề nghị tặng máy móc, thiết bị tạm nhập-tái xuất, tạm xuất - tái nhập phục vụ thi công công trình, dự án đầu tư, tài sản cho thuê, đi thuê cho đối tác thuê, mượn thì hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập hoặc tạm xuất thực hiện thanh khoản trên tờ khai tạm nhập, tạm xuất theo quy định."

b) Quy định thành phần hồ sơ đối với thủ tục hành chính này.

c) Rút ngắn thời gian giải quyết, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình.

17. Thủ tục đối với linh kiện, phụ tùng tạm nhập không có hợp đồng để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài - B-BTC-043196-TT (40)

a) Bổ sung nội dung *"Hàng hóa phi mậu dịch khác" tại* Điều 69 Thông tư 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009 để Doanh nghiệp có thể khai báo trên tờ khai phi mậu dịch:

b) Quy định thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ cần phải nộp để thực hiện thủ tục hành chính.

c) Rút ngắn thời gian giải quyết, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình.

d) Quy định Chi cục hải quan có trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính.

đ) Sửa đổi mẫu HQ/2002-PMD ban hành kèm theo Quyết định số 1473/QĐ – BTC ngày 24 tháng 5 năm 2002 của Bộ Tài chính về việc ban hành mẫu ấn chỉ nghiệp vụ, bằng việc bổ sung song ngữ (tiếng Việt và Tiếng Anh) trong mẫu đơn đề nghị.

e) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 1473/QĐ-TCHQ ngày 24 tháng 5 năm 2002.

18. Thủ tục đối với linh kiện, phụ tùng tạm nhập để sửa chữa tàu biển, tàu bay theo hợp đồng ký giữa chủ tàu nước ngoài với nhà máy sửa chữa tại Việt Nam - B-BTC-122319-TT (41)

a) Cụ thể hóa quy định về thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ cần phải nộp để thực hiện thủ tục hành chính này.

b) Rút ngắn thời gian giải quyết, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình.

19. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá tạm nhập-tái xuất, tạm xuất-tái nhập dự hội chợ, triển lãm thực hiện theo quy định đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu thương mại - B-BTC-043253-TT (42)

Bổ sung vào điểm a khoản 3 Điều 49 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009 về hồ sơ chứng minh việc TNTX, TXTN hàng tham dự hội chợ, triển lãm: *Giấy mời tham dự hội chợ, triển lãm; hoặc Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc tổ chức hội chợ, triển lãm.*

20. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá đã xuất khẩu nhưng bị trả lại - B-BTC-122332-TT (44)

a) Sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 51 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009 như sau:

"c) Đối với hàng hoá tái nhập để tái chế thì thời hạn tái chế do doanh nghiệp đăng ký với cơ quan hải quan; quá thời hạn đăng ký mà chưa tái xuất thì phải nộp thuế theo quy định."

Và điểm a khoản 2 Điều này bổ sung như sau: *Trường hợp hàng trả lại về Việt Nam qua cửa khẩu khác thì được làm thủ tục chuyển cửa khẩu về nơi đã làm thủ tục xuất khẩu*.

b) Phương thức thực hiện: Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

21. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá đã nhập khẩu nhưng phải xuất trả lại cho khách hàng nước ngoài, tái xuất sang nước thứ ba hoặc tái xuất vào khu phi thuế quan - B-BTC-122347-TT (45)

a) Bổ sung quy định: "*Trường hợp hàng xuất trả cho khách hàng nước ngoài qua cửa khẩu khác thì được làm thủ tục chuyển cửa khẩu đến cửa khẩu xuất*"

b) Phương thức thực hiện: Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Căn cứ lộ trình triển khai hải quan điện tử để sửa quy định yêu cầu nộp 01 tờ khai thay vì 02 tờ khai hàng hóa xuất khẩu theo quy định hiện hành cho phù hợp.

d) Thay việc yêu cầu xuất trình bản chính tờ khai nhập khẩu trước đây bằng việc nộp bản sao có xác nhận của doanh nghiệp.

đ) Rút ngắn thời gian giải quyết, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình.

e) Quy định số lượng bộ hồ sơ cần nộp là: 01 bộ.

22. Thủ tục hải quan đối với bưu phẩm, bưu kiện, hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính và hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh - B-BTC-043374-TT (57)

a) Tách Thông tư số 33/2003/TT-BTC ngày 16 tháng 04 năm 2003 quy định về thủ tục này thành 02 Thông tư riêng biệt áp dụng trong lĩnh bưu chính và lĩnh vực chuyển phát nhanh.

b) Bổ sung quy định cho thông quan sớm và nợ chứng từ đối với hàng hóa chuyển phát nhanh.

23. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá từ nước ngoài đưa vào kho ngoại quan - B-BTC-046817-TT (58)

a) Sửa quy định về điều kiện hàng hóa từ nước ngoài đưa vào kho ngoại quan tại điểm a, khoản 1, Điều 55 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009 như sau:

"Hàng hoá từ nước ngoài đưa vào kho ngoại quan *thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 25 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP*, trên vận tải đơn phải ghi rõ: "hàng hoá gửi kho ngoại quan" (trường hợp trên vận đơn phần "người nhận hàng" đã ghi tên kho ngoại quan và địa chỉ nhận hàng là địa chỉ của kho ngoại quan đó thì không phải thêm cụm từ "hàng hoá gửi kho ngoại quan").

b) Tiến tới áp dụng thủ tục hải quan điện tử và thay thế bằng mẫu tờ khai hải quan xuất khẩu, nhập khẩu điện tử theo mẫu 3a, 3b Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 222/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn thí điểm thủ tục hải quan điện tử.

24. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá từ nội địa đưa vào kho ngoại quan - B-BTC-123370-TT (59)

a) Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định "*Các chứng từ khác phải có theo quy định của pháp luật liên quan*" trong Điểm c3 Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009.

- Bổ sung quy định trong khoản 2 Điều 7 Nghị định 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005, yêu cầu người khai hải quan xuất trình "Giấy chứng nhận về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch" đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thuộc diện phải kiểm tra nhà nước về chất lượng, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch động thực vật.

- Bổ sung quy định cho phép người khai hải quan chậm nộp "Giấy chứng nhận về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch" nếu người khai hải quan chưa thể có giấy này ngay. Đồng thời bổ sung quy định trách nhiệm của các bên (hải quan, doanh nghiệp, cơ quan kiểm tra chất lượng) trong các trường hợp:

+ Doanh nghiệp quá thời hạn được chậm nộp chứng từ mà không đến nộp.

+ Cơ quan liên quan thông báo hàng không đủ tiêu chuẩn nhập khẩu.

c) Xây dựng cơ chế liên thông với các bộ, ngành liên quan: chuẩn bị dự thảo các quy định về cơ chế liên thông để áp dụng khi Việt Nam xây dựng xong cơ chế một cửa quốc gia kết nối 3 đến 5 Bộ, ngành (theo lộ trình cam kết khi tham gia cơ chế một cửa ASEAN là đến năm 2012).

25. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá từ kho ngoại quan đưa ra nước ngoài - B-BTC-123486-TT (60)

a) Bổ sung trong khoản 3 Điều 55 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009:

Trường hợp hàng hóa từ kho ngoại quan làm thủ tục đưa ra nước ngoài nhiều lần, qua nhiều cửa khẩu khác nhau trong cùng một thời điểm thì được sử dụng tờ khai hàng nhập, xuất kho ngoại quan bản sao có đóng dấu xác nhận của Chi cục Hải quan quản lý kho ngoại quan để làm thủ tục chuyển cửa khẩu từ kho ngoại quan đến cửa khẩu xuất. Kết thúc việc xuất kho, Hải quan quản lý kho Ngoại quan lưu các tờ khai hàng nhập, xuất kho ngoại quan bản sao có xác nhận của Hải quan cửa khẩu xuất cùng với tờ khai hàng nhập, xuất kho ngoại quan bản chính.

b) Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Rút ngắn thời gian giải quyết, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình.

d) Sửa đổi biểu mẫu HQ/2002-KNQ ban hành kèm theo Quyết định số 1473/QĐ - TCHQ ngày 22 tháng 5 năm 2002 của Tổng cục hải quan quy định Thủ tục hải quan đối với hàng hóa từ nước ngoài đưa vào kho ngoại quan như sau:

- Bỏ thông tin “bản lưu người khai hải quan”.

- Ghi rõ giấy phép nhập khẩu (nếu có) để người khai hiểu rõ và dễ thực hiện.

- Bỏ mục 6 phần A và thông tin trong mục này.

e) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 1473/QĐ-TCHQ ngày 24 tháng 5 năm 2002.

26. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá từ kho ngoại quan đưa vào nội địa - B-BTC-123451-TT (61)

a) Bổ sung tại khoản 4 Điều 55 Thông tư 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009: *Trường hợp hàng gửi kho ngoại quan làm thủ tục nhập khẩu vào nội địa nhiều lần thì hồ sơ hải quan đối với từng lần nhập khẩu được chấp nhận bộ chứng từ bản sao (gồm vận tải đơn, bản kê chi tiết hàng hóa) có đóng dấu xác nhận của Hải quan quản lý kho ngoại quan, bản chính của các chứng từ do Hải quan quản lý kho ngoại quan lưu.*

b) Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Bổ sung quy định về thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ.

d) Quy định các trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục và Chi cục.

27. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa vận chuyển từ kho ngoại quan này sang kho ngoại quan khác trên lãnh thổ Việt Nam - B-BTC-046908-TT (62)

a) Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Bổ sung quy định về thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ.

28. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá chuyển quyền sở hữu trong kho ngoại quan - B-BTC-123518-TT (63)

a) Quy định các đối tượng được chuyển đổi quyền sở hữu hàng hóa trong kho ngoại quan tại khoản 6 Điều 55 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009: *Chỉ được thực hiện giữa thương nhân nước ngoài với nhau hoặc giữa thương nhân nước ngoài với thương nhân Việt Nam, hoặc áp dụng cho cả các thương nhân Việt Nam với nhau.*

b) Phương thức thực hiện: Mở rộng khai hải quan điện tử theo lộ trình quy dịnh tại Quyết định 103/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

29.Thủ tục hải quan đối với mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới - B-BTC-046720-TT (65)

Bổ sung quy định tại Điều 6 Thông tư số 79/2009/TT-BTC: "*7. Hàng hoá xuất nhập khẩu qua biên giới theo Quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới;*"

30. Thủ tục hải quan đối với xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của cư dân biên giới - B-BTC-046720-TT (66)

Sửa tên thủ tục hành chính: Thủ tục hải quan đối với mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới (65) theo đúng văn bản quy phạm pháp luật

Xây dựng và ban hành kèm Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009 mẫu "Bản kê hàng hóa của cư dân biên giới xuất khẩu và Bản kê hàng hóa của cư dân biên giới nhập khẩu".

31. Thủ tục hải quan đối với hoạt động mua bán hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu - B-BTC-046963-TT (67)

a) Quy định trình tự thủ tục riêng đối với: Hàng mua tại chợ xuất khẩu ra nước ngoài hoặc vận chuyển vào nội địa; Hàng từ nước ngoài nhập khẩu vào chợ;

b) Xây dựng và ban hành tờ khai xuất khẩu/nhập khẩu riêng (trên cơ sở tờ khai HQ/2002-XNKBG).

c) Xây dựng quy định về chế độ ưu đãi, quản lý và thống kê riêng về kim ngạch xuất khẩu/nhập khẩu hàng hóa mua, bán tại các loại chợ này.

d) Quy định số lượng của từng thành phần hồ sơ và số lượng bộ hồ sơ phải nộp tại văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

đ) Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính này tại văn bản quy phạm pháp luật theo lộ trình.

e) Pháp lý hóa các quy định về thủ tục hành chính này.

32. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa vận tải đa phương thức - B-BTC-039497-TT (69)

a) Quy định chỉ áp dụng thời hạn hoàn thành kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp hàng hóa giao trả cho người nhận hàng trên lãnh thổ Việt Nam.

b) Rút ngắn thời gian giải quyết, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình.

c) Xóa bỏ thông tin chiều dài tuyến đường vận chuyển trong mẫu 02/BBBG2006 ban hành kèm theo Quyết định số 927/QĐ-TCHQ ngày 25 tháng 5 năm 2006.

d) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định 927/QĐ-TCHQ ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc ban hành mẫu biểu về quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu.

e) Xây dựng dự thảo thông tư mới thay thế Thông tư số 125/2004/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2004.

33. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu không nhằm mục đích thương mại - B-BTC-120689-TT (70); Thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu không nhằm mục đích thương mại - B-BTC-120690-TT (70)

a) Bổ sung quy định trong khoản 9, Điều 69 Thông tư số 79/2009/TT-BTC như sau: *Hàng hóa phi mậu dịch khác*

b) Rút ngắn thời gian giải quyết, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình.

c) Sửa đổi mẫu tờ khai hàng hóa phi mậu dịch ban hành kèm theo Quyết định số 1473/QĐ-TCHQ ngày 24 tháng 5 năm 2002 của Tổng cục Hải quan, theo hướng sử dụng song ngữ trong mẫu tờ khai (tiếng Việt và tiếng Anh).

d) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 1473/QĐ-TCHQ ngày 24 tháng 5 năm 2002.

34. Thủ tục hải quan đối với ôtô nước ngoài khi xuất cảnh (tái xuất) với mục đích thương mại - B-BTC-120697-TT (73)

a) Bổ sung "Giấy phép xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định tại Điều ước quốc tế về vận tải đường bộ được ký kết giữa Việt Nam với các nước có chung đường biên giới hoặc Điều ước quốc tế về vận tải đường bộ giữa các nước trong khu vực" vào thành phần hồ sơ quy định tại Điều 75 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009.

b) Về khai báo hải quan:

- Thay đổi phương thức khai báo: từ việc yêu cầu người điều khiển phương tiện khai báo trực tiếp tờ khai phương tiện vận tải nộp cho cơ quan hải quan bằng việc xuất trình hồ sơ phương tiện vận tải cho cơ quan hải quan

và công chức hải quan kiểm tra, nhập thông tin vào hệ thống phần mềm, sau đó in tờ khai phương tiện vận tải từ máy in (dữ liệu được trích xuất từ hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải);

- Đối với phương tiện đã được cấp giấy phép liên vận thì không cần in tờ khai (cơ quan hải quan xác nhận thông quan lên giấy phép liên vận, đây là chứng cứ phương tiện đã được làm thủ tục hải quan);

- Hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải được lưu giữ trên hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải.

35. Thủ tục hải quan đối với ôtô Việt Nam khi xuất cảnh (tạm xuất), nhập cảnh (tái nhập) với mục đích thương mại - B-BTC-120701-TT (74)

a) Bổ sung "Giấy phép xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định tại Điều ước quốc tế về vận tải đường bộ được ký kết giữa Việt Nam với các nước có chung đường biên giới hoặc Điều ước quốc tế về vận tải đường bộ giữa các nước trong khu vực" vào thành phần hồ sơ quy định tại Điều 74, Điều 75 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009.

b) Về khai báo hải quan:

- Thay đổi phương thức khai báo: từ việc yêu cầu người điều khiển phương tiện khai báo trực tiếp tờ khai phương tiện vận tải nộp cho cơ quan hải quan bằng việc xuất trình hồ sơ phương tiện vận tải cho cơ quan hải quan và công chức hải quan kiểm tra, nhập thông tin vào hệ thống phần mềm, sau đó in tờ khai phương tiện vận tải từ máy in (dữ liệu được trích xuất từ hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải);

- Đối với phương tiện đã được cấp giấy phép liên vận thì không cần in tờ khai (cơ quan hải quan xác nhận thông quan lên giấy phép liên vận, đây là chứng cứ phương tiện đã được làm thủ tục hải quan);

- Hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải được lưu giữ trên hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải.

36. Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải thô sơ - B-BTC-123529-TT (75)

Bãi bỏ qui định theo dõi phương tiện vận tải thô sơ bằng sổ hoặc bằng máy tính tại Điều 77 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009.

37. Thủ tục hải quan đối với ôtô xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới, không nhằm mục đích thương mại - B-BTC-120705-TT (76)

Thay đổi phương thức khai báo: từ việc yêu cầu người điều khiển phương tiện khai báo trực tiếp tờ khai phương tiện vận tải nộp cho cơ quan hải quan bằng việc xuất trình hồ sơ phương tiện vận tải cho cơ quan hải quan và công chức hải quan kiểm tra, nhập thông tin vào hệ thống phần mềm, sau đó in tờ khai phương tiện vận tải từ máy in (dữ liệu được trích xuất từ hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải);

Đối với phương tiện đã được cấp giấy phép liên vận thì không cần in tờ khai (cơ quan hải quan xác nhận thông quan lên giấy phép liên vận, đây là chứng cứ phương tiện đã được làm thủ tục hải quan);

Hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải được lưu giữ trên hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải.

38. Thủ tục hải quan đối với tàu biển quá cảnh - B-BTC-042218-TT (81)

a) Quy định nộp 01 bản sao danh sách hành khách (nếu có).

b) Quy định các trường hợp công chức hải quan có quyền yêu cầu thuyền trưởng xuất trình các chứng từ như nhật ký hành trình tàu; sơ đồ hàng xếp trên tàu; các chứng từ có liên quan đến hàng hóa đang vận chuyển trên tàu.

39. Thủ tục sửa chữa, điều chỉnh bản khai hàng hoá (cargo declaration) - B-BTC-120721-TT (83)

a) Sửa quy định về thành phần hồ sơ đối với việc điều chỉnh bản khai hàng hóa phát sinh do việc điều chỉnh vận tải đơn chặng chính (master B/L) do hãng tàu phát hành:

- Yêu cầu sửa chữa, điều chỉnh vận tải đơn của người gửi hàng ở nước ngoài (được chấp nhận bản in từ thư điện tử);

- Điện xác nhận của chủ tàu hoặc đại lý chủ tàu từ nước ngoài về nội dung điều chỉnh;

- Bản khai hàng hoá điều chỉnh;

- Vận đơn đã điều chỉnh và vận tải đơn chưa điều chỉnh (bản sao);

- Văn bản uỷ quyền của chủ tàu hoặc đại lý chủ tàu cho người được ủy quyền làm việc với cơ quan hải quan để xin điều chỉnh nội dung bản khai hàng hoá.

b) Sửa quy định về thành phần hồ sơ đối với điều chỉnh manifest phát sinh do việc điều chỉnh vận tải đơn chặng phụ (house B/L) do các công ty giao nhận phát hành thì bộ hồ sơ đề nghị sửa chữa, điều chỉnh bản khai hàng hoá nhập khẩu gồm các chứng từ sau:

- Yêu cầu sửa chữa, điều chỉnh vận tải đơn của người gửi hàng ở nước ngoài (được chấp nhận bản in từ thư điện tử của người gửi hàng) kèm theo bản sao các vận đơn đã điều chỉnh và vận đơn chưa điều chỉnh;

- Điện xác nhận của công ty giao nhận nước ngoài về nội dung điều chỉnh;

- Văn bản ủy quyền của công ty giao nhận nước ngoài hoặc đại lý của công ty giao nhận nước ngoài cho người được ủy quyền làm việc với cơ quan hải quan để xin điều chỉnh nội dung bản lược khai hàng hóa.

Trong trường hợp Công ty giao nhận tại Việt Nam có ký Hợp đồng đại lý giao nhận với Công ty giao nhận nước ngoài, nếu xuất trình Hợp đồng khi xin điều chỉnh manifest thì đơn xin điều chỉnh tại điểm c do chính Công ty giao nhận tại Việt Nam ký và không cần giấy ủy quyền theo điểm đ nêu tại khoản 1 Điều 87 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009.

40. Thủ tục hải quan đối với tàu liên vận quốc tế nhập cảnh bằng đường sắt - B-BTC-120705-TT (86)

a) Sửa quy định về thành phần hồ sơ tại Điều 91 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009 như sau:

"1. Tại ga liên vận biên giới: sửa đổi điểm a.1, a.2, a.3, b.7 và bổ sung điểm a.6:

a.1) Giấy giao tiếp hàng hoá (đối với tàu chở hàng hóa): 01 bản chính;

a.2) Vận tải đơn: 01 bản sao liên 2.

a.3) Giấy giao tiếp toa xe: 01 bản chính;

a.6) Danh sách, tờ khai hành lý của tổ lái và những người làm việc trên tàu (đối với đoàn tàu khách liên vận và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga liên vận biên giới): 01 bản chính;

b.7) ….bản trích lược khai hàng hóa dỡ xuống ga liên vận nội địa: 01 bản chính; vận tải đơn dỡ hàng tại ga liên vận nội địa: 01 bản sao liên 2; biên bản bàn giao 01 bản…

2. Tại ga liên vận nội địa: sửa đổi, bổ sung điểm a.2, a.3:

a.2) Danh sách hành khách và phiếu gửi hành lý không theo người của hành khách (đối với tàu khách liên vận và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga liên vận nội địa): 01 bản chính.

a.3) Danh sách, tờ khai hành lý của tổ lái và những người làm việc trên tàu (đối với đoàn tàu khách liên vận và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga liên vận nội địa): 01 bản chính"

b) Pháp lý hóa và sửa đổi mẫu tờ khai Bản trích lược khai hàng hóa dỡ xuống từng ga liên vận nội địa được ban hành kèm theo Quyết định số 1127/QĐ-TCHQ ngày 3 tháng 6 năm 2009 theo hướng sử dụng song ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh).

c) Pháp lý hóa các quy định của Quyết định số 1127/QĐ-TCHQ ngày 03 tháng 6 năm 2009.

41. Thủ tục hải quan đối với tàu liên vận quốc tế xuất cảnh bằng đường sắt - B-BTC-121273-TT (87)

a) Sửa quy định về thành phần hồ sơ tại Điều 92 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009 như sau:

"1. Tại ga liên vận nội địa: sửa đổi điểm a.1, a.2, b.5 và bổ sung điểm a.3, a.4:

a.1) Bản xác báo thứ tự lập tàu *(đối với đoàn tàu khách liên vận làm thủ tục hải quan tại ga liên vận nội địa):* 01 bản chính;

a.2) Vận tải đơn: 01 bản sao liên 2 (đối với tàu có toa xe chở hàng xuất khẩu);

a.3) Danh sách, tờ khai hành lý của tổ lái và những người làm việc trên tàu (đối với đoàn tàu khách liên vận và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga nội địa): 01 bản chính;

a.4) Danh sách hành khách và phiếu gửi hành lý không theo người của hành khách (đối với tàu khách liên vận và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga nội địa): 01 bản chính.

b.5) Niêm phong hồ sơ hải quan gồm: biên bản bàn giao 01 bản; vận tải đơn 01 bản sao liên 2…

2. Tại ga liên vận biên giới: Sửa đổi điểm a.2 và a.3:

a.2) Bản xác báo thứ tự lập tàu 01 bản chính có đóng dấu của ga biên giới (nếu là tàu chuyên chở hàng hoá);

a.3) Giấy giao tiếp toa xe, Giấy giao tiếp hàng hóa (đối với tàu chở hàng hóa): 01 bản chính.”

b) Pháp lý hóa và sửa đổi mẫu tờ khai Bản trích lược khai hàng hóa dỡ xuống từng ga liên vận nội địa được ban hành kèm theo Quyết định số 1127/QĐ-TCHQ ngày 3 tháng 6 năm 2009 theo hướng sử dụng song ngữ (sử dụng ngôn ngữ là tiếng Việt và tiếng Anh).

c) Pháp lý hóa các quy định của Quyết định số 1127/QĐ-TCHQ ngày 03 tháng 6 năm 2009.

42. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa, vật phẩm, xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh đường bộ - B-BTC-046163-TT (91)

a) Quy định số lượng các loại giấy tờ cần phải nộp trong thành phần hồ sơ.

b) Rút ngắn thời gian giải quyết, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình.

c) Sửa đổi bảng kê chi tiết hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 93/2008/QĐ-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính, theo hướng:

- Chỉ yêu cầu cung cấp thông tin cần thiết phục vụ cho mục đích quản lý trong bảng kê;

- Bãi bỏ yêu cầu chụp bản kê theo khổ giấy A3;

- Đưa mẫu bảng kê lên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính và trang thông tin điện tử của ngành Hải quan để tổ chức cá nhân dễ dàng tiếp cận biểu mẫu từ trang thông tin điện tử.

d) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 93/2008/QĐ-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2008.

43. Thủ tục hải quan đối với xăng dầu tạm nhập tái xuất - B-BTC-046222-TT (94)

Sửa quy định nộp 01 bản chính tờ khai hải quan thay vì nộp 02 bản chính theo quy định hiện hành khi triển khai theo phương thức điện tử.

44. Thủ tục hải quan đối với tái xuất xăng, dầu cho tàu bay - B-BTC-047254-TT (95)

Rút ngắn thời gian giải quyết, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình.

45. Thủ tục hải quan đối với nhập khẩu, tạm nhập xăng dầu - B-BTC-045342-TT (96)

a) Sửa quy định nộp 01 bản chính tờ khai hải quan thay vì nộp 02 bản chính theo quy định hiện hành khi triển khai theo phương thức điện tử.

b) Rút ngắn thời gian giải quyết, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình.

46. Thủ tục hải quan đối với nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất, chế biến xăng, dầu - B-BTC-121300-TT (97)

a) Đưa mẫu HQ/2002-NK "Tờ khai nhập khẩu" nguyên liệu để sản xuất, chế biến xăng, dầu lên trang web để cá nhân, tổ chức có thể tải về thực hiện và phát miễn phí tại cơ quan hải quan.

b) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 1257/QĐ-TCHQ ngày 04 tháng 12 năm 2001 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Hải quan về việc ban hành mẫu ấn chỉ nghiệp vụ hải quan.

47. Thủ tục hải quan đối với ngoại hối, kim khí quý, đá quý, tiền Việt Nam xuất khẩu, nhập khẩu - B-BTC-039480-TT (98)

a) Rút ngắn thời gian giải quyết, theo đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án cụ thể theo lộ trình.

b) Sử dụng song ngữ Anh-Việt trên Tờ khai Hải quan phi mậu dịch.

c) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 1473/QĐ-TCHQ ngày 24 tháng 5 năm 2002 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Hải quan về việc ban hành mẫu ấn chỉ nghiệp vụ hải quan.

48.Thủ tục hải quan đối với hành lý ký gửi bị từ bỏ, thất lạc, nhầm lẫn tại sân bay quốc tế - B-BTC-042232-TT (100)

a) Quy định trong thành phần hồ sơ "Chứng từ chứng minh quyền sở hữu đối với hàng hoá, hành lý ký gửi" bao gồm những loại chứng từ nào?

b) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

49. Thủ tục hải quan đối với hành lý xách tay, ký gửi cùng chuyến và không cùng chuyến của người nhập cảnh đường hàng không - B-BTC-123588-TT (101)

a) Bỏ quy định yêu cầu công chứng đối với các loại giấy tờ sau trong thành phần hồ sơ, thay bằng bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu:

- Quyết định hoặc giấy báo tin của cơ quan công an cho phép cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài được phép trở về định cư ở Việt Nam (đối với trường hợp nhập khẩu);

- Hộ chiếu Việt Nam hoặc Giấy tờ thay hộ chiếu Việt Nam còn có giá trị về nước thường trú, có đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu (đối với trường hợp nhập khẩu);

- Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển tài sản của tổ chức ra nước ngoài (đối với trường hợp xuất khẩu).

Khi kiểm tra, đối chiếu, công chức hải quan phải xác nhận đã đối chiếu bản chính với bản sao. Trường hợp hồ sơ liên quan đến việc giải quyết xét miễn, giảm, hoàn thuế thì phải nộp bản sao có chứng thực.

b) Xây dựng lại mẫu tờ khai HQ/2002-PMD, sử dụng song ngữ Anh - Việt và đưa mẫu tờ khai HQ/2002-PMD lên trang web để cá nhân, tổ chức có thể tải về thực hiện và phát miễn phí tại cơ quan hải quan.

c) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 1473/QĐ-TCHQ ngày 24 tháng 5 năm 2002.

50. Thủ tục xác nhận tờ khai nguồn gốc xe ô tô, xe hai bánh gắn máy nhập khẩu - B-BTC-046531-TT (103)

Bãi bỏ thủ tục này.

51. Thủ tục hải quan nhập khẩu, tạm nhập xe gắn máy hai bánh không nhằm mục đích thương mại - B-BTC-123591-TT (104)

a) Bỏ quy định yêu cầu công chứng đối với các loại giấy tờ sau trong thành phần hồ sơ, thay bằng bản sao và yêu cầu xuất trình bản chính để đối

chiếu. Khi kiểm tra, đối chiếu, công chức hải quan phải xác nhận đã đối chiếu bản chính lên bản sao. Trường hợp hồ sơ liên quan đến việc giải quyết xét miễn, giảm, hoàn thuế thì phải nộp bản sao công chứng.

- Quyết định hoặc giấy báo tin của cơ quan công an cho phép cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài được phép trở về định cư ở Việt Nam (đối với trường hợp nhập khẩu);

- Hộ chiếu Việt Nam hoặc Giấy tờ thay hộ chiếu Việt Nam còn có giá trị về nước thường trú, có đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu (đối với trường hợp nhập khẩu);

- Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển tài sản của tổ chức ra nước ngoài (đối với trường hợp xuất khẩu).

b) Xây dựng lại mẫu tờ khai HQ/2002-PMD, sử dụng song ngữ Anh - Việt và đưa mẫu tờ khai HQ/2002-PMD lên trang web để cá nhân, tổ chức có thể tải về thực hiện và phát miễn phí tại cơ quan hải quan.

c) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 1473/QĐ-TCHQ ngày 24 tháng 5 năm 2002.

d) Quy định các giấy tờ liên quan khác (quy định tại điểm 1.3, mục 1, phần II, Thông tư số 16/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 02 năm 2008 của Bộ Tài chính) theo hướng quy định một số các giấy tờ chính mà đối tượng nào cũng phải cung cấp, còn những giấy tờ liên quan khác thì người nhập khẩu, tạm nhập khẩu thuộc đối tượng nào thì cung cấp giấy tờ liên quan thuộc đối tượng đó theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan (văn bản này có thể của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ, ngành khác hoặc của liên Bộ.

đ) Không yêu cầu bản sao công chứng đối với các loại giấy tờ sau trong thành phần hồ sơ. Theo đó, khi kiểm tra, đối chiếu, công chức hải quan phải xác nhận đã đối chiếu bản chính lên bản sao. Trường hợp hồ sơ liên quan đến việc giải quyết xét miễn, giảm, hoàn thuế thì phải nộp bản sao công chứng:

- Sổ hộ khẩu;

- Quyết định của cơ quan nhà nước cử đi công tác, làm việc, làm chuyên gia ở nước ngoài;

- Quyết định hoặc Giấy báo tin của cơ quan Công an cho phép cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài được phép trở về định cư tại Việt Nam.

Chỉ yêu cầu 01 bản sao kèm bản chính để kiểm tra, đối chiếu đối với các loại giấy tờ trên.

52. Thủ tục nhập khẩu kim cương thô - B-BTC-123596-TT (105)

a) Đưa mẫu tờ khai hải quan lên trang web để cá nhân, tổ chức có thể tải về thực hiện và phát miễn phí tại cơ quan hải quan.

b) Yêu cầu điều kiện của thủ tục hành chính này cần được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ.

53. Thủ tục xuất khẩu kim cương thô - B-BTC-123602-TT (106)

a) Áp dụng cơ chế liên thông giữa Thủ tục cấp Giấy chứng nhận KP và Thủ tục hải quan đối với xuất khẩu kim cương thô theo hướng sau: Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ hải quan cho cơ quan hải quan. Cơ quan hải quan có trách nhiệm gửi 01 bộ hồ sơ cho Phòng quản lý xuất nhập khẩu của bộ Công thương yêu cầu cung cấp Giấy chứng nhận KP. Trong thời gian nhất định, Phòng quản lý xuất nhập khẩu phải chuyển cho cơ quan hải quan Giấy chứng nhận KP qua email và theo đường văn thư.

b) Thống nhất về trình tự thực hiện của Thủ tục hải quan xuất khẩu kim cương thô và Thủ tục cấp Giấy chứng nhận KP, thủ tục nào làm trước, thủ tục nào làm sau. Quy định lại thành phần hồ sơ của 2 thủ tục tránh trường hợp đồng thời xảy ra hồ sơ của thủ tục này bao gồm kết quả giải quyết của thủ tục kia và ngược lại.

c) Đưa mẫu tờ khai hải quan lên trang web để cá nhân, tổ chức có thể tải về thực hiện và phát miễn phí tại cơ quan hải quan.

d) Yêu cầu điều kiện của thủ tục hành chính này cần được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ.

54. Thủ tục nhập khẩu xe ô tô đã qua sử dụng theo chế độ tài sản di chuyển của người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hoàn tất thủ tục đăng ký thường trú tại Việt Nam - B-BTC-123604-TT (107)

a) Sử dụng song ngữ Việt-Anh trong mẫu Tờ khai hải quan phi mậu dịch HQ-2002-PMD và đưa mẫu tờ khai hải quan lên trang web để cá nhân, tổ chức có thể tải về thực hiện và phát miễn phí tại cơ quan hải quan.

b) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 1473/QĐ-TCHQ ngày 24 tháng 5 năm 2002.

55. Thủ tục gia hạn giám sát đối với các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ tại Việt Nam (tại Chi cục Hải quan) - B-BTC-047915-TT (179)

b) Quy định về những nội dung sau:

- Trình tự, thủ tục;

- Hồ sơ;

- Mẫu Đơn xin gia hạn giám sát đối với các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ tại Việt Nam bằng tiếng Việt – Anh.

c) Quy định về thời gian giải quyết đơn xin gia hạn đối với yêu cầu giám sát dài hạn: trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo yêu cầu.

56. Thủ tục thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hàng hoá hoặc (và) phạm vi yêu cầu bảo hộ tại Chi cục Hải quan - B-BTC-047922-TT (180)

a) Bổ sung các quy định về thủ tục thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hàng hóa hoặc (và) phạm vi yêu cầu bảo hộ tại Việt Nam tại cơ quan Hải quan đối với các nội dung sau:

- Trình tự, thủ tục;

- Hồ sơ;

- Mẫu Đơn xin thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hàng hóa hoặc (và) phạm vi yêu cầu bảo hộ tại Việt Nam tại cơ quan Hải quan bằng tiếng Việt – Anh.

b) Quy định thủ tục “thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hoặc nhóm hàng hoá yêu cầu bảo hộ/thu hẹp hoặc mở rộng phạm vi yêu cầu áp dụng các biện pháp giám sát đối với các đối tượng quyền Sở hữu trí tuệ trong văn bản quy phạm pháp luật.

c) Quy định về thời hạn giải quyết đối với đơn yêu cầu dài hạn như sau: “Trường hợp Doanh nghiệp đề nghị thu hẹp hoặc mở rộng danh mục hàng hoá hoặc (và) phạm vi yêu cầu bảo hộ các đối tượng quyền Sở hữu trí tuệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan hải quan có trách nhiệm xem xét, ra thông báo chấp nhận đề nghị. Trường hợp từ chối đơn phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do”.

d) Giao Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất thay thế các cụm từ “danh mục hàng hóa”, “thu hẹp hoặc mở rộng”, “phạm vi yêu cầu

bảo hộ" cho phù hợp với nghiệp vụ giám sát hải quan và quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ

57. Thủ tục gia hạn nộp thuế theo Điều 24 Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007. Đối với trường hợp bị ảnh hưởng do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ; do di chuyển địa điểm kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước; do chính sách thay đổi mà tiền thuế, tiền phạt phát sinh tại 01 Chi cục Hải quan; - B-BTC-050149-TT (181)

a) Quy định "Biên bản xác định mức độ thiệt hại" được lập ngay sau khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ có chứng kiến của UBND cấp xã, phường, thị trấn và xác nhận của UBND cấp tỉnh hoặc Công an cấp Quận, Huyện, Thành phố thuộc tỉnh.

b) Rút ngắn thời hạn giải quyết, theo đó Bộ Tài chính đề xuất cụ thể theo lộ trình.

58. Xác nhận thực hiện nghĩa vụ nộp thuế (trong trường hợp doanh nghiệp đã nộp thuế nhưng hệ thống KT 559 vẫn có thông tin nợ thuế) - B-BTC-050168-TT (184)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

59. Thủ tục áp dụng bảo lãnh số tiền thuế phải nộp cho 01 tờ khai hải quan (bảo lãnh riêng) - B-BTC-050074-TT (188)

Bỏ yêu cầu nộp Hợp đồng bảo lãnh, chỉ cần yêu cầu nộp Thư bảo lãnh.

60. Thủ tục khai nộp bổ sung tiền thuế thiếu trong trường hợp không đủ điều kiện khai bổ sung hồ sơ khai thuế theo Điều 34 Luật quản lý thuế - B-BTC-050084-TT (189)

Bổ sung quy định về thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

61. Thủ tục áp dụng bảo lãnh số tiền thuế phải nộp cho nhiều tờ khai (bảo lãnh chung) - B-BTC-121877-TT (191)

Bỏ yêu cầu nộp Hợp đồng bảo lãnh, chỉ cần yêu cầu nộp Thư bảo lãnh.

62. Thủ tục xoá nợ tiền thuế, tiền phạt theo quy định tại Điều 65 Luật Quản lý thuế - B-BTC-050161-TT (196)

a) Quy định đối với các trường hợp phức tạp do Tổng cục Hải quan giải quyết.

b) Thời gian giải quyết: đối với Tổng cục Hải quan, trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Tổng cục Hải quan phải trình Bộ Tài chính.

c) Sửa quy định về hồ sơ xoá nợ: cơ quan hải quan trực tiếp quản lý lập và gửi cho Cục Hải quan xác nhận trước khi gửi Tổng cục Hải quan xem xét, quyết định.

II. LĨNH VỰC THUẾ

A. Cấp Tổng Cục thực hiện

1. Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế (đăng ký lần đầu) - B-BTC-044725-TT (1)

a) Pháp lý hoá mẫu đơn đăng ký dự thi đã ban hành kèm theo Quyết định số 316/QĐ-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2009.

b) Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là "01 bộ".

c) Pháp lý hóa thời hạn giải quyết và các quy định khác của Quyết định số 316/QĐ-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2009 trong Thông tư của Bộ.

d) Bổ sung quy định về cách thức thực hiện đối với trường hợp nộp hồ sơ đăng ký dự thi qua đường bưu chính.

2. Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế (đăng ký lại các môn chưa đạt hoặc đăng ký thi lại các môn chưa thi)- B-BTC-044715-TT (2)

a) Quy định trong thành phần hồ sơ "bản sao không yêu cầu chứng thực" đối với giấy Chứng nhận điểm thi do Hội đồng thi thông báo (theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2008/TT-BTC ngày 03 tháng 04 năm 2008 của Bộ Tài chính).

b) Pháp lý hoá mẫu đơn đăng ký dự thi đã được ban hành kèm theo Quyết định số 316/QĐ-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2009.

c) Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ là 01 bộ.

d) Pháp lý hóa thời hạn giải quyết và các quy định khác của Quyết định số 316/QĐ-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

e) Bổ sung quy định về cách thức thực hiện đối với trường hợp nộp hồ sơ đăng ký dự thi qua đường bưu chính.

3. Đăng ký hoạt động (hành nghề) đối với đại lý thuế - Đăng ký hoạt động lần đầu - B-BTC-111415-TT (3)

a) Bỏ quy định "bản sao có công chứng hoặc chứng thực" thay bằng "bản sao không yêu cầu chứng thực" đối với các loại giấy tờ sau trong thành phần hồ sơ:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ghi ngành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế và Giấy chứng nhận đăng ký thuế;

- Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

b) Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

B. Cấp Cục thuế thực hiện

1. Đăng ký thuế, đăng ký kinh doanh lần đầu qua Sở KHĐT đối với các công ty TNHH 1 thành viên được thành lập trên cơ sở chia công ty cùng loại (7)- B-BTC-044014-TT; Đăng ký thuế, đăng ký kinh doanh lần đầu qua Sở KHĐT đối với các công ty TNHH 2 thành viên trở lên được thành lập trên cơ sở chia công ty cùng loại (8)- B-BTC-044026-TT; Đăng ký thuế, đăng ký kinh doanh lần đầu qua Sở KHĐT đối với các công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở chia công ty cùng loại (9)-B-BTC-044029-TT; Đăng ký thuế, đăng ký kinh doanh lần đầu qua Sở KHĐT đối với các công ty TNHH 1 thành viên được thành lập trên cơ sở tách công ty cùng loại (10)-B-BTC-044237-TT; Đăng ký thuế, đăng ký kinh doanh lần đầu qua Sở KHĐT đối với các công ty TNHH 2 thành viên trở lên được thành lập trên cơ sở tách công ty cùng loại (11)-B-BTC-044242-TT; Đăng ký thuế, đăng ký kinh doanh lần đầu qua Sở KHĐT đối với các công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở tách công ty cùng loại (12)-B-BTC-044247-TT;Đăng ký thuế, đăng ký kinh doanh lần đầu qua Sở KHĐT đối với các công ty TNHH 1 thành viên trở lên được thành lập trên cơ sở hợp nhất các công ty cùng loại (13)-B-BTC-044270-TT; Đăng ký thuế, đăng ký kinh doanh lần đầu qua Sở KHĐT đối với các công ty TNHH 2 thành viên trở lên được thành lập trên cơ sở hợp nhất các công ty cùng loại (14)-B-BTC-044653-TT; Đăng ký thuế, đăng ký kinh doanh lần đầu qua Sở KHĐT đối với các công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở hợp nhất các công ty cùng loại (15)-B-BTC-044662-TT; Đăng ký thuế, đăng ký kinh doanh lần đầu qua Sở KHĐT trong trường hợp công ty TNHH chuyển thành công ty cổ phần (16)-B-BTC-044670-TT;Đăng ký thuế, đăng ký kinh doanh lần đầu qua Sở KHĐT trong trường hợp công ty cổ phần chuyển thành công ty TNHH (17)-B-BTC-044676-TT;Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức kinh doanh, trừ Hợp tác xã, tổ hợp tác(trừ các đơn vị trực thuộc) - Trừ trường hợp qua 1 cửa liên thông (18)-B-BTC-044682-TT.

a) Quy định về thành phần hồ sơ: "Bản sao không yêu cầu chứng thực" thay thế cho các từ “Bản sao hợp lệ”/“Bản sao” các loại giấy tờ trong thành phần hồ sơ.

b) Bổ sung quy định số lượng bộ hồ sơ đăng ký thuế là 01 bộ.

c) Quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc đối với các hồ sơ đăng ký nộp thuế trực tiếp tại các Cục Thuế tính từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký thuế (không tính thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ do người nộp thuế kê khai sót).

d) Sửa Mẫu tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 07 năm 2007 của Bộ Tài Chính:

- Bỏ chỉ tiêu số 2: tên giao dịch;

- Bỏ chỉ tiêu số 10: Tổng số lao động;

- Bỏ chỉ tiêu số 12: Tài khoản ngân hàng, kho bạc.

2. Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp nộp thuế tại Việt Nam (22)-B-BTC-044695-TT

a) Quy định “bản sao không yêu cầu chứng thực” đối với các loại giấy tờ sau trong thành phần hồ sơ:

- Giấy phép hoạt động kinh doanh tại Việt Nam;

- Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề độc lập, giấy chứng nhận đăng ký thuế.

b) Quy định thời hạn giải quyết 03 ngày làm việc đối với các hồ sơ đăng ký nộp thuế trực tiếp tại các Cục Thuế, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký thuế theo quy định.

c) Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ là 01 bộ.

3. Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với Ban điều hành dự án thực hiện hợp đồng của nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp nộp thuế tại Việt Nam (23)-B-BTC-044700-TT

a) Sửa quy định về thành phần hồ sơ: thay “Giấy phép đầu tư, Giấy phép thầu của Ban điều hành dự án nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp

thực hiện hợp đồng (nếu có)" bằng "Giấy phép đầu tư hoặc Giấy phép thầu của Ban điều hành dự án nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp thực hiện hợp đồng".

b) Sửa "Hợp đồng ký kết với bên Việt Nam (bản trích lục tiếng Việt)" thành "Hợp đồng ký với bên Việt Nam (bản dịch Tiếng Việt)" trong thành phần hồ sơ.

c) Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ là 01 bộ.

d) Quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc đối với hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại Cục thuế, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đăng ký thuế theo quy định (không tính thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ do người nộp thuế kê khai sai sót).

4. Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với trường hợp nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài không trực tiếp nộp thuế tại Việt Nam (24)-B-BTC-044702-TT; (6)-B-BTC-076060-TT (cấp cục và chi cục)

a) Sửa "Hợp đồng ký với nhà thầu nước ngoài (bản trích lục tiếng Việt)" thành "Hợp đồng ký với nhà thầu nước ngoài (bản dịch Tiếng Việt)" trong thành phần hồ sơ.

b) Sửa "Bản kê danh sách các nhà thầu phụ…….Bên Việt Nam ký hợp đồng phải thực hiện kê khai đăng ký thuế cho từng nhà thầu, nhà thầu phụ theo "Phụ lục tờ khai đăng ký thuế - Mẫu số 04.2-ĐK-TCT" thành "Bản kê danh sách các nhà thầu phụ....Bên Việt Nam ký hợp đồng phải thực hiện kê khai đăng ký thuế cho từng nhà thầu theo "Tờ khai đăng ký thuế - Mẫu số 04.2-ĐK-TCT".

c) Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ là 01 bộ.

d) Quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc đối với hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại Cục thuế, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đăng ký thuế theo quy định (không tính thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ do người nộp thuế kê khai sai sót).

5. Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với trường hợp nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài, bên nước ngoài tham gia hợp đồng, hợp tác kinh doanh, kê khai nộp thuế thông qua bên Việt Nam (25)-B-BTC-044707-TT; (7)-B-BTC-076461-TT (cấp cục và chi cục)

a) Đề nghị sửa "Hợp đồng ký với bên Việt Nam (bản trích lục tiếng Việt)" thành "Hợp đồng ký với bên Việt Nam (bản dịch Tiếng Việt)" trong thành phần hồ sơ.

b) Quy định "bản sao không yêu cầu chứng thực" đối với các loại giấy tờ sau trong thành phần hồ sơ:

- Giấy phép hoạt động kinh doanh tại Việt Nam;

- Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề độc lập, giấy chứng nhận đăng ký thuế.

c) Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ là 01 bộ.

d) Quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc đối với các hồ sơ đăng ký nộp thuế trực tiếp tại các Cục Thuế, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đăng ký thuế theo quy định (không tính thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ do người nộp thuế (NNT) kê khai sót).

6. Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam (26)-B-BTC-044729-TT

a) Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ là 01 bộ.

b) Quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc đối với các hồ sơ đăng ký nộp thuế trực tiếp tại các Cục Thuế, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đăng ký thuế theo quy định (không tính thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ do NNT kê khai sót).

c) Sửa nội dung trong Tờ khai đăng ký thuế (Mẫu số: 06-ĐK-TCT) ban hành kèm theo Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài Chính như sau:

Thay "Vụ Lễ tân Bộ ngoại giao xác nhận Cơ quan đại diện nêu trên thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng" thành "Vụ Lễ tân Bộ ngoại giao xác nhận Cơ quan đại diện nêu trên thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của Pháp lệnh về ưu đãi miễn trừ ngoại giao".

7. Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức được ủy quyền thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật; các chủ dự án, các nhà thầu chính nước ngoài của các dự án ODA; tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân nhưng đơn vị không có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (trừ trường hợp qua 1 cửa liên thông theo quyết định 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương) (27)-B-BTC-044731-TT; (8)-B-BTC-076555-TT (cấp cục và chi cục)

a) Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ là 01 bộ.

b) Quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc đối với các hồ sơ đăng ký nộp thuế trực tiếp tại các Cục Thuế, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đăng ký thuế theo quy định (không tính thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ do NNT kê khai sót).

c) Sửa đổi mẫu tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính:

- Bỏ chỉ tiêu số 2: Tên giao dịch;

- Bỏ chỉ tiêu số 10: Tổng số lao động;

- Bỏ chỉ tiêu số 12: Tài khoản ngân hàng, kho bạc.

8. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế cho trường hợp mất Giấy chứng nhận đăng ký thuế (28)- B-BTC-044735-TT;(9)-B-BTC-076579-TT 9. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế cho trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký thuế bị rách, nát (29) -B-BTC-044737-TT; (10)-B-BTC-076590-TT (cấp cục và chi cục)

a) Sửa tên thủ tục hành chính thành: "Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế cho trường hợp mất, rách, nát Giấy chứng nhận đăng ký thuế (Trừ trường hợp qua một cửa liên thông theo Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương)".

b) Ban hành kèm mẫu Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế gồm các nội dung: Tên, địa chỉ, mã số thuế, lý do đề nghị cấp lại và cam đoan chịu trách nhiệm về việc khai báo và sử dụng mã số thuế. Không yêu cầu cung cấp thông tin về "nguyên nhân mất và nơi mất".

c) Bỏ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép đầu tư, Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động trong thành phần hồ sơ.

d) Quy định thời gian giải quyết là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

9. Thủ tục Cấp lại Thẻ mã số thuế cá nhân (30)-B-BTC-044743-TT; (11)-B-BTC-076599-TT (cấp cục và chi cục)

a) Sửa nội dung phần "Trình tự thực hiện" của thủ tục này như sau: "cá nhân mất Thẻ mã số thuế cá nhân hoặc thẻ bị rách, nát, hỏng thì phải làm Đơn đề nghị cơ quan Thuế cấp mã số thuế để được cấp lại. …"

b) Ban hành kèm mẫu Đơn đề nghị cấp lại Thẻ mã số thuế cá nhân gồm các nội dung: Tên, địa chỉ, mã số thuế, lý do đề nghị cấp lại và cam đoan chịu trách nhiệm về việc khai báo và sử dụng Thẻ mã số thuế cá nhân được cấp lại.

c) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

10. Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp: trường hợp sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhận sáp nhập (trừ trường hợp qua một cửa liên thông) (31)-B-BTC-044746-TT; (12)-B-BTC-076637-TT (cấp cục và chi cục).

a) Sửa yêu cầu "bản sao có chứng thực" thành "bản sao không yêu cầu chứng thực" đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

b) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

11. Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp: trường hợp Sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp đối với doanh nghiệp bị hợp nhất, bị sáp nhập (32)-B-BTC-044747-TT;(13)-B-BTC-076832-TT (cấp cục và chi cục)

a) Sửa tên thủ tục hành chính này thành: "Thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với doanh nghiệp bị hợp nhất, bị sáp nhập trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp".

b) Quy định thời gian và làm rõ mốc tính thời gian cơ quan Thuế phải thực hiện thông báo doanh nghiệp bị hợp nhất/bị sáp nhập ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Công văn đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp bị hợp nhất/bị sáp nhập.

c) Bổ sung quy định làm rõ số lượng hồ sơ khai thuế mà doanh nghiệp bị hợp nhất/bị sáp nhập phải gửi cho cơ quan Thuế để chấm dứt hiệu lực mã số thuế khi sáp nhập/hợp nhất (tổ chức lại doanh nghiệp) là 01 bộ.

12. Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp: trường hợp tách doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được tách (33)- B-BTC-044750-TT;(14)-B-BTC-076841-TT (cấp cục và chi cục)

a) Sửa quy định yêu cầu "bản sao có chứng thực" thành "bản sao không yêu cầu chứng thực" đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong thành phần hồ sơ.

b) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

c) Sửa Mẫu tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính:

- Bỏ chỉ tiêu số 2: Tên giao dịch;

- Bỏ chỉ tiêu số 10: Tổng số lao động;

- Bỏ chỉ tiêu số 12: Tài khoản ngân hàng, kho bạc.

13. Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp: trường hợp tách doanh nghiệp đối với doanh nghiệp bị tách (34)-B-BTC-044480-TT; (15)-B-BTC-076862-TT (cấp cục và chi cục)

a) Quy định trình tự thực hiện thủ tục hành chính gắn với việc doanh nghiệp được tách được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và quy định thời gian doanh nghiệp bị tách phải làm thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế kể từ thời điểm doanh nghiệp được tách được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

b) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

14. Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp: trường hợp chia doanh nghiệp đối với doanh nghiệp mới được chia (35)-B-BTC-044484-TT; (16)-B-BTC-076874-TT (cấp cục và chi cục)

a) Sửa quy định yêu cầu cung cấp “bản sao có chứng thực” thành “bản sao không yêu cầu chứng thực” đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mới được chia trong thành phần hồ sơ gắn với thủ tục đăng ký kinh doanh.

b) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

c) Sửa Mẫu tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính:

- Bỏ chỉ tiêu số 2: Tên giao dịch;

- Bỏ chỉ tiêu số 10: Tổng số lao động;

- Bỏ chỉ tiêu số 12: Tài khoản ngân hàng, kho bạc.

15. Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp: trường hợp chia doanh nghiệp đối với doanh nghiệp bị chia (36)-B-BTC-044486-TT; (17)-B-BTC-076894-TT (cấp cục và chi cục)

a) Sửa tên thủ tục hành chính này thành: "Thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với doanh nghiệp bị chia trong trường hợp chia doanh nghiệp".

b) Quy định thời gian cơ quan Thuế phải thực hiện thông báo doanh nghiệp bị chia ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Công văn đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp bị chia.

c) Bổ sung quy định làm rõ số lượng hồ sơ khai thuế mà doanh nghiệp bị chia phải gửi cho cơ quan Thuế để chấm dứt hiệu lực mã số thuế khi tổ chức lại doanh nghiệp (bị chia) là 01 bộ.

16. Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp: trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (trừ trường hợp qua một cửa liên thông) (37)-B-BTC-044488-TT; (18) (cấp cục và chi cục)

a) Sửa quy định về thành phần hồ sơ yêu cầu cung cấp "bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp chuyển đổi" thành "bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp chuyển đổi".

b) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

17. Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp: trường hợp chuyển doanh nghiệp trực thuộc thành doanh nghiệp độc lập (trừ trường hợp qua một cửa liên thông) (38) - B-BTC-044490-TT.

a) Sửa thành phần hồ sơ từ bản gốc sang bản sao (không yêu cầu chứng thực) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mới sau khi chuyển đổi từ phụ thuộc sang độc lập.

b) Bỏ "Quyết định chuyển đổi doanh nghiệp" trong thành phần hồ sơ.

c) Bổ sung quy định về thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

d) Sửa mẫu tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 ngày 7 năm 2007 của Bộ Tài chính:

- Bỏ chỉ tiêu số 2: tên giao dịch;

- Bỏ chỉ tiêu số 10: Tổng số lao động;

- Bỏ chỉ tiêu số 12: Tài khoản ngân hàng, kho bạc.

18. Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp: trường hợp chuyển doanh nghiệp độc lập thành doanh nghiệp trực thuộc (trừ trường hợp qua một cửa liên thông) (39)- B-BTC-112256-TT;(20)-B-BTC-111713-TT (cấp cục và chi cục)

a) Bổ sung quy định về thời hạn đăng ký thuế lại đối với doanh nghiệp chuyển đổi từ độc lập sang phụ thuộc là "10 (mười) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới".

b) Bổ sung quy định về thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

19. Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp: trường hợp bán doanh nghiệp (trừ trường hợp qua một cửa liên thông) (40)-B-BTC-044492-TT; (21)-B-BTC-043566-TT (cấp cục và chi cục)

a) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Sửa Mẫu tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 07 năm 2007 của Bộ Tài chính:

- Bỏ chỉ tiêu số 2: Tên giao dịch;

- Bỏ chỉ tiêu số 10: Tổng số lao động;

- Bỏ chỉ tiêu số 12: Tài khoản ngân hàng, kho bạc.

20. Thủ tục Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp: trường hợp Sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hợp nhất (41)-B-BTC-044768-TT; (22)-B-BTC-076945-TT (cấp cục và chi cục)

a) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Sửa Mẫu tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 ngày 7 tháng 2007 của Bộ Tài chính:

- Bỏ chỉ tiêu số 2: Tên giao dịch;

- Bỏ chỉ tiêu số 10: Tổng số lao động;

- Bỏ chỉ tiêu số 12: Tài khoản ngân hàng, kho bạc.

21. Thủ tục Đăng ký thuế thay đổi, bổ sung: Trường hợp đổi tên cơ sở kinh doanh (trừ trường hợp qua 1 cửa liên thông) (42) -B-BTC-044499-TT; (23)-B-BTC-076970-TT (cấp cục và chi cục)

a) Quy định bản sao không yêu cầu chứng thực đối với "Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh theo tên mới" trong thành phần hồ sơ.

b) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

22. Thủ tục Đăng ký thuế thay đổi, bổ sung: Trường hợp chuyển địa điểm kinh doanh trong cùng địa bàn tỉnh (trừ trường hợp qua 1 cửa liên thông theo quyết định 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương) (43)-B-BTC-044501-TT; (24)-B-BTC-076982-TT (cấp cục và chi cục)

Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

23. Thủ tục Đăng ký thuế thay đổi, bổ sung: Trường hợp chuyển địa điểm kinh doanh giữa các tỉnh tại nơi NNT chuyển đi (trừ trường hợp qua 1 cửa liên thông theo quyết định 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương) (44)-B-BTC-044503-TT; (25)-B-BTC-076848-TT (Cấp cục và chi cục)

Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

24. Thủ tục Đăng ký thuế thay đổi, bổ sung: Trường hợp chuyển địa điểm kinh doanh giữa các tỉnh_tại nơi NNT chuyển đến (trừ trường hợp qua 1 cửa liên thông theo quyết định 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương) (45)-B-BTC-044753-TT; (26)-B-BTC-077013-TT (cấp cục và chi cục)

a) Quy định bản sao không yêu cầu chứng thực đối với "Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan đăng ký kinh doanh nơi chuyển đến cấp" trong thành phần hồ sơ.

b) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký thuế theo quy định.

25. Thủ tục Đăng ký thuế thay đổi, bổ sung: Thay đổi các chỉ tiêu khác trên tờ khai đăng ký thuế không làm thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký thuế (trừ trường hợp qua 1 cửa liên thông theo quyết định

93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương) (46)-B-BTC-044756-TT; (27)-B-BTC-075930-TT (cấp cục và chi cục)

Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký thuế theo quy định.

26. Thủ tục Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với doanh nghiệp (47)-B-BTC-044759-TT;(28)-B-BTC-077022-TT; Thủ tục Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với đơn vị có các đơn vị trực thuộc (48)-B-BTC-044760-TT; (29)-B-BTC-077026-TT (cấp cục và chi cục)

a) Bổ sung quy định về các đối tượng phải thực hiện chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với trường hợp tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp.

b) Bổ sung quy định về thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ đối với từng trường hợp phải thực hiện chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

c) Bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan thuế và thời hạn cơ quan thuế phải thực hiện quyết toán các nghĩa vụ thuế đối với doanh nghiệp đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Quy định trong thời hạn nhất định nếu cơ quan thuế không thực hiện kiểm tra quyết toán thuế cho doanh nghiệp thì số liệu quyết toán thuế do doanh nghiệp báo cáo coi như được chấp thuận

27. Thủ tục Khai thuế giá trị gia tăng (GTGT) dành cho dự án đầu tư (50)-B-BTC-044179-TT; (31)-B-BTC-081473-TT (cấp cục và chi cục)

Bỏ quy định việc gửi chi tiết bảng kê hoá đơn HHDV mua vào (Mẫu 01-2/GTGT ban hành kèm Thông tư 60/2007/TT-BTC) đến cơ quan thuế trong thành phần hồ sơ; doanh nghiệp lưu tại trụ sở và xuất trình khi cơ quan thuế yêu cầu.

28. Thủ tục Khai thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT và cơ sở kinh doanh vàng bạc, đá quý và ngoại tệ (51)--B-BTC-044183-TT; (32)-B-BTC-081476-TT (cấp cục và chi cục)

a) Sửa đổi một số chi tiết tại Tờ khai thuế - Mẫu số 03/GTGT ban hành kèm Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 đối với các nội dung sau:

- Bỏ dòng hàng hóa tồn kho đầu kỳ;

- Bổ sung thêm cột “Tổng cộng” để cán bộ thuế kiểm tra tính toán được thuận lợi. Trong trường hợp NNT không tách bạch được doanh thu, giá vốn theo từng mức thuế suất thì sẽ khai vào cột tổng cộng và tính theo mức thuế suất cao nhất.

c) Phân loại NNT để các hộ gia đình, cá nhân kinh doanh quy mô nhỏ thực hiện khai thuế theo quý, không phải khai thuế hàng tháng. Điều này cũng phù hợp với việc khai thuế TNCN tạm nộp hàng quý của các hộ gia đình, cá nhân kinh doanh.

d) Phương án lâu dài: triển khai xây dựng ngưỡng chịu thuế giá trị gia tăng để tất cả những NNT nào có doanh thu trên ngưỡng phải tiến hành kê khai theo phương pháp khấu trừ, dưới ngưỡng thực hiện phương pháp khoán để giảm chi phí NNT thực hiện kê khai cũng như chi phí quản lý của cơ quan thuế đối với các đối tượng này.

29. Thủ tục Khai quyết toán thuế GTGT năm theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT (52)- B-BTC-044188-TT-33CCT; (33)-B-BTC-081482-TT (cấp cục và chi cục)

a) Sửa đổi một số chi tiết tại Tờ khai thuế - Mẫu số 04/GTGT ban hành kèm Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 đối với các nội dung sau:

- Bỏ dòng hàng hóa tồn kho đầu kỳ

- Bổ sung thêm cột “Tổng cộng” để cán bộ thuế kiểm tra tính toán được thuận lợi. Trong trường hợp NNT không tách bạch được doanh thu, giá vốn theo từng mức thuế suất thì sẽ khai vào cột tổng cộng và tính theo mức thuế suất cao nhất.

b) Phương án lâu dài: xây dựng ngưỡng chịu thuế giá trị gia tăng để tất cả những NNT nào có doanh thu trên ngưỡng phải tiến hành kê khai theo phương pháp khấu trừ, dưới ngưỡng thực hiện phương pháp khoán để giảm chi phí NNT thực hiện kê khai cũng như chi phí quản lý của cơ quan thuế đối với các đối tượng này.

30. Thủ tục Khai thuế GTGT năm theo phương pháp tính trực tiếp trên doanh thu (53)-B-BTC-044201-TT-34CCT; (34)-B-BTC-081485-TT (Cấp cục và chi cục)

a) Sửa đổi Tờ Khai thuế giá trị gia tăng mẫu số 05/GTGT với các tỷ lệ giá trị gia tăng trên doanh thu đối với từng nhóm ngành nghề thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

b) Quy định thống nhất tỷ lệ giá trị gia tăng trên doanh thu đối với từng nhóm ngành nghề trên phạm vi toàn quốc.

c) Phân loại NNT để giảm tần suất bắt buộc kê khai thuế giá trị gia tăng hàng tháng hiện nay xuống còn 3 tháng/lần đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh gia đình có thể áp dụng việc kê khai 6 tháng/lần.

d) Phương án lâu dài: xây dựng ngưỡng chịu thuế giá trị gia tăng để tất cả những NNT nào có doanh thu trên ngưỡng phải tiến hành kê khai theo phương pháp khấu trừ, dưới ngưỡng thực hiện phương pháp khoán để giảm chi phí NNT thực hiện kê khai cũng như chi phí quản lý của cơ quan thuế đối với các đối tượng này.

31. Thủ tục Khai thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh (54)-B-BTC-044207-TT-35CCT; (35)-B-BTC-075933-TT (cấp cục và chi cục)

Sửa quy định trong chính sách thuế GTGT, bỏ quy định về khai thuế GTGT vãng lai theo tỷ lệ %. Khi bỏ thủ tục này, NNT khai thuế GTGT từ hoạt động bán hàng, xây dựng cơ bản vãng lai chung với hồ sơ khai thuế GTGT tại trụ sở chính của đơn vị để đơn giản trong quản lý. Toàn bộ thuế GTGT đầu ra, đầu vào được khấu trừ của NNT được khai duy nhất tại nơi NNT đóng trụ sở chính và có đăng ký thuế với cơ quan thế quản lý.

32. Thủ tục Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính theo quý (56)-B-BTC-075934-TT-37CCT; (37)-B-BTC-075934-TT (cấp cục và chi cục)

a) Bỏ quy định yêu cầu doanh nghiệp:

- Khai tạm nộp thay số thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) của các cơ sở sản xuất phụ thuộc tại các địa phương; và

- Lập riêng chứng từ nộp thuế cho từng Kho bạc Nhà nước nơi thu ngân sách.

Thay vào đó, khi khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng quý, cơ quan thuế chỉ yêu cầu doanh nghiệp liệt kê các cơ sở sản xuất phụ thuộc tại từng địa phương và ước tính chi phí cho từng đơn vị này.

b) Sửa một số chi tiết mẫu tờ khai 01A/TNDN và 01B/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC:

- Bổ sung các thông tin về chi phí của từng cơ sở phụ thuộc ở từng địa phương và tổng chi phí của doanh nghiệp.

- Bổ sung chỉ tiêu xác định việc chia lỗ (chuyển lỗ) của năm trước.

- Hướng dẫn cách xác định tỉ lệ thu nhập chịu thuế/doanh thu trên tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp mẫu 01B/TNDN.

c) Sửa Mẫu Phụ lục Doanh thu từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất (Mẫu số 01-1/TNDN) – Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính theo hướng:

- Không kê chi tiết mà tập hợp theo từng lô bất động sản chuyển quyền.

- Thay đổi tên phụ lục từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất bằng chuyển nhượng bất động sản.

33. Thủ tục Khai thuế TNDN tính theo tỷ lệ thu nhập trên doanh thu (58)-B-BTC-112522-TT-39CCT; (39)-B-BTC-084286-TT (cấp cục và chi cục)

Sửa một số chi tiết tại Mẫu tờ khai 04/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC:

- Chuyển các dòng chỉ tiêu hiện có thành cột và các dòng sẽ là tên các ngành nghề;

- Bỏ 2 chỉ tiêu: “Hàng hoá tồn kho đầu kỳ” và “Hàng hóa dịch vụ mua trong kỳ”.

34. Thủ tục Khai thuế TNDN khấu trừ từ tiền hoa hồng đại lý (59)-B-BTC-112523-TT-40CCT; (40)-B-BTC-084289-TT (cấp cục và chi cục)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

35. Thủ tục Khai quyết toán thuế TNDN (60)-B-BTC-040258-TT - 41CCT; (41)-B-BTC-084296-TT (cấp cục và chi cục)

a) Quy định doanh nghiệp đã nộp báo cáo tài chính theo Luật Kế toán không phải nộp báo cáo tài chính khi khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (Doanh nghiệp chỉ nộp một lần và nộp duy nhất 1 bản).

b) Sửa phụ lục chuyển lỗ Mẫu 03-2.

c) Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các mẫu và phụ lục ưu đãi, miễn giảm thuế:

- Sửa Mẫu 03-4A/TNDN;

- Phụ lục số 03-4Đ/TNDN: bỏ nội dung bán sản phẩm sản xuất thử;

- Phụ lục 03-4E/TNDN- Bổ sung người khuyết tật, người sau cai nghiện, người nhiễm HIV;

- Bỏ Phụ lục 03-4G/TNDN;

d) Bỏ Mẫu 03-3/TNDN. Xây dựng và ban hành mẫu mới với các tiêu thức phù hợp với Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: thuế suất (không còn thuế thu nhập bổ sung), lỗ chuyển nhượng bất động sản hạch toán riêng để bù trừ lãi của hoạt động này.

36. Thủ tục Khai thuế tiêu thụ đặc biệt (61)-B-BTC-040575-TT - 42CCT;(42)-B-BTC-084336-TT (cấp cục và chi cục)

a) Sửa Mẫu 01/TTĐB:

- Bỏ phần III - Hàng hoá thuộc trường hợp không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB).

- Bỏ chỉ tiêu số 9 "Điều chỉnh thuế TTĐB của các kỳ trước. Tăng (+); giảm (-).

b) Sửa Bảng kê mẫu 01-1/TTĐB thành Bảng thống kê sản lượng hàng hoá tiêu thụ trong kỳ. Thêm chỉ tiêu đơn vị tính bên cạnh chỉ tiêu Tên hàng hóa, dịch vụ.

c) Sửa đổi, bổ sung Mẫu 01-2/TTĐB theo hướng đơn giản, dễ cho người kê khai, đồng thời phải có tính liên kết giữa bảng I và bảng II.

d) Phân loại NNT để giảm tần suất bắt buộc kê khai thuế GTGT hàng tháng hiện nay xuống còn 3 tháng/lần đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh gia đình có thể áp dụng việc kê khai 6 tháng/lần.

37. Thủ tục Khai thuế tài nguyên đối với cơ sở thu mua tài nguyên (63); - B-BTC-042236-TT-44CCT; (44)-B-BTC-084364-TT; Khai thuế tài nguyên đối với cơ sở khai thác tài nguyên (62); B-BTC-084345-TT; (43) B-BTC-084354) (cấp cục và chi cục)

a) Quy định đối với trường hợp đơn vị thu mua khai và nộp thuế thay cho đơn vị khai thác là hình thức khấu trừ, nộp hộ, do đó quy định khai và nộp thuế theo từng lần phát sinh và không phải khai quyết toán. Trường hợp trong tháng phát sinh nhiều lần có thể đăng ký nộp tờ khai theo tháng.

b) Phân loại NNT để giảm tần suất bắt buộc kê khai thuế GTGT hàng tháng hiện nay xuống còn 3 tháng/lần đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh gia đình có thể áp dụng việc kê khai 6 tháng/lần.

38. Thủ tục Khai thuế môn bài theo năm (69)-B-BTC-042751-TT-46CCT

Bỏ quy định yêu cầu khai thuế môn bài hàng năm thay bằng quy định yêu cầu người nộp thuế khai thuế môn bài (theo tờ khai mẫu số 01/MBAI ban hành kèm theo thông tư 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính) khi đăng ký thuế lần đầu và/hoặc khi có điều chỉnh, bổ sung về vốn điều lệ. Hàng năm nếu không có điều chỉnh, bổ sung về vốn điều lệ thì người nộp thuế chỉ nộp tiền thuế môn bài theo vốn điều lệ đã đăng ký.

39. Thủ tục Khai khấu trừ của nhà thầu nước ngoài theo từng lần phát sinh hoặc theo tháng (trường hợp bên Việt Nam ký hợp đồng với nhà thầu nước ngoài không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam) (70)-B-BTC-043229-TT-54CCT; (54)-B-BTC-085222-TT (cấp cục và chi cục)

a) Sửa Mẫu tờ khai 01/NTNN ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC theo hướng cho phù hợp với quy định của Luật quản lý thuế (bỏ cột [14] tiền thù lao).

b) Sửa nội dung Thông báo áp dụng miễn giảm thuế theo Hiệp định, Mẫu 01-1A/NTNN ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC: Bỏ Mục 1.5 “Giấy chứng nhận cư trú số: ... cấp ngày: ... cho năm tính thuế”.

c) Quy định về đối tượng nộp thuế khi xác định nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân (TNCN) hay thuế thu nhập doanh nghiệp của nhà thầu là cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam (có cư trú hoặc không cư trú).

d) Quy định “bản sao không yêu cầu công chứng/chứng thực” đối với hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ và bản tóm tắt hợp đồng bằng tiếng Việt Nam với những nội dung liên quan đến số thuế kê khai (đối với lần khai thuế đầu tiên của hợp đồng nhà thầu); Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề trong thành phần hồ sơ.

40. Thủ tục Khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài (trường hợp bên Việt Nam ký hợp đồng với nhà thầu nước ngoài không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam) (71)-B-BTC-043510-TT-55CCT; (**55)-B-BTC-085226-TT (cấp cục và chi cục)**

a) Sửa Mẫu tờ khai 02/NTNN ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC:

- Bỏ “Phần dành cho cơ quan thuế”

- Bỏ cột “Đơn vị tính”

- Thêm chỉ tiêu tổng cộng số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp, số thuế nhà nhầu nước ngoài nộp thừa/thiếu đối với cả nhà thầu nước ngoài và nhà thầu phụ nước ngoài.

b) Ban hành kèm mẫu 02-1/NTNN Bảng kê các Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ tham gia thực hiện hợp đồng nhà thầu.

41. Thủ tục Khai thuế đối với nhà thầu nước ngoài là các hãng vận tải biển (72)-B-BTC-112705-TT

a) Sửa Mẫu tờ khai 01/CUOC ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC: Đổi tên mẫu tờ khai, loại bỏ chỉ tiêu số tiền được trích để lại, chỉ tiêu xác định số tiền thuế cước = tổng số tiền cước x 3%.

b) Sửa Mẫu bảng kê 01-1A/CUOC, 01-1B/CUOC, 01-1C/CUOC ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC: Bỏ các chỉ tiêu "Số thuế phải nộp", "Số thuế thu nhập doanh nghiệp đề nghị miễn, giảm".

42. Thủ tục Khai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân (dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ kinh doanh cho cá nhân không cư trú) (73)-B-BTC-B-BTC-044006-TT; (58)-B-BTC-085235-TT; Thủ tục Khai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng chứng khoán, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng cho cá nhân cư trú (74)-B-BTC-B-BTC-044030-TT;(59)-B-BTC-085236-TT; Thủ tục Khai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân (dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công cho cá nhân cư trú) (75)-B-BTC-044034-TT;(60)-B-BTC-085233-TT; Thủ tục Khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú (76)-B-BTC-044037-TT;(61)-B-BTC-085237-TT; Thủ tục Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân khai trực tiếp với cơ quan thuế đối với thu nhập từ tiền công, tiền lương (78)-B-BTC-126542-TT;(63)-B-BTC-044194-TT ; Khai quyết toán thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán (80)-B-BTC-044371-TT; (72)-B-BTC-085249-TT; Khai thuế thu nhập cá nhân dành cho cá nhân cư trú có thu nhập từ đầu tư vốn, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng từ nước ngoài (81)-B-BTC-044390-TT; (74)-B-BTC-085252-TT (cấp cục và chi cục)

Xây dựng mẫu tờ khai thuế TNCN song ngữ Việt – Anh dành cho cá nhân có thu nhập từ tiền công, tiền lương khai trực tiếp với cơ quan Thuế.

43. Thủ tục Khai thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn (79)-B-BTC-044285-TT; (71)-B-BTC-085248-TT (cấp cục và chi cục)

a) Xây dựng mẫu tờ khai thuế TNCN song ngữ Việt – Anh.

b) Bỏ thông báo thuế, NNT tự khai và tự nộp tiền thuế theo kê khai. Đồng thời bổ sung quy định về thời hạn nộp thuế sau khi kê khai.

44. Thủ tục Đăng ký người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công (82)-B-BTC-044399-TT; (75)-B-BTC-085254-TT (cấp cục và chi cục)

a) Xây dựng mẫu tờ khai thuế TNCN song ngữ Việt – Anh.

b) Thống nhất lại mẫu đăng ký người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh chung cho tất cả các cá nhân, cả kinh doanh và làm công ăn lương.

45. Khai quyết toán năm phí, lệ phí khác thuộc Ngân sách Nhà nước - B-BTC-085256-TT; B-BTC-044625-TT (88) (cấp cục và chi cục)

Bãi bỏ thủ tục hành chính. Thêm chỉ tiêu luỹ kế tháng trên tờ khai 01/PHLP.

46. Khai phí bảo vệ môi trường đối với tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản (90) B-BTC-044658-TT; (87)-B-BTC-085262-TT; Khai phí bảo vệ môi trường đối với cơ sở thu mua khoáng sản nộp phí thay người khai thác (91) B-BTC-044667-TT; (88)-B-BTC-085264-TT (cấp cục và chi cục)

a) Bỏ Mẫu 02/BVMT; Áp dụng Mẫu 01/BVMT đối với cả hai trường hợp: cơ sở khai thác khoáng sản và cơ sở thu mua khoáng sản nộp phí thay người khai thác. Đồng thời sửa nội dung đối tượng áp dụng Mẫu 01/BVMT thành: "Áp dụng đối với cơ sở khai thác khoáng sản và cơ sở thu mua khoáng sản nộp phí thay người khai thác".

b) Sửa chỉ tiêu "Số lượng khoáng sản khai thác" (cột (3), (4) trên tờ khai 01/BVMT thành "Sản lượng khai thác".

47. Thủ tục Hoàn thuế GTGT đối với trường hợp hàng hoá xuất khẩu để thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài (trường hợp hoàn trước kiểm tra sau) (102) B-BTC-044039-TT

a) Sửa quy định trong các văn bản dưới Luật về trình tự thực hiện theo hướng công khai các tiêu chí phân loại rủi ro để các doanh nghiệp xác định được mình là đối tượng được "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" hay "kiểm tra trước, hoàn thuế sau" khi làm thủ tục hoàn thuế. Tăng cường chế tài xử phạt đối với các hành vi trốn thuế, gian lận thuế.

b) Tách riêng các quy định về thành phần hồ sơ đối với từng trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" và "kiểm tra trước, hoàn thuế sau". Quy định thành phần hồ sơ đối với trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" chỉ bao

gồm đơn đề nghị hoàn thuế và bảng tổng hợp số thuế đề nghị được hoàn theo các tiêu chí do cơ quan thuế quy định.

c) Quy định số lượng bộ hồ sơ là 01 bộ.

d) Quy định thời hạn giải quyết đối với trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau là 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Phân cấp cho Chi cục Thuế hoàn thuế giá trị gia tăng của các đối tượng quản lý (không theo mức tiền).

e) Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008 trong thành phần hồ sơ:

- Mã chương;

- Mã ngành kinh tế;

- Mã nội dung kế toán.

48. Thủ tục Hoàn thuế GTGT đối với trường hợp hàng hoá xuất khẩu để thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài (trường hợp kiểm tra trước hoàn sau) (103) B-BTC-113269-TT

a) Tách riêng các quy định về thành phần hồ sơ đối với từng trường hợp "kiểm tra trước, hoàn thuế sau" và "hoàn thuế trước, kiểm tra sau". Quy định hiện tại về thành phần hồ sơ là phù hợp đối với trường hợp "kiểm tra trước, hoàn thuế sau", trừ yêu cầu về "bảng kê các hồ sơ có chữ ký và đóng dấu của cơ sở" và Mẫu số 01/HTBT.

b) Bỏ yêu cầu cung cấp: "Bảng kê hồ sơ có chữ ký, đóng dấu của cơ sở (ghi rõ: số, ngày giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài; số, ngày văn bản chấp thuận dự án đầu tư hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư; danh mục hàng hoá xuất khẩu để thực hiện dự án đầu tư tại nước ngoài do Bộ Thương mại cấp (trong đó ghi rõ: chủng loại, số lượng và trị giá hàng hoá)" trong thành phần hồ sơ.

c) Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là "01 bộ".

d) Bãi bỏ "Chứng từ nộp thuế" trong thành phần hồ sơ quy định tại Điều 58 chương VII Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006.

đ) Quy định thời hạn giải quyết đối với trường hợp "kiểm tra trước, hoàn thuế sau" là 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

e) Phân cấp cho Chi cục Thuế hoàn thuế giá trị gia tăng của các đối tượng quản lý (không theo mức tiền).

g) Loại bỏ mẫu đơn "Đề nghị hoàn thuế/phí – Mẫu số 01/HTBT" ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC trong thành phần hồ sơ.

h) Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008 trong thành phần hồ sơ:

- Mã chương;

- Mã ngành kinh tế;

- Mã nội dung kế toán.

49. Hoàn thuế GTGT đối với dự án ODA (trường hợp hoàn trước kiểm tra sau) (104) B-BTC-044040-TT

a) Sửa quy định trong các văn bản dưới Luật về trình tự thực hiện theo hướng công khai các tiêu chí phân loại rủi ro để các doanh nghiệp xác định được mình là đối tượng được "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" hay "kiểm tra trước, hoàn thuế sau" khi làm thủ tục hoàn thuế. Tăng cường chế tài xử phạt đối với các hành vi trốn thuế, gian lận thuế.

b) Tách riêng các quy định về thành phần hồ sơ đối với từng trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" và "kiểm tra trước, hoàn thuế sau". Quy định thành phần hồ sơ đối với trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" chỉ bao gồm đơn đề nghị hoàn thuế và bảng tổng hợp số thuế đề nghị được hoàn theo các tiêu chí do cơ quan thuế quy định.

c) Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

d) Quy định thời hạn giải quyết đối với trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" là 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

e) Phân cấp cho Chi cục Thuế hoàn thuế giá trị gia tăng theo các đối tượng quản lý (không theo mức tiền).

g) Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008:

- Mã chương;

- Mã ngành kinh tế;

- Mã nội dung kế toán.

50. Hoàn thuế GTGT đối với dự án ODA (trường hợp kiểm tra trước hoàn sau) (105) B-BTC-113302-TT

a) Tách riêng các quy định về thành phần hồ sơ đối với từng trường hợp "kiểm tra trước, hoàn thuế sau" và "hoàn thuế trước, kiểm tra sau". Quy định hiện tại về thành phần hồ sơ là phù hợp đối với trường hợp "kiểm tra trước, hoàn thuế sau", trừ yêu cầu về "bảng kê các hồ sơ có chữ ký và đóng dấu của cơ sở" và Mẫu số 01/HTBT.

b) Bỏ yêu cầu cung cấp: "Bảng kê khai tổng hợp thuế đầu vào được hoàn" trong thành phần hồ sơ.

c) Bỏ quy định yêu cầu cung cấp: "Xác nhận của cơ quan chủ quản dự án ODA về hình thức cung cấp dự án ODA là ODA không hoàn lại hay ODA vay được ngân sách nhà nước cấp phát ưu đãi thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT (bản sao có xác nhận của cơ sở) và việc không được ngân sách nhà nước cấp vốn đối ứng để trả thuế GTGT" trong thành phần hồ sơ.

d) Bãi bỏ "Chứng từ nộp thuế" trong thành phần hồ sơ quy định tại Điều 58 chương VII Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006.

đ) Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

e) Quy định thời hạn giải quyết đối với trường hợp "kiểm tra trước, hoàn thuế sau" là 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

g) Phân cấp cho Chi cục Thuế hoàn thuế giá trị gia tăng theo các đối tượng quản lý (không theo mức tiền).

h) Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008:

- Mã chương;

- Mã ngành kinh tế;

- Mã nội dung kế toán.

51. Hoàn thuế GTGT đối với tổ chức Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mua hàng hoá tại Việt Nam để viện trợ (trường hợp hoàn trước kiểm tra sau) (106) B-BTC-044041-TT

a) Sửa quy định trong các văn bản dưới Luật về trình tự thực hiện theo hướng công khai các tiêu chí phân loại rủi ro để các doanh nghiệp xác định được mình là đối tượng được "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" hay "kiểm tra trước, hoàn thuế sau" khi làm thủ tục hoàn thuế. Tăng cường chế tài xử phạt đối với các hành vi trốn thuế, gian lận thuế.

b) Tách riêng các quy định về thành phần hồ sơ đối với từng trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" và "kiểm tra trước, hoàn thuế sau". Quy định thành phần hồ sơ đối với trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" chỉ bao gồm đơn đề nghị hoàn thuế và bảng tổng hợp số thuế đề nghị được hoàn theo các tiêu chí do cơ quan thuế quy định.

c) Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

d) Quy định thời hạn giải quyết đối với trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" là 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Phân cấp cho Chi cục Thuế hoàn thuế giá trị gia tăng của các đối tượng quản lý (không theo mức tiền).

e) Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008:

- Mã chương;

- Mã ngành kinh tế;

- Mã nội dung kế toán.

52. Hoàn thuế GTGT đối với tổ chức Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mua hàng hoá tại Việt Nam để viện trợ (trường hợp kiểm tra trước hoàn sau) (107) B-BTC-113403-TT

a) Tách riêng các quy định về thành phần hồ sơ đối với từng trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" và "kiểm tra trước, hoàn thuế sau". Quy định thành phần hồ sơ đối với trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" chỉ bao gồm đơn đề nghị hoàn thuế và bảng tổng hợp số thuế đề nghị được hoàn theo các tiêu chí do cơ quan thuế quy định.

b) Bỏ quy định yêu cầu cung cấp: "Bảng kê khai tổng hợp thuế đầu vào được hoàn" trong thành phần hồ sơ.

c) Bỏ quy định yêu cầu cung cấp: "Văn bản xác nhận của Bộ Tài chính về khoản tiền viện trợ của tổ chức phi chính phủ nước ngoài nêu rõ: tên tổ chức viện trợ, giá trị khoản viện trợ, cơ quan tiếp nhận, quản lý tiền viện trợ" trong thành phần hồ sơ.

d) Bãi bỏ "Chứng từ nộp thuế" trong thành phần hồ sơ quy định tại Điều 58 chương VII Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006.

đ) Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

e) Quy định thời hạn giải quyết đối với trường hợp "kiểm tra trước, hoàn thuế sau" là 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

g) Phân cấp cho Chi cục Thuế hoàn thuế giá trị gia tăng của các đối tượng quản lý (không theo mức tiền).

h) Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008:

- Mã chương;

- Mã ngành kinh tế;

- Mã nội dung kế toán.

53. Hoàn thuế GTGT đối với đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao (trường hợp hoàn trước kiểm tra sau) (108) B-BTC-044043-TT

a) Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

b) Phân cấp cho Chi cục Thuế hoàn thuế giá trị gia tăng của các đối tượng quản lý (không theo mức tiền).

c) Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008:

- Mã chương;

- Mã ngành kinh tế;

- Mã nội dung kế toán.

54. Hoàn thuế GTGT đối với đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao (trường hợp kiểm tra trước hoàn sau) (109) B-BTC-113409-TT

a) Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

b) Bãi bỏ "Chứng từ nộp thuế" trong thành phần hồ sơ quy định tại Điều 58 chương VII Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006.

c) Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008:

- Mã chương;

- Mã ngành kinh tế;

- Mã nội dung kế toán.

55. Hoàn thuế thu nhập cá nhân (trường hợp hoàn trước kiểm tra sau) (110) B-BTC-044044-TT; (97)-B-BTC-126594-TT (cấp cục và chi cục)

Hợp nhất thủ tục hoàn thuế TNCN với Khai quyết toán thuế TNCN.

56. Hoàn thuế thu nhập cá nhân (trường hợp kiểm tra trước hoàn sau) (111) B-BTC-113541-TT; (98) -B-BTC-126597-TT (cấp cục và chi cục)

Hợp nhất thủ tục hoàn thuế TNCN với Khai quyết toán thuế TNCN.

57. Hoàn thuế, phí nộp thừa đối với người nộp thuế sáp nhập, chia tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu, chấm dứt hoạt động (trường hợp kiểm tra trước hoàn sau) (114) B-BTC-113593-TT; (100)-B-BTC-112348-TT (cấp cục và chi cục)

a) Bãi bỏ "Chứng từ nộp thuế" trong thành phần hồ sơ quy định tại Điều 58 chương VII Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006.

b) Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

c) Quy định thời hạn giải quyết đối với trường hợp "kiểm tra trước, hoàn thuế sau" là 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

d) Phân cấp cho chi cục ra quyết định hoàn thuế.

đ) Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008:

- Mã chương;

- Mã ngành kinh tế;

- Mã nội dung kế toán.

58. Hoàn phí xăng dầu (trường hợp hoàn trước kiểm tra sau) (115) B-BTC-044083-TT

a) Sửa quy định trong các văn bản dưới Luật về trình tự thực hiện theo hướng công khai các tiêu chí phân loại rủi ro để các doanh nghiệp xác định

được mình là đối tượng được "hoàn phí trước, kiểm tra sau" hay "kiểm tra trước, hoàn phí sau" khi làm thủ tục hoàn thuế. Tăng cường chế tài xử phạt đối với các hành vi trốn thuế, gian lận thuế.

b) Tách riêng các quy định về thành phần hồ sơ đối với từng trường hợp "hoàn phí trước, kiểm tra sau" và "kiểm tra trước, hoàn phí sau". Quy định thành phần hồ sơ đối với trường hợp "hoàn phí trước, kiểm tra sau" chỉ bao gồm đơn đề nghị hoàn phí và bảng tổng hợp số phí đề nghị được hoàn theo các tiêu chí do cơ quan thuế quy định.

c) Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

d) Quy định thời hạn giải quyết đối với trường hợp "hoàn phí trước, kiểm tra sau" là 06 ngày làm việc .

đ) Phân cấp cho chi cục ra quyết định hoàn phí.

e) Loại bỏ mẫu đơn "Đề nghị hoàn thuế/phí – Mẫu số 01/HTBT" trong thành phần hồ sơ.

g) Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008:

- Mã chương;

- Mã ngành kinh tế;

- Mã nội dung kế toán.

59. Hoàn phí xăng dầu (trường hợp kiểm tra trước hoàn sau) (116) B-BTC-113610-TT

a) Tách riêng các quy định về thành phần hồ sơ đối với từng trường hợp "kiểm tra trước, hoàn phí sau" và "hoàn phí trước, kiểm tra sau". Quy định hiện tại về thành phần hồ sơ là phù hợp đối với trường hợp "kiểm tra trước, hoàn phí sau", trừ yêu cầu về "bảng kê các hồ sơ có chữ ký và đóng dấu của cơ sở" và Mẫu số 01/HTBT.

b) Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

c) Quy định thời hạn giải quyết đối với trường hợp "kiểm tra trước, hoàn phí sau" là 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

d) Phân cấp cho chi cục ra quyết định hoàn phí.

đ) Loại bỏ mẫu đơn "Đề nghị hoàn thuế/phí – Mẫu số 01/HTBT" ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC trong thành phần hồ sơ.

e) Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008:

- Mã chương;

- Mã ngành kinh tế;

- Mã nội dung kế toán.

60. Thủ tục Hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá thực xuất khẩu đang trong thời gian chưa được phía nước ngoài thanh toán qua ngân hàng theo hợp đồng xuất khẩu và các trường hợp giải quyết nhanh các trường hợp hoàn thuế khác (117) B-BTC-113614-TT; (101)-B-BTC-112349-TT (cấp cục và chi cục)

a) Đối với trường hợp hoàn trước kiểm tra sau:

- Sửa quy định trong các văn bản dưới Luật về trình tự thực hiện theo hướng công khai các tiêu chí phân loại rủi ro để các doanh nghiệp xác định được mình là đối tượng được "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" hay "kiểm tra trước, hoàn thuế sau" khi làm thủ tục hoàn thuế. Tăng cường chế tài xử phạt đối với các hành vi trốn thuế, gian lận thuế.

- Tách riêng các quy định về thành phần hồ sơ đối với từng trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" và "kiểm tra trước, hoàn thuế sau". Quy định thành phần hồ sơ đối với trường hợp "hoàn thuế trước, kiểm tra sau" chỉ bao gồm đơn đề nghị hoàn thuế và bảng tổng hợp số thuế đề nghị được hoàn theo các tiêu chí do cơ quan thuế quy định.

- Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

- Phân cấp cho Chi cục Thuế hoàn thuế giá trị gia tăng của các đối tượng quản lý (không theo mức tiền).

- Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008:

+ Mã chương;

+ Mã ngành kinh tế;

+ Mã nội dung kế toán.

b) Đối với trường hợp kiểm tra trước hoàn sau.

- Tách riêng các quy định về thành phần hồ sơ đối với từng trường hợp "kiểm tra trước, hoàn thuế sau" và "hoàn thuế trước, kiểm tra sau". Quy định hiện tại về thành phần hồ sơ là phù hợp đối với trường hợp "kiểm tra trước, hoàn thuế sau", trừ yêu cầu về "bảng kê các hồ sơ có chữ ký và đóng dấu của cơ sở" và Mẫu số 01/HTBT.

- Bãi bỏ "Chứng từ nộp thuế" trong thành phần hồ sơ quy định tại Điều 58 chương VII Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006.

- Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

- Phân cấp cho chi cục ra quyết định hoàn thuế.

- Loại bỏ các thông tin sau trong Mục 2.1 Mẫu số 05/ĐTHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008:

+ Mã chương;

+ Mã ngành kinh tế;

+ Mã nội dung kế toán.

61. Thủ tục Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước (dưới đây gọi chung là tiền thuê đất) trong thời gian xây dựng theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với tổ chức kinh tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (120)-B-BTC-113628-TT

Bổ sung quy định về thành phần hồ sơ và trình tự thực hiện đối với trường hợp dự án bị kéo dài hơn so với thời gian được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

62. Thủ tục Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước (dưới đây gọi chung là tiền thuê đất) đối với Các trường hợp do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với tổ chức kinh tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (126)-B-BTC-113665-TT; Thủ tục Giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước (dưới đây gọi chung là tiền thuê đất) đối với Các trường hợp do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với tổ chức kinh tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (131)-B-BTC-114682-TT (Cấp cục và chi cục)

Bổ sung quy định yêu cầu cung cấp "Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh" trong thành phần hồ sơ.

63. Thủ tục Miễn thuế tài nguyên cho tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên gặp thiên tai, địch hoạ, tai nạn bất ngờ, gây tổn thất đến tài nguyên đã kê khai và nộp thuế (134)- B-BTC-114709-TT; B-BTC-112463-TT; Thủ tục Miễn,giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp trong trường hợp thiên tai, địch hoạ làm thiệt hại mùa màng cho từng hộ nộp thuế theo từng vụ sản xuất (135) -B-BTC-114718-TT (cấp cục và chi cục)

Quy định cơ quan có thẩm quyền giải quyết: là cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

64. Thủ tục Giảm thuế tiêu thụ đặc biệt cho người nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, tai nạn bất ngờ không có khả năng nộp thuế (136)- B-BTC-114725-TT; (133)-B-BTC-112467-TT (cấp cục và chi cục)

a) Quy định thành phần hồ sơ: Thay thế "bản quyết toán tài chính" bằng "báo cáo tài chính".

b) Bỏ quy định có xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn đối với văn bản đề nghị miễn giảm Mẫu số 01/MGTH ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính.

65. Thủ tục Giảm thuế Thu nhập cá nhân đối với đối tượng nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, hoả hoạn (137) -B-BTC-044105-TT;(134)-B-BTC-080066-TT;Thủ tục Giảm thuế Thu nhập cá nhân đối với đối tượng nộp thuế gặp khó khăn do bị tai nạn (138) -B-BTC-044110-TT;(135)-B-BTC-080067-TT; Thủ tục Giảm thuế Thu nhập cá nhân đối với đối tượng nộp thuế mắc bệnh hiểm nghèo (139)- B-BTC-044116-TT; (136)-B-BTC-080069-TT (cấp cục và chi cục)

Sửa quy định về thành phần hồ sơ: Không yêu cầu cá nhân nộp thuế phải lập hồ sơ hoàn thuế riêng khi được miễn, giảm thuế. Trên cơ sở đề nghị miễn, giảm thuế, cho phép cá nhân nộp thuế khai các thông tin yêu cầu hoàn khi đã được xét giảm và cho phép hoàn thuế cùng với xét duyệt miễn giảm.

66. Thủ tục Miễn thuế, giảm thuế TNCN theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần đối với cá nhân là đối tượng cư trú của nước ngoài (140) - B-BTC-114743-TT; Thủ tục Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần đối với cá nhân nước ngoài là đối tượng cư trú của Việt Nam được hưởng các quy định miễn, giảm thuế đối với thu nhập quy định tại các Điều khoản thu nhập từ phục vụ Chính phủ, thu nhập của sinh viên, học sinh học nghề và thu nhập của giáo viên, giáo sư và người nghiên cứu; Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định đối với vận động viên và nghệ sĩ là đối tượng cư trú của nước ngoài có thu nhập từ biểu diễn văn hoá, thể dục thể thao tại Việt Nam(141 & 142) - B-BTC-114757-TT; B-BTC-114772-TT; Thủ tục Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định đối với

nhà thầu nước ngoài thực hiện chế độ kế toán Việt Nam, có thu nhập từ hoạt động hành nghề độc lập (144)- B-BTC-114811-TT; Thủ tục Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định đối với nhà thầu nước ngoài không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam, có thu nhập từ hoạt động hành nghề độc lập(145) - B-BTC-114827-TT; Thủ tục Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định đối với nhà thầu nước ngoài không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam, có thu nhập từ vận tải hàng không (146)- B-BTC-114838-TT; Thủ tục Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định đối với nhà thầu nước ngoài không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam, có thu nhập khác(147) - B-BTC-114843-TT; Thủ tục Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định đối với nhà thầu nước ngoài có thu nhập từ chuyển nhượng vốn(149) - B-BTC-114885-TT

a) Sửa quy định về thành phần hồ sơ:

- Quy định Bản sao không yêu cầu chứng thực đối với các giấy tờ kèm theo.

- Quy định những loại giấy tờ phải hợp pháp hoá lãnh sự trong từng trường hợp cụ thể.

b) Thống nhất các mẫu Thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định (mẫu số 01-1A/TNCN, 01-1B/TNCN, 01-1C/TNCN, 01-1A/NTNN, 01-1B/NTNN, 01-1C/NTNN, 01-2/CUOC) và sử dụng cả tiếng Anh và tiếng Việt trên mẫu thông báo.

c) Bổ sung thêm chỉ tiêu số thuế đề nghị hoàn trên các mẫu.

d) Quy định "Ngày thực hiện hợp đồng là ngày thực hiện các công việc theo hợp đồng".

đ) Bộ Tài chính quy định các loại giấy tờ có chữ ký, con dấu của nước ngoài cần hợp pháp hóa lãnh sự trong từng trường hợp cụ thể liên quan đến miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

e) Quy định Thông tư số 60/2007/TT-BTC thay thế Thông tư số 133/2004/TT-BTC và bổ sung đủ các trường hợp miễn, giảm thuế.

67. Thủ tục Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần đối với nhà thầu nước ngoài thực hiện chế độ kế toán Việt Nam, có thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh (143)- B-BTC-114800-TT

a) Bộ Tài chính quy định các loại giấy tờ có chữ ký, con dấu của nước ngoài cần hợp pháp hóa lãnh sự trong từng trường hợp cụ thể liên quan đến miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

b) Phương án lâu dài: Việt Nam xem xét gia nhập Công ước Lahay ngày 5/10/1961 về Bãi bỏ yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các tài liệu công của nước ngoài (Công ước Lahay Apostille).

c) Quy định Thông tư số 60/2007/TT-BTC thay thế Thông tư số 133/2004/TT-BTC và bổ sung đủ các trường hợp miễn, giảm thuế.

68. Thủ tục Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định đối với hãng vận tải nước ngoài không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam, có hoạt động vận tải quốc tế giữa cảng biển Việt Nam và nước ngoài (148) - B-BTC-114851-TT

a) Quy định: Nộp bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp) hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp hồ sơ nộp qua đường bưu điện) đối với các giấy tờ sau trong thành phần hồ sơ: Hợp đồng lao động với người sử dụng lao động ở nước ngoài (nếu có); Hợp đồng lao động với người sử dụng lao động tại Việt Nam; Hộ chiếu.

b) Thống nhất các mẫu Thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định (mẫu số 01-1A/TNCN, 01-1B/TNCN, 01-1C/TNCN, 01-1A/NTNN, 01-1B/NTNN, 01-1C/NTNN, 01-2/CUOC) và sử dụng cả tiếng Anh và tiếng Việt trên mẫu thông báo.

c) Bổ sung thêm chỉ tiêu số thuế đề nghị hoàn trên các mẫu.

d) Quy định "Ngày thực hiện hợp đồng là ngày thực hiện các công việc theo hợp đồng".

đ) Bộ Tài chính quy định các loại giấy tờ có chữ ký, con dấu của nước ngoài cần hợp pháp hóa lãnh sự trong từng trường hợp cụ thể liên quan đến miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

e) Phương án lâu dài: Việt Nam xem xét gia nhập Công ước Lahay ngày 5/10/1961 về Bãi bỏ yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các tài liệu công của nước ngoài (Công ước Lahay Apostille).

g) Quy định Thông tư số 60/2007/TT-BTC thay thế Thông tư số 133/2004/TT-BTC và bổ sung đủ các trường hợp miễn, giảm thuế.

69. Thủ tục Miễn thuế TNCN đối với chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình, dự án viện trợ phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam (151)- B-BTC-114924-TT

a) Sửa quy định về thành phần hồ sơ: thay mẫu "xác nhận của Cơ quan chủ quản có thẩm quyền phê duyệt chương trình, dự án viện trợ PCP (Bộ, Ban, ngành, cơ quan Trung ương của tổ chức nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương)" bằng yêu cầu xuất trình "bản sao thỏa thuận giữa Tổ chức phi chính phủ nước ngoài và Cơ quan chủ quản có thẩm quyền phê duyệt chương trình, dự án viện trợ PCP (Bộ, Ban, ngành, cơ quan Trung ương của tổ chức nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) về các đối tượng được miễn thuế".

b) Quy định về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.

70. Thủ tục Thủ tục cấp Hoá đơn lẻ (156)-B-BTC-115176-TT

Bổ sung nội dung quy định thời hạn giải quyết thủ tục hành chính là "giải quyết trong ngày".

71. Thủ tục Báo cáo mất hoá đơn (157)-B-BTC-115186-TT

Bỏ xác nhận của cơ quan công an địa phương đối với trường hợp hóa đơn bị mất cắp.

72. Thủ tục Báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn (158)-B-BTC-115195-TT

a) Thay đổi, bổ sung một số nội dung chi tiết trong mẫu báo cáo, như: Mẫu số, ký hiệu, từ số ... đến số ....

b) Sử dụng báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn (mẫu số BC- 26/HĐ) thay cho báo cáo thanh quyết toán sử dụng hoá đơn hàng năm (mẫu số: BC-29/HĐ).

c) Bổ sung chỉ tiêu "số lũy kế của hóa đơn đã sử dụng" trong báo cáo sử dụng hóa đơn hàng tháng.

73. Thủ tục Báo cáo thanh, quyết toán sử dụng hoá đơn năm (159)-B-BTC-115200-TT

Bãi bỏ thủ tục này. Thay vào đó, bổ sung chỉ tiêu "số lũy kế của hóa đơn đã sử dụng" trong báo cáo sử dụng hóa đơn hàng tháng.

74. Thủ tục nhận in hoá đơn tự in (160)-B-BTC-115210-TT

Bãi bỏ thủ tục hành chính này. Thay vào đó, tổ chức nhận in hóa đơn tự in phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo với cơ quan thuế. Kỳ báo cáo và nội dung báo cáo do Bộ Tài chính quy định (bao gồm nhưng không hạn chế: tên, mã số thuế, địa chỉ người đặt in; loại, ký hiệu, số lượng hóa đơn nhận in cho từng khách hàng), đảm bảo mục tiêu quản lý.

75. Thủ tục đăng ký sử dụng biên lai phí, lệ phí tự in (161)-B-BTC-115215-TT

a) Thay "đăng ký" bằng "thông báo" kèm mẫu biên lai tự in. Nội dung trong thông báo do Bộ Tài Chính quy định.

b) Quy định thời hạn giải quyết là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

c) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 85/2005/QĐ-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2005 của Bộ Tài chính.

76. Thủ tục đăng ký lưu hành biên lai phí, lệ phí tự in (162)-B-BTC-115224-TT

a) Thay "đăng ký" bằng "thông báo" và bỏ yêu cầu cung cấp mẫu biên lai tự in. Nội dung trong thông báo do Bộ Tài chính quy định.

b) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 85/2005/QĐ-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2005 của Bộ Tài chính.

77. Thủ tục Khấu trừ thuế nước ngoài vào thuế phải nộp tại Việt Nam (166) – B-BTC-115264-TT

a) Rút ngắn thời hạn giải quyết theo lộ trình, giao Bộ Tài chính xác định thời gian cụ thể trên cơ sở đánh giá thực tế.

b) Bộ Tài chính quy định các loại giấy tờ có chữ ký, con dấu của nước ngoài cần hợp pháp hóa lãnh sự trong từng trường hợp cụ thể liên quan đến miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

c) Phương án lâu dài: Việt Nam xem xét gia nhập Công ước Lahay ngày 5 tháng 10 năm 1961 về Bãi bỏ yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các tài liệu công của nước ngoài (Công ước Lahay Apostille).

d) Xây dựng và ban hành Mẫu đơn song ngữ Việt – Anh.

đ) Quy định Thông tư số 60/2007/TT-BTC thay thế Thông tư số 133/2004/TT-BTC và bổ sung đủ các trường hợp miễn, giảm thuế.

78. Xác nhận số thuế đã nộp tại Việt Nam đối với đối tượng cư trú của nước ngoài - Trường hợp người nộp thuế đề nghị xác nhận số thuế thực nộp tại Việt Nam (167) – B-BTC-115273-TT

a) Bãi bỏ yêu cầu cung cấp "giấy xác nhận của Kho bạc Nhà nước nơi đã nộp thuế".

b) Bộ Tài chính quy định các loại giấy tờ có chữ ký, con dấu của nước ngoài cần hợp pháp hóa lãnh sự trong từng trường hợp cụ thể liên quan đến miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

c) Phương án lâu dài: Việt Nam xem xét gia nhập Công ước Lahay ngày 5 tháng 10 năm 1961 về Bãi bỏ yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các tài liệu công của nước ngoài (Công ước Lahay Apostille).

d) Quy định thời hạn giải quyết tối đa là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

79. Xác nhận số thuế đã nộp tại Việt Nam đối với đối tượng cư trú của nước ngoài - Trường hợp đối tượng đề nghị xác nhận số thuế phát sinh tại Việt Nam nhưng không phải nộp do được hưởng ưu đãi thuế và được coi như số thuế đã nộp để khấu trừ số thuế khoán tại nước nơi cư trú (168) – B-BTC-115280-TT

a) Bộ Tài chính quy định các loại giấy tờ có chữ ký, con dấu của nước ngoài cần hợp pháp hóa lãnh sự trong từng trường hợp cụ thể liên quan đến miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

b) Phương án lâu dài: Việt Nam cần xem xét gia nhập Công ước Lahay ngày 5 tháng 10 năm 1961 về Bãi bỏ yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các tài liệu công của nước ngoài (Công ước Lahay Apostille).

c) Bỏ quy định yêu cầu cung cấp các loại giấy tờ sau trong thành phần hồ sơ:

- Bản sao tài liệu chứng minh về tình trạng kinh doanh, đầu tư và các ưu đãi về thuế thu nhập được hưởng tại Việt Nam như giấy phép kinh doanh, giấy phép đầu tư, chứng nhận sở hữu cổ phần,… tại Việt Nam;

- Bản sao tờ khai hoặc biên bản quyết toán thuế thu nhập.

d) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính tối đa là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

80. Xác nhận đối tượng cư trú của Việt Nam (169)-B-BTC-115291-TT

a) Bộ Tài chính quy định các loại giấy tờ có chữ ký, con dấu của nước ngoài cần hợp pháp hóa lãnh sự trong từng trường hợp cụ thể liên quan đến miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

b) Phương án lâu dài: Việt Nam cần xem xét gia nhập Công ước Lahay ngày 5/10/1961 về Bãi bỏ yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các tài liệu công của nước ngoài (Công ước Lahay Apostille).

c) Quy định mẫu đơn, mẫu tờ khai nên để cả Tiếng Anh và Tiếng Việt.

d) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

81. Gia hạn nộp hồ sơ khai thuế (170)-B-BTC-044703-TT

Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

82. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế (171)- B-BTC-044709-TT

a) Quy định trường hợp được khai bổ sung, điều chỉnh. Cụ thể:

- Chỉ khai bổ sung, điều chỉnh đối với các trường hợp do NNT sai sót, nhầm lẫn hoặc có điều chỉnh về số liệu đã kê khai.

- Các trường hợp NNT được điều chỉnh do chính sách quy định (như điều chỉnh do bên mua, bên bán trả lại hàng hoá; điều chỉnh do quyết toán được duyệt thay đổi hay các khoản điều chỉnh theo chế độ kế toán cho phép....) thì sẽ khai như một khoản phát sinh.

b) Bỏ mẫu 01/KHBS Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính.

c) Xây dựng và ban hành mẫu tờ khai điều chỉnh cho từng loại thuế riêng biệt đảm bảo yêu cầu: Giải thích được nội dung chỉ tiêu khai điều chỉnh; số tiền tăng giảm của từng chỉ tiêu trên Tờ khai thuế và tính được số thuế tăng, giảm do điều chỉnh ngay trên mẫu tờ khai điều chỉnh. Việc tính phạt nộp chậm trên số khai điều chỉnh làm tăng số thuế phải nộp cần phải có liên kết với số liệu đã kê khai trên tờ khai cũ để xác định mức độ chiếm dụng tiền thuế của việc khai sai.

C. Cấp Chi cục thực hiện

1. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là Hợp tác xã, tổ hợp tác (trừ các đơn vị trực thuộc) (1)-B-BTC-044682-TT.

a) Quy định về thành phần hồ sơ: "Bản sao không yêu cầu chứng thực" đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; hoặc giấy phép đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; hoặc Quyết định thành lập.

b) Quy định thời hạn giải quyết là 05 ngày làm việc đối với các hồ sơ đăng ký nộp trực tiếp tại các chi cục thuế, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký thuế theo quy định (không tính thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ do NNT kê khai sót).

c) Sửa đổi mẫu tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính:

- Bỏ chỉ tiêu số 2: Tên giao dịch;

- Bỏ chỉ tiêu số 10: Tổng số lao động;

- Bỏ chỉ tiêu số 12: Tài khoản ngân hàng, kho bạc.

2. Thủ tục Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là đơn vị trực thuộc của Hợp tác xã, tổ hợp tác-B-BTC-044685-TT

a) Quy định về thành phần hồ sơ: "Bản sao không yêu cầu chứng thực" đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của chi nhánh hoặc giấy phép đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

b) Quy định thời hạn giải quyết là 05 ngày làm việc đối với các hồ sơ đăng ký nộp trực tiếp tại các chi cục thuế, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký thuế theo quy định (không tính thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ do NNT kê khai sót).

3. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân, nhóm cá nhân kinh doanh (3)-B-BTC-044691-TT

a) Quy định về thành phần hồ sơ: "Bản sao không yêu cầu chứng thực" đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng minh nhân dân.

b) Quy định thời hạn giải quyết là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký thuế theo quy định (không tính thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ do NNT kê khai sót).

4. Thủ tục Khai thuế nhà đất đối với cá nhân, hộ gia đình (47)-B-BTC-042988-TT

Sửa Tờ khai Mẫu số:02/NĐAT ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài Chính như sau:

- Bỏ các từ “đóng dấu”, “và chức vụ”;

- Sửa chỉ tiêu 03: “Mã số thuế” thành “Mã số thuế hoặc số chứng minh nhân dân”;

- Thêm cụm từ “Cư trú” vào chỉ tiêu 04 thành “Địa chỉ cư trú”;

- Thêm cụm từ “tổ/thôn” vào chỉ tiêu 09;

- Chỉ tiêu 13: Đất đô thị đề nghị thêm: Đường phố (mặt phố); đất trong ngõ, hẻm;

- Chỉ tiêu 12: Đề nghị theo dòng: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có) số.....ngày cấp....thửa đất số... tờ bản đồ số.....

5. Thủ tục Khai thuế nhà đất đối với tổ chức (48)-B-BTC-043082-TT

a) Sửa tờ khai Mẫu số 01/NĐAT ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài Chính theo hướng trên tờ khai thuế chỉ bao gồm các thông tin do NNT khai, còn các thông tin do cơ quan thuế xác định và tính thuế chuyển sang nội dung của thông báo thuế.

b) Thay đổi quy trình khai thuế nhà đất là người nộp thuế không thực hiện tự khai tự nộp thuế, mà người nộp thuế chỉ khai một số thông tin ban đầu làm căn cứ tính thuế (ví dụ: diện tích, địa chỉ...); cơ quan thuế xác định tiếp các căn cứ tính thuế khác (ví dụ: vị trí, hạng đất, giá tính thuế...), cơ quan thuế xác định số thuế phải nộp cuối cùng, in thông báo nộp thuế gửi cho người nộp thuế.

6. Thủ tục khai tiền thuê mặt đất, mặt nước (52)-B-BTC-043175-TT

Sửa Tờ khai Mẫu số 01/TMĐN ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính: Thêm chỉ tiêu mã số thuế của người nộp thuế.

7. Thủ tục khai thuế khoán áp dụng cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (56)-B-BTC-043971-TT; Thủ tục khai thuế khoán áp dụng cho hộ kinh doanh, cá nhân khai thác tài nguyên khoáng sản (57)-B-BTC-043987-TT

Sửa quy định về thời hạn nộp thuế để hộ kinh doanh nộp các loại thuế GTGT, TNCN, TNDN, TTĐB... cùng 1 thời điểm (sửa thời hạn nộp thuế đối với hộ khoán trong Thông tư số 60/2007/TT-BTC và Thông tư số 84/2008/TT-BTC cho đồng nhất).

8. Thủ tục khai quyết toán thuế TNCN đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công và cá nhân có thu nhập từ kinh doanh (67)- B-BTC-044239-TT

a) Quy định cá nhân nộp thuế khoán vừa có thu nhập từ tiền lương tiền công và thu nhập khác thì không phải quyết toán lại phần thu nhập đã khoán.

b) Thống nhất về cách khai thuế đối với hộ gia đình, cá nhân kinh doanh làm đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng là khai thuế thu nhập cá nhân.

c) Bổ sung thêm các mẫu biểu và hướng dẫn khai miễn giảm thuế theo Hiệp dịnh tránh đánh thuế 2 lần.

d) Sửa mẫu Bảng kê thu nhập từ kinh doanh mẫu 09B/KK-TNCN:

- Thêm chỉ tiêu số thuế TNCN đã khấu trừ từ kinh doanh (đại lý bảo hiểm, xổ số, bán hàng...);

- Bỏ quy định về khai quyết toán đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế khoán có thu nhập từ tiền lương, tiền công.

9. Thủ tục khai thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán thuế (68)- B-BTC-044254-TT; Thủ tục khai thuế Thu nhập cá nhân đối với nhóm cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán thuế (69) - B-BTC-044259-TT

a) Kết hợp tờ khai khoán và tờ khai thuế TNCN trong một tờ khai đối với hộ gia đình, cá nhân kinh doanh.

b) Sửa quy định về thời hạn nộp thuế để hộ kinh doanh nộp các loại thuế khoán và thuế TNCN cùng một thời điểm.

c) Bỏ chỉ tiêu khai giảm trừ gia cảnh trên tờ khai, tách khai giảm trừ gia cảnh thành mẫu riêng để khai giảm trừ gia cảnh chung cho cả cá nhân làm công ăn lương và cá nhân kinh doanh. Hàng năm không có thay đổi người phụ thuộc thì NNT không phải kê khai.

d) Bỏ quy định về quyết toán thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế khoán đồng thời có thu nhập từ tiền lương tiền công.

10. **Thủ tục Khai thuế TNCN dành cho cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu, nhận cổ phiếu thưởng, nhận cổ tức ghi tăng vốn góp (80)-B-BTC-112282-TT**

Bổ sung quy định tách "thông báo thuế" đối với các trường hợp cơ quan thuế có đủ thông tin, kiểm tra đối chiếu và tính lại nghĩa vụ thuế của người nộp thuế; không gắn liền với tờ khai thuế.

11. Thủ tục Khai lệ phí trước bạ tàu thuyền, ôtô, xe máy, súng săn, súng thể thao (82)-B-BTC-044566-TT;Thủ tục Kê khai lệ phí trước bạ tàu thuyền đánh cá, tàu thuyền vận tải thuỷ nội địa có trọng tải dưới 50 tấn hoặc dưới 20 ghế hành khách (trường hợp thiếu hồ sơ gốc) (83)-B-BTC-044576-TT

a) Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

b) Thống nhất Nghị định số 176/1999/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ và Nghị định số 47/2003/NĐ-CP ngày 12 tháng 5

năm 2003 của Chính phủ đã được Nghị định số 80/2008/NĐ-CP ngày 29 tháng 07 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều.

c) Thống nhất Thông tư số 95/2005/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính và Thông tư số 02/2007/TT-BTC ngày 08 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính.

12. Thủ tục mua hoá đơn lần đầu đối với hộ kinh doanh (139)- B-BTC-081447-TT

a) Bãi bỏ các loại giấy tờ sau trong thành phần hồ sơ:

+ Bản phô tô copy Giấy chứng nhận Đăng ký thuế,

+ Bản vẽ sơ đồ địa điểm kinh doanh;

b) Quy định thời gian giải quyết: trong ngày làm việc.

13. Thủ tục mua hoá đơn các lần tiếp theo đối với hộ kinh doanh (141)-B-BTC-081455-TT

Quy định thời gian giải quyết: trong ngày làm việc.

14. Thủ tục cấp hóa đơn lẻ (143)-B-BTC-112471-TT

a) Bỏ toàn bộ thành phần hồ sơ hiện hành của thủ tục hành chính này. Chỉ quy định: đối tượng thực hiện thủ tục hành chính này phải có văn bản đề nghị cơ quan thuế cấp hóa đơn lẻ, các tiêu chí trong văn bản đề nghị do Bộ Tài Chính quy định (nội dung bao gồm nhưng không hạn chế: doanh thu; mã số thuế người mua; mã số thuế người bán...).

b) Bổ sung quy định thời hạn giải quyết: trong ngày làm việc.

15. Báo cáo mất hoá đơn(144)-B-BTC-112475-TT

Bỏ xác nhận của cơ quan công an địa phương đối với trường hợp hóa đơn bị mất cắp.

16. Báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn (145)-B-BTC-112478-TT

a) Thay đổi, bổ sung một số nội dung chi tiết trong mẫu báo cáo, như: Mẫu số, ký hiệu, từ số .....đến số ....

b) Sử dụng báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn (mẫu số BC- 26/HĐ) thay cho báo cáo thanh quyết toán sử dụng hoá đơn hàng năm (mẫu số: BC-29/HĐ).

c) Bổ sung chỉ tiêu "số lũy kế về hóa đơn sử dụng" trong báo cáo sử dụng hóa đơn hàng tháng.

17. Báo cáo thanh, quyết toán sử dụng hoá đơn năm (146)-B-BTC-112483-TT

Bãi bỏ thủ tục này. Bổ sung chỉ tiêu "số lũy kế về hóa đơn sử dụng" trong báo cáo sử dụng hóa đơn hàng tháng.

18. Thủ tục đăng ký lưu hành biên lai phí lệ phí tự in (147)-B-BTC-112485-TT

a) Thay "đăng ký" bằng hình thức "thông báo" và bỏ yêu cầu cung cấp mẫu biên lai tự in. Nội dung trong thông báo do Bộ Tài chính quy định.

b) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 85/2005/QĐ-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2005 của Bộ Tài chính.

19. Gia hạn nộp hồ sơ khai thuế (151)-B-BTC-085279-TT

Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo định.

20. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế (152)-B-BTC-085284-TT

a) Quy định trường hợp được khai bổ sung, điều chỉnh. Cụ thể:

- Chỉ khai bổ sung, điều chỉnh đối với các trường hợp do NNT sai sót, nhầm lẫn hoặc có điều chỉnh về số liệu đã kê khai.

- Các trường hợp NNT được điều chỉnh do chính sách quy định (như điều chỉnh do bên mua, bên bán trả lại hàng hoá; điều chỉnh do quyết toán được duyệt thay đổi hay các khoản điều chỉnh theo chế độ kế toán cho phép....) thì sẽ khai như một khoản phát sinh.

b) Bỏ mẫu 01/KHBS Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính.

c) Xây dựng và ban hành mẫu tờ khai điều chỉnh cho từng loại thuế riêng biệt đảm bảo yêu cầu: Giải thích được nội dung chỉ tiêu khai điều chỉnh; số tiền tăng giảm của từng chỉ tiêu trên Tờ khai thuế và tính được số thuế tăng, giảm do điều chỉnh ngay trên mẫu tờ khai điều chỉnh. Việc tính phạt nộp chậm trên số khai điều chỉnh làm tăng số thuế phải nộp cần phải có liên kết với số liệu đã kê khai trên tờ khai cũ để xác định mức độ chiếm dụng tiền thuế của việc khai sai.

III. LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN

1. Thủ tục Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng – B-BTC-035318-TT

a) Bãi bỏ yêu cầu phải có chấp thuận nguyên tắc của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) trước khi nộp hồ sơ đăng ký chào bán chính thức, thay bằng trình tự thông báo hồ sơ đã nộp đủ theo quy định hoặc hồ sơ cần phải sửa đổi, bổ sung. Cụ thể, quy định được sửa như sau:

"Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước được lập bằng văn bản gồm 01 bộ gốc và 05 bộ sao y bản chính, kèm theo file điện tử theo địa chỉ do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước quy định. Trong thời hạn 07 ngày (bảy) kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, UBCKNN có văn bản gửi tổ chức phát hành nêu rõ các nội dung yêu cầu sửa đổi bổ sung (trường hợp hồ sơ cần sửa đổi bổ sung). Thời gian tổ chức chào bán sửa đổi, bổ sung hồ sơ không được tính vào thời hạn giải quyết. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng cho doanh nghiệp trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Sửa quy định chỉ yêu cầu cung cấp "Tài liệu pháp lý liên quan đến quyền sử dụng đất, quyết định phê duyệt dự án hoặc ý kiến thẩm định chuyên môn đối với các dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán" đối với trường hợp huy động vốn từ đợt chào bán có sử dụng cho mục đích đầu tư, kinh doanh, phát triển dự án hoặc tạo lập bất động sản.

c) Quy định loại văn bản: Điều lệ Công ty (Bản sao tự đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp).

d) Quy định doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các bản sao.

đ) Quy định về thời điểm tăng vốn điều lệ: trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc đợt phân phối chứng khoán, Hội đồng quản trị phải chốt kết quả đợt chào bán và gửi hồ sơ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện Thủ tục Đăng ký kinh doanh tăng vốn Điều lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhằm chấm dứt về mặt pháp lý đợt chào bán.

e) Áp dụng cơ chế liên thông giữa UBCKNN và Ngân hàng nhà nước để giải quyết thủ tục này, theo đó quy định:

- Bộ Tài chính và Ngân hàng nhà nước thống nhất các loại giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của tổ chức tín dụng, đảm bảo Ngân hàng nhà nước và Bộ Tài chính có đủ căn cứ để thẩm định các chỉ tiêu/tiêu chí theo chuyên ngành quản lý.

- Cơ quan đầu mối tiếp nhận: UBCKNN là cơ quan đầu mối tiếp nhận. Theo đó, quy định cụ thể những loại giấy tờ UBCKNN phải gửi cho Ngân hàng nhà nước để phối hợp thực hiện. Đồng thời, quy định thời hạn UBCKNN phải gửi hồ sơ cho Ngân hàng nhà nước kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định của cá nhân, tổ chức và quy định thời hạn Ngân hàng nhà nước phải trả lời UBCKNN. Trường hợp tổ chức tín dụng có trụ sở chính tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, UBCKNN có trách nhiệm gửi bộ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính đồng thời với việc gửi cho Ngân hàng nhà nước.

g) Sửa đổi mẫu Cam kết bảo lãnh phát hành cổ phiếu ra công chúng ban hành kèm theo Thông tư số 17/2007/TT-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn Hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng, quy định nội dung thông tin hiện tại: “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy phép hoạt động bảo lãnh phát hành” thành “Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Chứng khoán hoặc Giấy phép hoạt động bảo lãnh phát hành”.

h) Bổ sung Mục IV trong Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng ban hành kèm theo Quyết định số 13/2007/QĐ-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính các thông tin cần cung cấp mang tính bao quát cho mọi doanh nghiệp về tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh cung cấp dịch vụ chính tại điểm 6.1.2 thay thế các điểm từ 6.1.2 đến 6.1.6 như sau:

“6.1.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh cung cấp dịch vụ chính của tổ chức chào bán”.

i) Quy định bổ sung trong Bản cáo bạch ban hành kèm theo Quyết định số 13/2007/QĐ-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính: gạch đầu dòng thứ nhất, điểm IV.11.1.1 báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và báo cáo tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh.

k) Bãi bỏ yêu cầu cung cấp Báo cáo Tài chính và Báo cáo kiểm toán kèm theo Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu.

l) Bãi bỏ các thông tin về sơ yếu lý lịch của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng trong bản cáo bạch; sửa Phụ lục V - Phụ lục kèm theo Bản cáo bạch ban hành kèm theo Quyết định số 13/2007/QĐ-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính về sơ yếu lý lịch của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc,

Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng theo hướng chỉ yêu cầu cung cấp các thông tin cần thiết cho mục đích quản lý và yêu cầu chứng thực chữ ký của người khai.

m) Bãi bỏ Phụ lục VII (gộp) vào Phụ lục VI, Phụ lục kèm theo Bản cáo bạch ban hành kèm theo Quyết định số 13/2007/QĐ-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính, và sửa tên Phụ lục VI thành "Danh mục các văn bản tài liệu liên quan đến thông tin công bố trong Bản cáo bạch và Hồ sơ dự án đầu tư".

n) Sửa tên Phụ lục VIII, Phụ lục kèm theo Bản cáo bạch ban hành kèm theo Quyết định số 13/2007/QĐ-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính thành: "Báo cáo về các vụ/việc tranh chấp của tổ chức chào bán"; và đổi Phụ lục VIII thành Phụ lục VII.

o) Bổ sung chữ ký xác nhận vào Bản cáo bạch của những người có thẩm quyền của tổ chức chào bán liên quan đến việc công bố Bản cáo bạch và phần ký xác nhận của tổ chức bảo lãnh phát hành và/hoặc tổ chức tư vấn vào phần cuối Bản cáo bạch ban hành kèm theo Quyết định số 13/2007/QĐ-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính.

p) Sửa đổi Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu đối với nội dung "căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh": bổ sung thông tin các lần thay đổi đăng ký kinh doanh và cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

q) Bãi bỏ thông tin về Mã số ngành nghề Đăng ký kinh doanh chủ yếu, Mã số ngành, nghề đăng ký kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế trong thông tin yêu cầu cung cấp trong Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu.

r) Sửa đổi Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu: bãi bỏ thông tin về "Tổng mức vốn kinh doanh".

s) Sửa đổi Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu ban hành kèm theo Thông tư 17/2007/TT-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng:

Sửa "Quyết định của Đại hội đồng cổ đông" thành "Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền)" thông qua phương án khả thi về việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

t) Quy định yêu cầu cung cấp đối với từng văn bản/tài liệu/hồ sơ trong thành phần hồ sơ áp dụng đối với tất cả thủ tục hành chính rà soát, sửa đổi quy định tương ứng theo tính chất pháp lý của Hồ sơ các trường hợp cần nộp

bản chính và các trường hợp chỉ cần nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao (có xuất trình bản chính để đối chiếu nếu cần thiết).

Bản gốc là Văn bản, tài liệu có chữ ký và con dấu trong các văn bản do doanh nghiệp hoặc các cơ quan có thẩm quyền phát hành lần đầu, hoặc được công chứng, chứng thực, hợp pháp hóa lãnh sự, xác nhận, sao y tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền từ các văn bản phát hành lần đầu theo quy định của Pháp luật.

Doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của bản sao và sự thống nhất của bản sao so với bản gốc.

u) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 13/2007/QĐ-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007.

2. Đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển đổi thành công ty cổ phần – B-BTC-035327-TT

Bãi bỏ, áp dụng biện pháp thay thế: Thủ tục hành chính 01: "Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng". Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần trước khi chào bán chứng khoán ra công chúng.

Quy định trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của (1) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển đổi thành công ty cổ phần kết hợp chào bán cổ phiếu ra công chúng hoặc đối với (2) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã chuyển đổi thành công ty cổ phần có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về việc góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam; quy định về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam và quy định tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

3. Đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã chuyển đổi thành công ty cổ phần – B-BTC-035324-TT

Bãi bỏ, áp dụng biện pháp thay thế: Thủ tục hành chính 01: "Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng". Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần trước khi chào bán chứng khoán ra công chúng.

Quy định trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của (1) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển đổi thành công ty cổ phần kết hợp chào bán cổ phiếu ra công chúng hoặc đối với (2) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã chuyển đổi thành công ty cổ phần có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Pháp luật về việc góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam; quy định về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam và quy định tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

4. Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng doanh nghiệp thành lập mới thuộc lĩnh vực cơ sở hạ tầng hoặc công nghệ cao – B-BTC-035315-TT

a) Bãi bỏ yêu cầu phải có chấp thuận nguyên tắc của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước (gọi tắt là UBCKNN) trước khi nộp hồ sơ đăng ký chào bán chính thức, thay bằng trình tự thông báo đủ hồ sơ hoặc sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Cụ thể, quy định được sửa như sau:

"Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng gửi UBCKNN được lập bằng văn bản gồm 01 bộ gốc và 05 bộ sao y bản chính, kèm theo file điện tử theo địa chỉ do UBCKNN quy định. Trong thời hạn 07 ngày (bảy ngày) kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, UBCKNN có văn bản gửi tổ chức phát hành nêu rõ các nội dung yêu cầu sửa đổi bổ sung (trường hợp hồ sơ cần sửa đổi bổ sung). Thời gian tổ chức chào bán sửa đổi, bổ sung hồ sơ không được tính vào thời hạn giải quyết. UBCKNN cấp giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng cho doanh nghiệp trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định".

b) Về điều lệ công ty quy định: Điều lệ công ty (sao y bản chính của doanh nghiệp).

c) Quy định: "Biên bản họp Hội đồng quản trị có nội dung thể hiện cam kết của các thành viên hội đồng quản trị về phương án phát hành và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng".

d) Sửa quy định chỉ yêu cầu cung cấp "Tài liệu pháp lý liên quan đến quyền sử dụng đất, quyết định phê duyệt dự án hoặc ý kiến thẩm định chuyên môn đối với các dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán" đối với trường hợp mục đích huy động vốn từ đợt chào bán có sử dụng cho mục đích đầu tư, kinh doanh, phát triển dự án hoặc tạo lập bất động sản.

đ) Quy định doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các bản sao.

e) Quy định trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, UBCKNN có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng. Trường hợp hồ sơ cần yêu cầu sửa đổi, bổ sung, làm rõ thì thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không được tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.

g) Quy định về thời điểm tăng vốn Điều lệ: trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc đợt phân phối Chứng khoán, Hội đồng quản trị phải chốt kết quả đợt chào bán và gửi hồ sơ về Sở Kế hoạch và đầu tư để thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

h) Quy định bổ sung nội dung "Phương án đầu tư, năng lực đầu tư, đánh giá hiệu quả đầu tư kinh doanh hay cung cấp dịch vụ dự kiến trong các hoạt động đầu tư phát triển các dự án hạ tầng hay công nghệ cao" trong Bản cáo bạch.

i) Bổ sung thông tin về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và báo cáo tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh đã thực hiện từ khi thành lập cho đến thời điểm đăng ký chào bán trong mẫu Bản cáo bạch.

k) Sửa cụm từ "Báo cáo về những tranh chấp pháp luật" trong Phụ lục VIII thành "Báo cáo về các vụ/việc tranh chấp của tổ chức chào bán" kèm theo Bản cáo bạch. Đổi Phụ lục VIII thành Phụ lục VII kèm theo Bản cáo bạch.

l) Sửa tên Phụ lục IV kèm theo Bản cáo bạch: "Các báo cáo tài chính" thành "Hồ sơ dự án đầu tư, kèm theo Báo cáo tài chính (nếu có).

m) Bãi bỏ các thông tin về sơ yếu lý lịch của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng trong bản cáo bạch; sửa Phụ lục V - Phụ lục kèm theo Bản cáo bạch ban hành kèm theo Quyết định số 13/2007/QĐ-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính về sơ yếu lý lịch của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng theo hướng chỉ yêu cầu cung cấp các thông tin cần thiết cho mục đích quản lý và yêu cầu chứng thực chữ ký của người khai.

n) Bãi bỏ Phụ lục VII (gộp) vào Phụ lục VI, phụ lục kèm theo Bản cáo bạch, và sửa tên Phụ lục VI: "Danh mục các văn bản tài liệu liên quan đến thông tin công bố trong Bản cáo bạch và Hồ sơ Dự án đầu tư".

o) Bổ sung chữ ký xác nhận vào Bản cáo bạch của những người có thẩm quyền của Tổ chức chào bán liên quan đến việc công bố Bản cáo bạch và phần ký xác nhận của tổ chức bảo lãnh phát hành và/hoặc tổ chức tư vấn vào Bản cáo bạch ở phần cuối Bản cáo bạch.

p) Sửa đổi mẫu cam kết bảo lãnh phát hành cổ phiếu ra công chúng ban hành kèm theo Thông tư số 17/2007/TT-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng theo hướng gộp các thông tin Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy phép hoạt động bảo lãnh phát hành thành "Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán"; bãi bỏ thông tin nêu tại gạch đầu dòng thứ tư.

5. Đăng ký chào bán trái phiếu doanh nghiệp có đảm bảo ra công chúng – B-BTC-035313-TT

a) Áp dụng cơ chế liên thông giữa UBCKNN và Ngân hàng nhà nước để giải quyết thủ tục này, theo đó quy định:

- Bộ Tài chính và Ngân hàng nhà nước thống nhất các loại giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu doanh nghiệp có bảo đảm ra công chúng, đảm bảo Ngân hàng nhà nước và Bộ Tài chính có đủ căn cứ để thẩm định các chỉ tiêu/tiêu chí theo chuyên ngành quản lý.

- Cơ quan đầu mối tiếp nhận: giao UBCKNN là cơ quan đầu mối tiếp nhận. Theo đó, quy định những loại giấy tờ UBCKNN phải gửi cho Ngân hàng nhà nước để phối hợp thực hiện. Đồng thời, quy định thời hạn UBCKNN phải gửi hồ sơ cho Ngân hàng nhà nước kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định của cá nhân, tổ chức và quy định thời hạn Ngân hàng nhà nước phải trả lời UBCKNN. Trường hợp tổ chức tín dụng có trụ sở chính tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, UBCKNN có trách nhiệm gửi bộ hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu doanh nghiệp có bảo đảm ra công chúng cho Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính đồng thời với việc gửi cho Ngân hàng nhà nước.

b) Bãi bỏ yêu cầu phải có chấp thuận nguyên tắc của UBCKNN trước khi nộp hồ sơ đăng ký chào bán chính thức thay bằng trình tự thông báo hồ sơ đã nộp đủ hoặc hồ sơ cần phải sửa đổi, bổ sung. Cụ thể, quy định được sửa như sau:

"Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng gửi Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước được lập bằng văn bản gồm 01 bộ gốc và 05 bộ sao y bản chính, kèm theo file điện tử theo địa chỉ do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước quy định. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, UBCKNN có văn bản gửi tổ chức phát hành nêu rõ các nội dung yêu cầu sửa đổi bổ sung (trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung). Thời gian tổ chức chào bán sửa đổi, bổ sung hồ sơ không được tính vào thời hạn giải quyết. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng cho Doanh nghiệp trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định".

c) Sửa quy định chỉ yêu cầu cung cấp: “Tài liệu pháp lý liên quan đến quyền sử dụng đất, quyết định phê duyệt dự án hoặc ý kiến thẩm định chuyên môn đối với các dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán” đối với trường hợp huy động vốn từ đợt chào bán có sử dụng cho mục đích đầu tư, kinh doanh, phát triển dự án hoặc tạo lập bất động sản.

d) Quy định doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các bản sao.

đ) Quy định về thời hạn giải quyết là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, UBCKNN có trách nhiệm cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng. Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng, UBCKNN có văn bản trả lời nêu rõ lý do. Trường hợp hồ sơ cần yêu cầu sửa đổi, bổ sung, làm rõ, thời gian sửa đổi, bổ sung không được tính vào thời hạn giải quyết.

e) Quy định số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần gần nhất và cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong Giấy đề nghị chào bán.

g) Sửa “Quyết định của Đại hội đồng cổ đông” thành “Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị (trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền)” chấp thuận việc chào bán và thông qua phương án khả thi về việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong Giấy đề nghị chào bán.

h) Quy định bổ sung các nội dung trong Giấy đề nghị chào bán như sau:

Các thông tin pháp lý về tổ chức bảo đảm bao gồm:

- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động…do…..cấp ngày….và các lần sửa đổi, bổ sung;

- Địa chỉ trụ sở chính;

- Người đại diện theo pháp luật.

Phương thức bảo đảm:

- Bằng bảo lãnh thanh toán; hoặc

- Bảo đảm bằng tài sản.

i) Bỏ thông tin “Mã số” ngành nghề Đăng ký kinh doanh trong Giấy đề nghị chào bán.

k) Bãi bỏ yêu cầu về: “Tổng mức vốn kinh doanh” trong Giấy đề nghị chào bán.

l) Sửa Phụ lục VIII kèm theo Bản cáo bạch về "Báo cáo về những tranh chấp pháp luật" thành: "Báo cáo về các vụ/việc tranh chấp của Tổ chức chào bán"; đổi Phụ lục VIII thành Phụ lục VII.

m) Bãi bỏ các thông tin về sơ yếu lý lịch của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng trong bản cáo bạch; sửa Phụ lục V về sơ yếu lý lịch của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng kèm theo Bản cáo bạch theo hướng chỉ yêu cầu cung cấp các thông tin cần thiết cho mục đích quản lý và yêu cầu chứng thực chữ ký của người khai.

n) Bãi bỏ yêu cầu cung cấp Báo cáo kiểm toán và "Các Báo cáo tài chính" kèm theo Giấy đề nghị chào bán trái phiếu ra công chúng.

o) Bãi bỏ Phụ lục VII (gộp) vào Phụ lục VI, phụ lục kèm theo Bản cáo bạch, và sửa tên Phụ lục VI thành "Danh mục các văn bản tài liệu liên quan đến thông tin công bố trong Bản cáo bạch và Hồ sơ Dự án đầu tư".

p) Bổ sung: chữ ký xác nhận vào Bản cáo bạch của những người có thẩm quyền của tổ chức chào bán liên quan đến việc công bố Bản cáo bạch; và phần ký xác nhận của tổ chức bảo lãnh phát hành và/hoặc tổ chức tư vấn vào phần cuối Bản cáo bạch.

q) Bổ sung Mục X. "Trách nhiệm Pháp lý và cam kết của các Bên liên quan đến Bản cáo bạch" trong Bản cáo bạch:

Tổ chức tư vấn, tổ chức bảo lãnh, các bên và các cá nhân ký tên dưới đây trong phạm vi trách nhiệm của mình cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, cẩn trọng của Bản cáo bạch. Đồng thời, cam kết thực hiện đúng và đầy đủ phương án chào bán trái phiếu theo Bản cáo bạch này.

r) Quy định "Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:…Do …Cấp lần đầu ngày….Thay đổi lần thứ….ngày..." trong Cam kết bảo lãnh phát hành.

s) Quy định thông tin tổ chức bảo lãnh phát hành:

"Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:…Do …Cấp lần đầu ngày….Thay đổi lần thứ….ngày…" trong cam kết bảo lãnh phát hành.

t) Bổ sung Điều 07. Các cam kết, thoả thuận khác của các bên (nếu có) trong cam kết bảo lãnh phát hành.

u) Huỷ bỏ Hợp đồng mẫu kèm theo Thông tư số 17/2007/TT-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính. Giao UBCKNN chỉ quy định các

thông tin cần thiết trong hợp đồng phục vụ cho mục đích quản lý, các thông tin khác để các bên ký hợp đồng tự thỏa thuận.

6. Đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng – B-BTC-035314-TT

a) Bãi bỏ yêu cầu phải có chấp thuận nguyên tắc của UBCKNN trước khi nộp hồ sơ đăng ký chào bán chính thức, thay bằng trình tự thông báo hồ sơ đã được nộp đủ theo quy định hoặc hồ sơ cần được sửa đổi, bổ sung. Cụ thể, quy định được sửa như sau:

"Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng gửi Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước được lập bằng văn bản gồm 01 bộ gốc và 05 bộ sao y bản chính, kèm theo file điện tử theo địa chỉ do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước quy định. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, UBCKNN có văn bản gửi tổ chức phát hành nêu rõ các nội dung yêu cầu sửa đổi bổ sung (trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung). Thời gian tổ chức chào bán sửa đổi, bổ sung hồ sơ không được tính vào thời hạn giải quyết. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng cho doanh nghiệp trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định".

b) Sửa quy định chỉ yêu cầu cung cấp "Tài liệu pháp lý liên quan đến quyền sử dụng đất, quyết định phê duyệt dự án hoặc ý kiến thẩm định chuyên môn đối với các dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán" đối với trường hợp huy động vốn từ đợt chào bán có sử dụng cho mục đích đầu tư, kinh doanh, phát triển dự án hoặc tạo lập bất động sản.

c) Quy định doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các bản sao.

d) Quy định về thời hạn giải quyết là 15 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN nhận được đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Áp dụng cơ chế liên thông giữa UBCKNN và Ngân hàng nhà nước để giải quyết thủ tục này, theo đó quy định:

- Bộ Tài chính và Ngân hàng nhà nước thống nhất các loại giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng, đảm bảo Ngân hàng nhà nước và Bộ Tài chính có đủ căn cứ để thẩm định các chỉ tiêu/tiêu chí theo chuyên ngành quản lý.

- Cơ quan đầu mối tiếp nhận: UBCKNN là cơ quan đầu mối tiếp nhận. Theo đó, quy định cụ thể những loại giấy tờ UBCKNN phải gửi cho Ngân hàng nhà nước để phối hợp thực hiện. Đồng thời, quy định thời hạn UBCKNN phải gửi hồ sơ cho Ngân hàng nhà nước kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định của cá nhân, tổ chức và quy định thời hạn Ngân hàng nhà

nước phải trả lời UBCKNN. Trường hợp tổ chức tín dụng có trụ sở chính tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, UBCKNN có trách nhiệm gửi bộ hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng cho Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính đồng thời với việc gửi cho Ngân hàng nhà nước.

e) Quy định về thời điểm tăng vốn điều lệ: trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc đợt phân phối chứng khoán, Hội đồng quản trị phải chốt kết quả đợt chào bán và gửi hồ sơ về Sở Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

g) Quy định thông tin về đăng ký kinh doanh như sau: “Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số:…Do …cấp lần đầu ngày….thay đổi lần thứ….ngày...” của tổ chức phát hành.

h) Quy định phần nội dung thông tin về đăng ký kinh doanh như sau: “Giấy phép thành lập” và/hoặc “Giấy phép hoạt động bảo lãnh phát hành số:…do …cấp lần đầu ngày….thay đổi lần thứ….ngày…” (nếu có).

i) Sửa tên Phụ lục VIII kèm theo Bản cáo bạch về “Báo cáo về những tranh chấp pháp luật” thành: “Báo cáo về các vụ/việc tranh chấp của Tổ chức chào bán”; đổi Phụ lục VIII thành Phụ lục VII.

k) Bãi bỏ các thông tin về sơ yếu lý lịch của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng trong bản cáo bạch; sửa Phụ lục V - Phụ lục kèm theo Bản cáo bạch ban hành kèm theo Quyết định số 13/2007/QĐ-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính về sơ yếu lý lịch của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng theo hướng chỉ yêu cầu cung cấp các thông tin cần thiết cho mục đích quản lý và yêu cầu chứng thực chữ ký của người khai.

l) Bãi bỏ yêu cầu cung cấp Báo cáo Tài chính và Báo cáo kiểm toán kèm theo Giấy đề nghị chào bán trái phiếu ra công chúng.

m) Bãi bỏ Phụ lục VII (gộp) vào Phụ lục VI, phụ lục kèm theo Bản cáo bạch, và sửa tên Phụ lục VI thành “Danh mục các văn bản tài liệu liên quan đến thông tin công bố trong Bản cáo bạch và Hồ sơ Dự án đầu tư”.

n) Bổ sung chữ ký xác nhận vào Bản cáo bạch của những người có thẩm quyền của tổ chức chào bán liên quan đến việc công bố Bản cáo bạch và phần ký xác nhận của tổ chức bảo lãnh phát hành và/hoặc tổ chức tư vấn vào phần cuối Bản cáo bạch.

o) Quy định số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần gần nhất và cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong Giấy đề nghị chào bán.

p) Sửa "Quyết định của Đại hội đồng cổ đông" thành "Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị (trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền)" chấp thuận việc chào bán và thông qua phương án khả thi về việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong Giấy đề nghị chào bán.

q) Bãi bỏ "Mã số" ngành nghề Đăng ký kinh doanh trong Giấy đề nghị chào bán.

r) Bãi bỏ thông tin yêu cầu về: "Tổng mức vốn kinh doanh" trong Giấy đề nghị chào bán.

s) Bổ sung "Mục X. Trách nhiệm pháp lý và cam kết của các bên liên quan đến Bản cáo bạch" trước phần ký xác nhận trong mẫu Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng (ban hành kèm theo Quyết định số 13/2007/TT-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn Ban hành Mẫu bản cáo bạch trong Hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng và Hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán) các nội dung sau:

"Tổ chức chào bán, tổ chức tư vấn, tổ chức bảo lãnh, các Bên và các cá nhân ký tên dưới đây trong phạm vi trách nhiệm của mình cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, cẩn trọng của Bản cáo bạch. Đồng thời cam kết thực hiện đúng và đầy đủ phương án chào bán trái phiếu theo Bản cáo bạch này".

7. Đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền hoặc chứng quyền kèm theo cổ phiếu ưu đãi ra công chúng – B-BTC-035312-TT

Tương tự thủ tục số 6 trên đây.

8. Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty – B-BTC-034999-TT

a) Quy định bổ sung Công văn của Tổ chức chào bán thông báo cho UBCKNN về về kế hoạch chào bán bao gồm các nội dung cơ bản:

- Thông tin Pháp lý về tổ chức chào bán;

- Nội dung cơ bản của kế hoạch chào bán;

- Cam kết thực hiện đúng phương án chào bán và quy định của Pháp luật;

- Các tài liệu gửi kèm.

b) Quy định về thời điểm tăng vốn điều lệ: trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc đợt phân phối chứng khoán, Hội đồng quản trị phải chốt kết quả đợt chào bán và gửi hồ sơ về Sở Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

c) Quy định tại Nghị định 14/2007/NĐ-CP các quy định về yêu cầu, điều kiện nêu tại điểm 4, Mục IV Thông tư 18/2007/TT-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007 của BTC hướng dẫn việc mua, bán lại cổ phiếu và một số trường hợp phát hành thêm cổ phiếu của công ty đại chúng gồm:

- Có chương trình lựa chọn và kế hoạch phát hành cổ phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Tổng số cổ phiếu phát hành theo chương trình không được vượt quá 5% vốn cổ phần đang lưu hành của công ty.

- Hội đồng quản trị phải công bố rõ các tiêu chuẩn và danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định giá bán và thời gian thực hiện.

d) Quy định bổ sung điểm c, khoản 2, Điều 3 (chuyển điểm c hiện tại thành điểm d Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán như sau:

"c. Công ty đại chúng phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Có chương trình lựa chọn và kế hoạch phát hành cổ phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Tổng số cổ phiếu phát hành theo chương trình không được vượt quá 5% vốn cổ phần đang lưu hành của công ty.

- Hội đồng quản trị phải công bố rõ các tiêu chuẩn và danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định giá bán và thời gian thực hiện".

9. Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu thưởng – B-BTC-034998-TT

a) Quy định bổ sung Công văn của Tổ chức phát hành thông báo cho UBCKNN về kế hoạch phát hành, kèm theo các hồ sơ theo quy định (kể cả đối với trường hợp nộp trực tiếp tại UBCKNN hoặc qua đường bưu điện). Nội dung trong Công văn bao gồm:

- Thông tin về tổ chức phát hành;

- Nội dung cơ bản của kế hoạch phát hành;

- Cam kết thực hiện đúng phương án phát hành và quy định của pháp luật;

- Các tài liệu gửi kèm.

b) Quy định thời điểm tăng vốn điều lệ: trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc đợt phân phối Chứng khoán, Hội đồng quản trị phải chốt kết quả đợt chào bán thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp để chấm dứt về mặt pháp lý đợt chào bán.

10. Đăng ký công ty đại chúng – B-BTC-035309-TT

Quy định bổ sung Công văn của Công ty Đại chúng thông báo cho UBCKNN (kèm theo các tài liệu trong thành phần hồ sơ) với các nội dung cơ bản sau:

- Thông tin về doanh nghiệp;

- Thông tin tóm tắt về mô hình tổ chức kinh doanh, bộ máy quản lý và cơ cấu cổ đông *(đưa nội dung Điểm c, Khoản 1, Điều 26 Luật Chứng khoán vào văn bản đăng ký)*;

- Thời gian, nội dung đáp ứng điều kiện của công ty đại chúng;

- Cam kết thực hiện quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng;

- Các tài liệu gửi kèm.

11. Đăng ký chào mua công khai – B-BTC-035311-TT

a) Quy định thành phần hồ sơ yêu cầu bên chào mua cung cấp gồm:

- Báo cáo tài chính được kiểm toán của năm trước liền kề đối với pháp nhân hoặc xác nhận của ngân hàng về khả năng tài chính đối với cá nhân;

- Văn bản thoả thuận với thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông lớn của công ty đại chúng có cổ phiếu được chào mua trong trường hợp có sự thoả thuận trước giữa hai bên;

- Tài liệu chứng minh công ty có đủ điều kiện mua lại cổ phiếu trong trường hợp công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình theo hình thức chào mua công khai.

b) Bổ sung quy định: Các sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký, các Công ty chứng khoán giám sát chặt chẽ tài khoản của bên mua; và bên mua không được thực hiện bất cứ giao dịch nào với bên chào mua trong quá trình chào mua.

c) Quy định nội dung thông tin về đăng ký kinh doanh cần cung cấp trong Bản đăng ký chào mua công khai về các lần đăng ký thay đổi đăng ký kinh doanh.

d) Quy định thông tin về địa chỉ cá nhân chào mua bao gồm: (1) Hộ khẩu thường trú; và (2) Chỗ ở hiện tại của cá nhân trong Bản đăng ký chào mua công khai.

đ) Bãi bỏ yêu cầu cung cấp thông tin về "Mã số" ngành nghề đăng ký kinh doanh chủ yếu trong Bản đăng ký chào mua công khai ban hành kèm theo Thông tư 194/2009/TT-BTC.

e) Bãi bỏ yêu cầu về: "Tổng mức vốn kinh doanh" trong Bản đăng ký chào mua công khai.

12. Đăng ký tham gia kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán – B-BTC-044535-TT

a) Sửa quy định về mức vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn điều lệ) là như nhau đối với tổ chức đăng ký kiểm toán là doanh nghiệp kiểm toán trong nước và doanh nghiệp kiểm toán có vốn đầu tư nước ngoài.

b) Quy định tách "Báo cáo tài chính năm liền trước năm đăng ký" và "Báo cáo tình hình hoạt động của Doanh nghiệp kiểm toán bao gồm các nội dung sau:". Đồng thời, quy định cụ thể các thông tin về tình hình tổ chức, hoạt động của kiểm toán viên hành nghề độc lập và doanh nghiệp kiểm toán cần cung cấp.

13. Đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán – B-BTC-036593-TT

a) Bãi bỏ yêu cầu phải có chấp thuận nguyên tắc của UBCKNN trước khi xem xét chấp thuận việc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, thay bằng trình tự thông báo hồ sơ đã được nộp đủ theo quy định hoặc hồ sơ cần phải sửa đổi, bổ sung. Cụ thể, quy định được sửa như sau:

Trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ khi nhận được đủ hồ sơ theo quy định, UBCKNN có văn bản thông báo cho đại diện công ty chứng khoán hoàn tất các điều kiện về cơ sở vật chất và thực hiện phong tỏa vốn pháp định. Trường hợp cần làm rõ vấn đề liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành

lập và hoạt động công ty chứng khoán, UBCKNN có quyền đề nghị người đại diện trong số cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập hoặc người dự kiến được bổ nhiệm, tuyển dụng làm Giám đốc (Tổng giám đốc) của công ty chứng khoán giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản (thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không được tính vào thời hạn giải quyết).

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được xác nhận phong tỏa vốn pháp định và thông báo đã hoàn tất các điều kiện về cơ sở vật chất của công ty chứng khoán, UBCKNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

b) Bổ sung quy định về yêu cầu, điều kiện để được UBCKNN xem xét, chấp thuận cấp giấy phép: doanh nghiệp phải có "xác nhận phong toả vốn pháp định".

c) Quy định thời hạn kể từ ngày nộp Hồ sơ đến ngày ra thông báo sửa đổi bổ sung Hồ sơ, (nếu có) trong Quyết định 27/2007/QĐ-BTC:

Trong thời hạn hai mươi ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, UBCKNN thông báo cho đại diện cổ đông/thành viên sáng lập thực hiện thủ tục xác nhận số vốn pháp định được gửi vào một tài khoản phong tỏa tại ngân hàng. Trong trường hợp hồ sơ cần yêu cầu sửa đổi, bổ sung, UBCKNN có văn bản yêu cầu cụ thể các nội dung sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ không được tính vào thời hạn giải quyết.

d) Bổ sung cột thông tin: "Tỷ lệ cổ phần (%) trên tổng vốn Điều lệ" trong Danh sách cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập và cổ đông, thành viên khác.

e) Bãi bỏ tài liệu "Phương án hoạt động kinh doanh" quy định tại Quyết định 27/2007/QĐ-BTC. Xây dựng và ban hành kèm theo thông tư của bộ mẫu "phương án hoạt động kinh doanh" mới, chỉ yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp các thông tin cần thiết phục vụ cho mục tiêu quản lý và không yêu cầu cung cấp các thông tin trùng lắp như địa điểm trụ sở, cổ đông, thành viên sáng lập, cơ cấu vốn, nghiệp vụ kinh doanh, người đại diện...

g) Bãi bỏ yêu cầu cung cấp Sơ yếu lý lịch tự thuật (áp dụng cho cổ đông công ty chứng khoán, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Trưởng văn phòng đại diện) ban hành kèm theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC.

Xây dựng và ban hành kèm theo thông tư của bộ Bản cung cấp thông tin cần thiết về cổ đông công ty chứng khoán, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Trưởng văn phòng đại diện do cá nhân tự khai, ký tên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung

thực, hợp pháp. Đồng thời, quy định bản thông tin này phải được chứng thực chữ ký của người khai.

h) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007.

14. Thủ tục bổ sung nghiệp vụ công ty chứng khoán – B-BTC-036542-TT

a) Bãi bỏ trình tự xin chấp thuận nguyên tắc của UBCKNN.

b) Bổ sung quy định về cách thức thực hiện thủ tục hành chính *"tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận một cửa của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện"*.

c) Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ: một (01) bộ gốc.

d) Bỏ các nội dung tại Phần I và II của mẫu đơn, tờ khai*:"mẫu phương án hoạt động 3 năm đầu*".

đ) Bỏ quy định tại phần ký tên và đóng dấu ở cuối mẫu đơn, tờ khai*"mẫu phương án hoạt động 3 năm đầu*": *"TM. Cổ đông sáng lập/Thành viên sáng lập/Chủ sở hữu"* và thay thế bằng: "đại diện hợp pháp của công ty (ghi đầy đủ họ tên, chữ ký và đóng dấu công ty)".

e) Bổ sung thông tin trong mẫu đơn, tờ khai (Bản thuyết minh cơ sở vật chất kỹ thuật) thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán, Phụ lục số 2 của Quy chế tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007: áp dụng cho cả trường hợp bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán; ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007.

15. Đề nghị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi công ty chứng khoán – B-BTC-036543-TT

a) Bãi bỏ yêu cầu cung cấp "Phương án kinh doanh (bao gồm cách thức thực hiện, đánh giá hiệu quả kinh tế, phạm vi kinh doanh, dự báo tình hình tài chính trong ba năm tới, phương án phân chia, xử lý hợp đồng còn tồn tại) khi thực hiện chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi công ty" trong thành phần hồ sơ ban hành kèm theo Quyết định 27/2007/QĐ-BTC. Quy định:

Ban hành kèm theo "Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng thành viên hoặc quyết định của chủ sở hữu công ty về việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty "Bản phương án chia, tách, chuyển

đổi Công ty" hoặc thông qua "hợp đồng hợp nhất, sáp nhập" với các nội dung quan trọng thể hiện chi tiết phương án chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi công ty cơ bản theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Cụ thể:

- Phương án chia công ty phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty bị chia; tên các công ty sẽ thành lập; nguyên tắc và thủ tục chia tài sản công ty; phương án sử dụng lao động; thời hạn và thủ tục chuyển đổi phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty bị chia sang các công ty mới thành lập; nguyên tắc giải quyết các nghĩa vụ của công ty bị chia; thời hạn thực hiện chia công ty. Quyết định chia công ty phải được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thông qua quyết định; trách nhiệm pháp lý sau khi thực hiện hoàn tất thủ tục;

- Phương án tách công ty phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty bị tách; tên công ty được tách sẽ thành lập; phương án sử dụng lao động; giá trị tài sản, các quyền và nghĩa vụ được chuyển từ công ty bị tách sang công ty được tách; thời hạn thực hiện tách công ty. Quyết định tách công ty phải được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thông qua quyết định; trách nhiệm pháp lý sau khi thực hiện hoàn tất thủ tục;

- Phương án chuyển đổi công ty phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty được chuyển đổi; tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty chuyển đổi; thời hạn và điều kiện chuyển tài sản, phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty được chuyển đổi thành tài sản, cổ phần, trái phiếu, phần vốn góp của công ty chuyển đổi; phương án sử dụng lao động; thời hạn thực hiện chuyển đổi; trách nhiệm pháp lý sau khi thực hiện hoàn tất thủ tục;

- Hợp đồng hợp nhất phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của các công ty bị hợp nhất; tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty hợp nhất; thủ tục và điều kiện hợp nhất; phương án sử dụng lao động; thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản, chuyển đổi phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty bị hợp nhất thành phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty hợp nhất; thời hạn thực hiện hợp nhất; dự thảo Điều lệ công ty hợp nhất; trách nhiệm pháp lý sau khi thực hiện hoàn tất thủ tục;

- Hợp đồng sáp nhập phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty nhận sáp nhập; tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty bị sáp nhập; thủ tục và điều kiện sáp nhập; phương án sử dụng lao động; thủ tục, thời hạn và điều kiện chuyển đổi tài sản, chuyển đổi phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty bị sáp nhập thành phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của

công ty nhận sáp nhập; thời hạn thực hiện sáp nhập; trách nhiệm pháp lý sau khi thực hiện hoàn tất thủ tục;

b) Quy định thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

c) Sửa mẫu Giấy đề nghị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi (công ty chứng khoán) ban hành kèm theo Quyết định 27/2007/QĐ-BTC. Tách thành hai trường hợp về chủ thể: trường hợp chia, tách, chuyển đổi; trường hợp hợp nhất, sáp nhập. Trường hợp chủ thể bị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thì chủ thể đề nghị phải là Chủ sở hữu.

d) Bổ sung thông tin cơ bản về chủ thể sau khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi trong Giấy đề nghị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi (công ty chứng khoán) ban hành kèm theo Quyết định 27/2007/QĐ-BTC. Tách thành hai trường hợp về chủ thể:

- Trong trường hợp tách: Công ty bị tách, Công ty được tách; (Các công ty mới);

- Trong trường hợp chia: Các công ty sau khi chia; (Các công ty mới);

- Trường hợp chuyển đổi: Công ty chuyển đổi; (Công ty mới);

- Trường hợp sáp nhập: Công ty nhận sáp nhập; (Công ty mới);

- Trường hợp hợp nhất: Công ty hợp nhất (Công ty mới).

Tên Công ty:

Địa chỉ trụ sở chính:

Vốn Điều lệ:

Người đại diện pháp luật:

Nghiệp vụ kinh doanh:

d) Bãi bỏ quy định về ý kiến Luật sư về tính phù hợp pháp luật của hợp đồng, hồ sơ của việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi công ty chứng khoán.

16. Đề nghị thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện công ty chứng khoán – B-BTC-036499-TT

Bổ sung quy định về yêu cầu, điều kiện đối với địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện công ty chứng khoán có thực hiện môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán trong Nghị định của Chính phủ.

17. Thủ tục rút bớt nghiệp vụ công ty chứng khoán – B-BTC-036528-TT

a) Bổ sung quy định về cách thức thực hiện thủ tục hành chính: *"tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận một cửa của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện"*.

b) Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ: một (01) bộ gốc.

18. Đề nghị tăng, giảm vốn điều lệ của công ty chứng khoán – B-BTC-036507-TT

a) Quy định thời hạn giải quyết là "05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định".

b) Bổ sung sau nội dung "Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số...do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm .....(*Tên chủ sở hữu Công ty trong trường hợp Công ty chứng khoán đề nghị tăng giảm vốn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên*) trong nội dung Mẫu Giấy đề nghị sửa đổi bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động, Mục 1. Phần thông tin chủ thể đề nghị tăng, giảm vốn điều lệ.

c) Bãi bỏ quy định công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên không được giảm vốn điều lệ.

19. Thủ tục tạm ngừng hoạt động công ty chứng khoán – B-BTC-036521-TT

a) Bổ sung quy định về cách thức thực hiện thủ tục hành chính: *"tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận một cửa của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện"*.

b) Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ: một (01) bộ gốc.

20. Đề nghị thực hiện giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp từ 10% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán – B-BTC-036531-TT (thủ tục số 20)

a) Quy định thời hạn giải quyết là 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định".

b) Quy định về trường hợp: “Giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán” phải được UBCKNN chấp thuận. Cụ thể:

- Mọi trường hợp giao dịch chuyển nhượng cổ phần hoặc phần vốn góp một hoặc nhiều lần tại một hoặc nhiều thời điểm của một cổ đông hoặc thành viên làm thay đổi quyền sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của cổ đông hay thành viên đó trong công ty chứng khoán phải được thực hiện qua công ty chứng khoán và phải được UBCKNN chấp thuận;

- Công ty chứng khoán có trách nhiệm đề nghị UBCKNN chấp thuận thực hiện giao dịch chuyển nhượng cổ phần hoặc phần vốn góp trước khi đăng ký cổ đông hoặc thành viên trong Sổ đăng ký cổ đông hoặc Sổ đăng ký thành viên.

21. Lập văn phòng đại diện công ty chứng khoán – B-BTC-035747-TT (thủ tục số 27)

a) Bổ sung quy định về cách thức thực hiện thủ tục hành chính: *“tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận một cửa của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện”*.

b) Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ: một (01) bộ gốc.

c) Bỏ yêu cầu cung cấp sơ yếu lý lịch của trưởng văn phòng đại diện và các nhân viên làm việc tại văn phòng đại diện công ty chứng khoán.

Xây dựng và ban hành kèm theo thông tư của bộ Bản cung cấp thông tin cần thiết về nhân thân của cổ đông/thành viên/giám đốc/phó giám đốc/kế toán trưởng và các chức danh quản lý cần thiết đối với lĩnh vực tài chính do cá nhân tự khai, ký tên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, hợp pháp. Đồng thời, quy định bản thông tin này phải được chứng thực chữ ký của người khai.

22. Thành lập chi nhánh công ty chứng khoán – B-BTC-035460-TT (thủ tục số 29)

a) Bãi bỏ yêu cầu thành phần hồ sơ “Phương án hoạt động kinh doanh trong 02 năm đầu của chi nhánh, kèm theo các quy trình thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh” theo quy định tại khoản 3, Điều 9, Quyết định 27/2007/QĐ-BTC.

b) Quy định thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

c) Quy định giảm thời hạn chi nhánh công ty chứng khoán phải chính thức triển khai hoạt động, theo đó Bộ Tài chính đề xuất cụ thể.

d) Quy định bổ sung các nội dung đề nghị về thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh theo phân cấp, uỷ quyền của công ty chứng khoán và bổ sung nội dung này trong Giấy đề nghị thành lập chi nhánh; sửa tên mẫu đơn thành: Giấy đề nghị thành lập (chấm dứt hoạt động) chi nhánh công ty chứng khoán.

23. Thành lập và hoạt động Văn phòng đại diện của công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam. (thủ tục số 30)

a) Quy định các trường hợp yêu cầu cung cấp và các trường hợp không yêu cầu cung cấp "Trích dẫn nguyên văn quy định của pháp luật nước ngoài chứng minh tổ chức nước ngoài được phép cung cấp dịch vụ quản lý tài sản" trong thành phần hồ sơ.

b) Bãi bỏ yêu cầu cung cấp "Bản Cam kết của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài về việc hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam, đảm bảo sự tuân thủ hoạt động của Văn phòng đại diện của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài theo các quy định pháp luật của Việt Nam" trong thành phần hồ sơ quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 5 Quy chế thành lập và hoạt động văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2008/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính đồng thời đưa nội dung này vào Giấy đề nghị.

c) Bãi bỏ yêu cầu cung cấp "sơ yếu lý lịch của người dự kiến được bổ nhiệm làm trưởng đại diện tại Việt Nam có xác nhận của chính quyền địa phương (đối với trường hợp trưởng đại diện là người Việt Nam)" và "sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền của nhân viên làm việc tại văn phòng đại diện (nếu có)" trong thành phần hồ sơ quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 5 Quy chế thành lập và hoạt động văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2008/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính.

Xây dựng và ban hành kèm theo thông tư của bộ Bản cung cấp thông tin cần thiết về nhân thân của cổ đông/thành viên/giám đốc/phó giám đốc/kế toán trưởng và các chức danh quản lý cần thiết đối với lĩnh vực tài chính do cá nhân tự khai, ký tên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, hợp pháp. Đồng thời, quy định bản thông tin phải được chứng thực chữ ký của người khai.

d) Quy định yêu cầu cung cấp Hồ sơ được hợp pháp hóa lãnh sự (loại văn bản do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nước ngoài cấp) và Hồ sơ chỉ

cần dịch chứng thực (Loại văn bản do tổ chức đăng ký tự ban hành hoặc không cần xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước ngoài) tại điểm a, khoản 2 Điều 5 Quy chế thành lập và hoạt động văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2008/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính.

đ) Bãi bỏ thông tin yêu cầu cung cấp tại Mục 7 phần Đề nghị cấp phép về: "Số người làm việc tại văn phòng đại diện là....người, trong đó: + Số nhân viên là người nước ngoài: + Số nhân viên là người Việt Nam trong Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện (tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam), Phụ lục I của Quy chế thành lập và hoạt động văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2008/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính.

e) Bãi bỏ quy định về yêu cầu, điều kiện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài phải "Là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, tổ chức tài chính có hoạt động bao gồm một hoặc một số các nghiệp vụ..." tại khoản 1, Điều 4, Quyết định số 124/2008/QĐ-BTC.

g) Pháp lý hóa các quy định về yêu cầu, điều kiện thành lập văn phòng đại diện của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài và các quy định khác về Quy chế thành lập và hoạt động văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2008/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính trong Nghị định hướng dẫn Luật chứng khoán.

24. Thành lập và hoạt động Văn phòng đại diện của công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam (thủ tục 37)

Tương tự phương án đơn giản hóa của thủ tục "Thành lập và hoạt động Văn phòng đại diện của công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam. (thủ tục số 30)" tại tiết 23 Mục III trên đây.

25. Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán – B-BTC-036699-TT (thủ tục số 32)

a) Quy định thời hạn giải quyết thủ tục hành chính là 05 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán cho người đề nghị (theo mẫu quy định tại Phụ lục số III Quy chế này), người đề nghị nộp lệ phí trước khi nhận chứng chỉ.

b) Bãi bỏ yêu cầu cung cấp "Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan chính quyền địa phương nơi cá nhân đó cư trú hoặc tổ chức nơi cá nhân đó

đang làm việc trong vòng sáu (06) tháng gần nhất tính đến ngày UBCKNN nhận được đủ hồ sơ theo quy định tại Điểm b, Điều 4, Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC.

Xây dựng và ban hành kèm theo thông tư của bộ Bản cung cấp thông tin cần thiết về cá nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán do cá nhân tự khai, ký tên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, hợp pháp. Đồng thời, quy định bản thông tin này phải được chứng thực chữ ký của người khai.

c) Quy định yêu cầu cung cấp Hồ sơ dành cho cá nhân trong nước và người nước ngoài, trong đó các tài liệu của cá nhân nước ngoài được hợp pháp hóa lãnh sự (đối với loại văn bản do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nước ngoài cấp) và Hồ sơ chỉ cần dịch chứng thực (Loại văn bản do tổ chức khác ban hành hoặc không cần xác nhận của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước ngoài).

d) Pháp lý hóa quy định về yêu cầu, điều kiện hành nghề chứng khoán và các quy định khác về Quy chế hành nghề chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008.

26. Đề nghị cấp phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán – B-BTC-016359-TT (thủ tục số 34)

Tương tự thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán – B-BTC-036593-TT (thủ tục số 13 trên đây). Theo đó:

a) Bãi bỏ yêu cầu phải có "chấp thuận nguyên tắc" của UBCKNN trước khi chính thức cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty Quản lý quỹ, thay bằng trình tự thông báo hồ sơ đã nộp đủ theo quy định hoặc hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung. Cụ thể, quy định được sửa như sau:

Trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo cho đại diện Công ty quản lý quỹ hoàn tất các điều kiện cơ sở vật chất và thực hiện phong tỏa vốn pháp định. Trường hợp cần làm rõ vấn đề liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước có quyền đề nghị người đại diện trong số cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập hoặc người dự kiến được bổ nhiệm, tuyển dụng làm Giám đốc (Tổng giám đốc) của công ty quản lý quỹ giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản (thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không được tính vào thời hạn giải quyết).

Trong thời hạn 7 (bảy) ngày kể từ ngày hoàn tất thủ tục kiểm tra trụ sở, cơ sở vật chất và thủ tục phong tỏa vốn Pháp định, UBCKNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

b) Bổ sung quy định về điều kiện để được cấp phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán: phải có "xác nhận phong toả vốn Pháp định".

c) Bãi bỏ yêu cầu cung cấp "sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền" của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ, thành viên Ban Kiểm soát hoặc Kiểm soát viên theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Xây dựng và ban hành kèm theo thông tư của bộ Bản cung cấp thông tin cần thiết về Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ, thành viên Ban Kiểm soát hoặc Kiểm soát viên do cá nhân tự khai, ký tên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, hợp pháp. Đồng thời, quy định bản thông tin về cá nhân phải được chứng thực chữ ký của người khai.

d) Bãi bỏ yêu cầu cung cấp sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, các cổ đông khác (thành viên góp vốn là cá nhân), của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên góp vốn (là tổ chức) theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 5 Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Xây dựng và ban hành kèm theo thông tư của bộ Bản cung cấp thông tin cần thiết về cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, các cổ đông khác (thành viên góp vốn là cá nhân), của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên góp vốn (là tổ chức) do cá nhân tự khai, ký tên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, hợp pháp. Đồng thời, quy định bản thông tin về cá nhân phải được chứng thực chữ ký của người khai.

đ) Quy định thời hạn thông báo chấp thuận hồ sơ hoặc phải sửa đổi, bổ dung, giải trình hồ sơ trong trình tự thủ tục đề nghị cấp phép quy định tại Điều 6, Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính:

Trong thời hạn hai mươi ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, UBCKNN thông báo cho đại diện cổ đông/thành viên sáng lập thực hiện thủ tục xác nhận số vốn pháp định được gửi vào một tài khoản phong tỏa tại ngân

hàng (phong tỏa vốn). Trong trường hợp hồ sơ cần yêu cầu sửa đổi, bổ sung, UBCKNN có văn bản yêu cầu việc bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

e) Quy định bổ sung cột thông tin: "Tỷ lệ cổ phần (%) trên tổng vốn Điều lệ", trong danh sách cổ đông ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

g) Quy định bổ sung điều khoản mở cho những người sáng lập có thể thỏa thuận quy định các nội dung không trái quy định của Pháp luật trong Điều lệ công ty quản lý quỹ, Phụ lục số 20 của Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

h) Quy định bổ sung thông tin đăng ký Người đại diện theo Pháp luật của công ty quản lý quỹ trong Giấy đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ, Phụ lục 1 của Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các thông tin cần bổ sung gồm:

- Họ và Tên;

- Ngày tháng năm sinh;

- Số chứng minh thư nhân dân (hoặc hộ chiếu) còn thời hạn;

- Quốc tịch;

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú;

- Chức danh.

i) Bãi bỏ mẫu phương án hoạt động kinh doanh, Phụ lục 5 của Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Xây dựng và ban hành kèm theo thông tư của bộ mẫu "phương án hoạt động kinh doanh" mới, chỉ yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp các thông tin cần thiết phục vụ cho mục tiêu quản lý và không yêu cầu cung cấp các thông tin trùng lắp như danh sách cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, cơ cấu sở hữu, vốn điều lệ...

k) Bãi bỏ mẫu Sơ yếu lý lịch tự thuật (áp dụng cho cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên Công ty quản lý quỹ, người hành nghề quản lý quỹ), Phụ lục 4 của Quy chế tổ chức và hoạt động

của công ty quản lý quỹ ban hành kèm theo Quyết định 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Xây dựng và ban hành kèm theo thông tư của bộ Bản cung cấp thông tin cần thiết về cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên Công ty quản lý quỹ, người hành nghề quản lý quỹ do cá nhân tự khai, ký tên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, hợp pháp. Đồng thời, quy định bản thông tin về cá nhân phải được chứng thực chữ ký của người khai.

l) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007.

27. Báo cáo tăng, giảm vốn điều lệ công ty quản lý quỹ – B-BTC-034474-TT (thủ tục số 35)

a) Quy định bổ sung công ty quản lý quỹ nộp thêm trong thành phần hồ sơ: Công văn về việc Báo cáo tăng giảm vốn/hoặc đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (sửa đổi). Gộp Báo cáo tóm tắt về kết quả đợt tăng, giảm vốn vào Công văn của công ty quản lý quỹ với các nội dung cơ bản dưới đây (kèm theo các tài liệu trong thành phần hồ sơ):

- Thông tin công ty quản lý quỹ;

- Báo cáo tóm tắt về kết quả đợt tăng, giảm vốn; Nội dung thực hiện phương án tăng giảm vốn và nội dung Báo cáo/đề nghị cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (sửa đổi) của công ty quản lý quỹ;

- Cam kết thực hiện quy định của Pháp luật liên quan đến việc tăng, giảm vốn công ty quản lý quỹ;

- Các tài liệu gửi kèm.

b) Bãi bỏ yêu cầu cung cấp Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, Phụ lục 4 của Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC.

Xây dựng và ban hành kèm theo thông tư của bộ Bản cung cấp thông tin cần thiết về nhân thân của cổ đông/thành viên/giám đốc/phó giám đốc/kế toán trưởng và các chức danh quản lý cần thiết đối với lĩnh vực tài chính do cá nhân tự khai, ký tên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực,

hợp pháp. Đồng thời, quy định bản thông tin về cá nhân phải được chứng thực chữ ký của người khai.

c) Quy định trong thông tư của bộ về thời hạn giải quyết của UBCKNN sau khi nhận được báo cáo của công ty quản lý quỹ tại Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC như sau:

- Tối thiểu mười lăm (15) ngày làm việc trước khi thực hiện việc tăng, giảm vốn điều lệ, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước (trường hợp tăng, giảm vốn điều lệ dẫn đến việc thay đổi quyền sở hữu cổ phần, phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp).

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, UBCKNN có trách nhiệm trả lời Doanh nghiệp bằng văn bản, nếu Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước không có ý kiến, công ty quản lý quỹ được thực hiện tăng, giảm vốn.

- Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất đợt tăng, giảm vốn, Công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hồ sơ báo cáo kết quả đợt tăng, giảm vốn.

Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ gửi đầy đủ hồ sơ báo cáo kết quả đợt tăng, giảm vốn theo quy định, UBCKNN có trách nhiệm cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

28. Thủ tục lập chi nhánh công ty quản lý quỹ– B-BTC-009082-TT (thủ tục số 39)

a) Bổ sung quy định về cách thức thực hiện thủ tục hành chính: *"nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận một cửa của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện"*.

b) Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gốc.

c) Bỏ phần ký tên và đóng dấu ở cuối mẫu đơn, tờ khai tại các Phụ lục số 2 và 5 Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007. Bỏ phần ký tên và đóng dấu ở cuối mẫu đơn: "TM. Cổ đông sáng lập/Thành viên sáng lập/Chủ sở hữu", thay thế bằng: "đại diện hợp pháp của công ty (ghi đầy đủ họ tên, chữ ký và đóng dấu công ty)".

29. Đề nghị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi công ty quản lý quỹ– B-BTC-016353-TT (thủ tục số 43)

a) Quy định bổ sung trình tự thực hiện thủ tục và thành phần hồ sơ thực hiện việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế hoặc đóng mã số thuế tại Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC.

Đối với công ty bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập, nộp bổ sung Văn bản thông báo doanh nghiệp đã ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số.

b) Bãi bỏ thành phần hồ sơ: "*Kế hoạch chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi Công ty*" theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 15 Quyết định số 35/2008/QĐ-BTC.

Quy định Ban hành kèm theo "Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng thành viên hoặc quyết định của chủ sở hữu công ty thông qua: "Phương án việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty" và "hợp đồng hợp nhất, sáp nhập" (nếu có) với các nội dung quan trọng thể hiện chi tiết phương án chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi công ty cơ bản theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Cụ thể:

- Phương án chia công ty phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty bị chia; tên các công ty sẽ thành lập; nguyên tắc và thủ tục chia tài sản công ty; phương án sử dụng lao động; thời hạn và thủ tục chuyển đổi phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty bị chia sang các công ty mới thành lập; nguyên tắc giải quyết các nghĩa vụ của công ty bị chia; thời hạn thực hiện chia công ty. Quyết định chia công ty phải được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thông qua quyết định; trách nhiệm pháp lý sau khi thực hiện hoàn tất thủ tục.

- Phương án tách công ty phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty bị tách; tên công ty được tách sẽ thành lập; phương án sử dụng lao động; giá trị tài sản, các quyền và nghĩa vụ được chuyển từ công ty bị tách sang công ty được tách; thời hạn thực hiện tách công ty. Quyết định tách công ty phải được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thông qua quyết định; trách nhiệm pháp lý sau khi thực hiện hoàn tất thủ tục.

- Phương án chuyển đổi Công ty phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty được chuyển đổi; tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty chuyển đổi; thời hạn và điều kiện chuyển tài sản, phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty được chuyển đổi thành tài sản, cổ phần, trái phiếu, phần vốn góp của công ty chuyển đổi; phương án sử dụng lao động; thời hạn thực hiện chuyển đổi; trách nhiệm pháp lý sau khi thực hiện hoàn tất thủ tục.

- Hợp đồng hợp nhất phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của các công ty bị hợp nhất; tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty hợp nhất; thủ tục và điều kiện hợp nhất; phương án sử dụng lao động; thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản, chuyển đổi phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty bị hợp nhất thành phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty hợp nhất; thời hạn thực hiện hợp nhất; dự thảo Điều lệ công ty hợp nhất; trách nhiệm pháp lý sau khi thực hiện hoàn tất thủ tục.

- Hợp đồng sáp nhập phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty nhận sáp nhập; tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty bị sáp nhập; thủ tục và điều kiện sáp nhập; phương án sử dụng lao động; thủ tục, thời hạn và điều kiện chuyển đổi tài sản, chuyển đổi phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty bị sáp nhập thành phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty nhận sáp nhập; thời hạn thực hiện sáp nhập; trách nhiệm pháp lý sau khi thực hiện hoàn tất thủ tục.

c) Quy định rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục, theo đó Bộ Tài chính đề xuất cụ thể trên cơ sở hiệu suất thực hiện thủ tục hành chính của một cán bộ có trình độ và năng lực trung bình.

d) Quy định bổ sung thông tin cơ bản về chủ thể sau khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi trong giấy đề nghị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi trong Giấy đề nghị chấp thuận:

- Trong trường hợp tách: công ty bị tách, công ty được tách; (các công ty mới);

- Trong trường hợp chia: các công ty sau khi chia; (các công ty mới);

- Trường hợp chuyển đổi: công ty chuyển đổi; (công ty mới);

- Trường hợp sáp nhập: công ty nhận sáp nhập; (công ty mới);

- Trường hợp hợp nhất: công ty hợp nhất (công ty mới).

Tên Công ty:

Địa chỉ trụ sở chính:

Vốn Điều lệ:

Người đại diện pháp luật:

Nghiệp vụ kinh doanh:

đ) Quy định: "Công ty mới hình thành từ việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi đáp ứng đủ điều kiện như quy định đối với trường hợp đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động".

e) Bãi bỏ quy định về ý kiến luật sư về tính phù hợp pháp luật của hợp đồng, hồ sơ của việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi công ty quản lý quỹ.

30. Đề nghị chấp thuận giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của công ty quản lý quỹ– B-BTC-009144-TT (thủ tục số 45)

Tương tự thủ tục Đề nghị thực hiện giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp từ 10% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán – B-BTC-036531-TT (thủ tục số 20).

31. Thành lập văn phòng đại diện công ty quản lý quỹ– B-BTC-009508-TT (thủ tục số 46)

a) Bổ sung quy định về cách thức thực hiện thủ tục hành chính: *"nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận một cửa của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện"*.

b) Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc.

c) Bỏ cụm từ: "có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền" và "phụ lục số 3" trong quy định tại điểm c khoản 3 Điều 12 Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ Ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007.

32. Thành lập quỹ thành viên– B-BTC-016344-TT (thủ tục số 47)

Xây dựng và ban hành Giấy đăng ký lập quỹ và Mẫu Điều lệ Qũy Thành viên tương tự như Giấy đăng ký lập quỹ và Mẫu Điều lệ Qũy Đại chúng sửa đổi các nội dung áp dụng đối với Qũy thành viên phù hợp theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

33. Thủ tục lập quỹ công chúng– B-BTC-016348-TT (thủ tục số 49)

a) Bổ sung quy định về cách thức thực hiện thủ tục hành chính: *"tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận một cửa của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện"*.

b) Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gốc.

c) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 05 tháng 6 năm 2007.

34. Đăng ký chào bán cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán ra công chúng – B-BTC-009911-TT (thủ tục số 51)

Bãi bỏ các quy định hiện tại về thủ tục hành chính và xây dựng quy định mới trên cơ sở thực tiễn của Việt Nam có tham khảo kinh nghiệm quốc tế. Thay đổi mô hình pháp lý tổ chức và hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán cho phù hợp với thị trường chứng khoán Việt Nam theo hướng:

- Xây dựng các quy định trên cơ sở các đối tượng thực hiện đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, bao gồm: (i) cổ đông sáng lập (trường hợp Công ty đầu tư chứng khoán tự quản lý vốn đầu tư); hoặc (ii) công ty quản lý quỹ (trong trường hợp Công ty đầu tư Chứng khoán thực hiện ủy thác cho một công ty quản lý quỹ quản lý hoặc thuê công ty quản lý quản lý vốn);

- Trường hợp đối tượng đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng là cổ đông sáng lập (khi công ty chưa được thành lập): xây dựng cơ chế phù hợp để thực hiện các thủ tục trước khi đăng ký chào bán và bảo đảm tính an toàn tin cậy cho nhà đầu tư (các cổ đông); xây dựng cơ chế cho việc giải quyết hậu quả trong trường hợp công ty đầu tư chứng khoán không thể huy động đủ vốn sau đợt chào bán; các quy định cho đối tượng này cần đảm bảo tính ràng buộc trách nhiệm pháp lý giữa công ty đầu tư chứng khoán với cổ đông hay nhà đầu tư chứng khoán.

35. Đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán– B-BTC-036665-TT (thủ tục số 52)

a) Quy định giảm thời hạn UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán cho ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán quy định tại Điều 5 Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 87/2007/QĐ-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Bộ Tài chính như sau:

“a. Thời hạn UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán cho ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán là mười (10) ngày kể từ ngày UBCKNN nhận được đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp từ chối, UBCKNN có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

b. Thời hạn UBCKNN chấp thuận cho chi nhánh của ngân hàng thương mại, chi nhánh của công ty chứng khoán cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán là bảy (07) ngày kể từ ngày UBCKNN nhận được đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp từ chối, UBCKNN có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

b) Quy định thời hạn sáu tháng (06) tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán, công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại phải làm thủ tục đăng ký thành viên lưu ký với Trung tâm lưu ký chứng khoán.

c) Bãi bỏ các thông tin sau đây trong giấy đề nghị đăng ký hoạt động lưu ký ban hành kèm theo Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 87/2007/QĐ-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Bộ Tài chính:

- "Ngày dự kiến khai trương hoạt động lưu ký";

- "Tên, năm sinh, quốc tịch của các thành viên hội đồng quản trị, ban giám đốc điều hành";

- "Yêu cầu cung cấp thông tin số lượng cán bộ, nhân viên của ngân hàng/công ty";

- "Quy định cung cấp bổ sung thông tin về người đại diện theo pháp luật".

d) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 87/2007/QĐ-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2007.

36. Đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến – B-BTC-101892-TT (thủ tục số 53)

Kiến nghị thay thế bằng quy định thông báo cho UBCKNN và Công bố thông tin, thực hiện quy trình hậu kiểm theo quy định tại Điểm 5.3, Mục II, Thông tư số 50/2009/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2009. Theo đó sửa đổi quy định:

- Thủ tục thực hiện kết nối cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến:

Công ty chứng khoán cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến phải là công ty chứng khoán thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán và phải thực hiện kết nối thành công với hệ thống của các Sở Giao dịch Chứng khoán. Sau khi kết nối thành công, Sở giao dịch Chứng khoán, Công ty Chứng khoán đồng thời thực hiện việc công bố thông tin đủ điều kiện cung cấp Dịch vụ giao dịch trực tuyến và báo cáo UBCKNN.

- Hồ sơ báo cáo UBCKNN về việc kết nối thành công và cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến bao gồm:

+ Báo cáo hoàn tất việc kết nối hệ thống cung cấp dịch vụ giao dịch Chứng khoán trực tuyến theo đúng quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ có xác nhận của Sở Giao dịch Chứng khoán về toàn bộ nội dung báo cáo.

+ Danh sách tên và lý lịch của các chuyên gia quản lý hệ thống dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến của công ty đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật tại Mục 5.2.4 của Thông tư này.

+ Danh sách các chi nhánh tham gia kinh doanh dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, trong đó nêu rõ địa chỉ liên lạc, họ tên của những người liên lạc, phương tiện liên lạc.

+ Một hợp đồng mẫu về dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến với khách hàng, trong đó phải nêu rõ các rủi ro và các tài liệu khác liên quan đến dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến.

+ Báo cáo phân tích tóm tắt và báo cáo thiết kế hệ thống liên quan đến hệ thống dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến. Nội dung chính gồm: các tiêu chuẩn kỹ thuật và các chiến lược thực hiện các tiêu chuẩn về kết cấu mạng, quản lý thời gian thực, nhận dạng, chuyển mật mã khi truyền tải dữ liệu, chữ ký số, chia tách mạng và phòng chống rủi ro, phương thức giao tiếp qua mạng, phương thức truy nhập vào mạng, các sơ đồ kết cấu và chức năng của mạng.

+ Báo cáo kiểm tra hệ thống gồm khả năng tối đa của hệ thống, các chỉ số phản ứng và độ trễ, khả năng chịu lỗi, độ tin cậy và các dữ liệu quan trọng liên quan đến cấu hình của hệ thống.

+ Kế hoạch dự phòng cho trường hợp hỏng hóc hệ thống, cho việc truyền tải thông tin, phương pháp giao dịch thay thế và các biện pháp liên quan đến việc khôi phục dữ liệu và hệ thống.

+ Các giấy chứng nhận về tính an toàn và chất lượng của hệ thống.

+ Địa chỉ trang thông tin điện tử để truy nhập vào dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến của công ty.

+ Kế hoạch kiểm soát rủi ro của công ty trong việc thực hiện dịch vụ giao dịch trực tuyến, bao gồm các biện pháp kỹ thuật, quản lý và dịch vụ cho việc kiểm soát rủi ro liên quan đến dịch vụ giao dịch trực tuyến.

- Tài liệu kỹ thuật về thiết bị truy nhập mạng, thiết bị hoà nhập mạng, hệ thống phần mềm, phần cứng và các thiết bị khác có liên quan.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ báo cáo, UBCKNN sẽ kiểm tra việc thực hiện thử các giao dịch trực tuyến. Trường hợp các giao

dịch đáp ứng được các điều kiện giao dịch, UBCKNN có văn bản chấp thuận, trường hợp chưa đáp ứng đầy đủ điều kiện, Công ty Chứng khoán có trách nhiệm hoàn thiện, điều chỉnh trong thời hạn chín mươi ngày, báo cáo UBCKNN kiểm tra, xác nhận chấp thuận.

- Công ty chứng khoán được chấp thuận cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến phải gửi UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán các tài liệu, báo cáo liên quan đến nâng cấp, thay đổi hệ thống như: thực hiện nâng cấp lớn cho hệ thống vận hành dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; thực hiện những sửa chữa lớn cho hệ thống quản lý kinh doanh; hoặc vận hành một hệ thống kỹ thuật và các nguyên tắc kinh doanh chứng khoán trực tuyến tại một chi nhánh chưa từng thực hiện dịch vụ giao dịch trực tuyến. Thời hạn nộp báo cáo là tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi công ty chứng khoán thực hiện nâng cấp hoặc thay đổi hệ thống.

- Công ty chứng khoán được chấp thuận cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến phải nộp báo cáo hàng năm lên UBCKNN về hoạt động giao dịch chứng khoán trực tuyến trước ngày 31 tháng 01 của năm kế tiếp. Sở Giao dịch Chứng khoán có trách nhiệm báo cáo chung về tình hình giao dịch chứng khoán trực tuyến; báo cáo bất thường và đề nghị giải pháp xử lý về các trường hợp lỗi kết nối, giao dịch, hệ thống hoặc vi phạm trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày phát sinh các sự kiện.

UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán có trách nhiệm công bố trên website của mình danh sách những công ty chứng khoán đủ điều kiện, được phép cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến.

Trên cơ sở đó, UBCKNN sẽ hậu kiểm qua công tác thanh tra, kiểm tra các Sở Giao dịch Chứng khoán và công ty chứng khoán.

IV. LĨNH VỰC KHO BẠC

1. Thủ tục Bảo lãnh phát hành Trái phiếu Chính phủ - B-BTC-047648-TT.

a) Sửa quy định yêu cầu phải nộp Giấy xác nhận mở tài khoản của ngân hàng bằng việc cung cấp số tài khoản và bản sao giấy đề nghị mở tài khoản đã được ngân hàng chấp thuận.

b) Quy định rõ số lượng hồ sơ phải nộp là “01 bộ”.

2. Thủ tục nhận gửi và bảo quản các loại tài sản quý hiếm và chứng chỉ có giá tại Kho bạc Nhà nước (Kho bạc trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện) - B-BTC-083841-TT; (11) - B-BTC-083841-TT; B-BTC-109133-TT; B-BTC-108198-TT.

a) Bỏ các loại giấy tờ sau trong thành phần hồ sơ:

- Công văn xin gửi: đối với cơ quan, đơn vị, đoàn thể;

- Đơn xin gửi: đối với cá nhân.

b) Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: từ 1 giờ đến tối đa là 2 giờ kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Thủ tục giao tài sản quý hiếm và chứng chỉ có giá do Kho bạc Nhà nước nhận gửi và bảo quản (Kho bạc trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện) - B-BTC-106468 –TT; B-BTC-109138 –TT; B-BTC-108246–TT; B-BTC-106468-TT; B-BTC-109138-TT; B-BTC-106468-TT.

a) Bãi bỏ quy định về yêu cầu, điều kiện hợp đồng bảo quản tài sản đã hết thời hạn.

b) Bãi bỏ quy định khi nhận tài sản người nhận phải có biên bản giao nhận (nếu có) và hợp đồng bảo quản tài sản (nếu lấy trước hạn).

c) Bổ sung quy định về thời gian giải quyết thủ tục hành chính: từ 1 giờ đến tối đa 2 giờ, khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

4. Thủ tục kiểm soát thanh toán vốn chi phí quản lý dự án đầu tư của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước qua hệ thống kho bạc nhà nước (Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện) - B-BTC-047897-TT; B-BTC-109006-TT (4); B-BTC-085267-TT; B-BTC-085268-TT; Thủ tục kiểm soát thanh toán vốn đầu tư ngoài nước qua hệ thống kho bạc nhà nước (Kho bạc cấp tỉnh và cấp huyện) (5)- B-BTC-047948-TT; B-BTC-109058-TT; B-BTC-085294-TT; B-BTC-085316-TT; Thủ tục kiểm soát thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn NSNN qua hệ thống KBNN (Kho bạc nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện) (6) - B-BTC-109081-TT; Thủ tục kiểm soát thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn ngân sách xã, phường, thị trấn qua hệ thống KBNN (Kho bạc nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện) (7) - B-BTC-085320-TT; B-BTC-085321-TT.

a) Sửa Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư (Mẫu B01/KB) ban hành kèm theo Công văn số 17361/BTC-KBNN ngày 21 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung chứng từ thanh toán vốn đầu tư: bổ sung nội dung “Mã dự án”.

b) Sửa nội dung Giấy rút vốn đầu tư (Mẫu số C3-01/NS) ban hành kèm theo Quyết định số 120/2008/Q Đ-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2008 về việc

ban hành chế độ kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước: bỏ nội dung "Thuộc nguồn vốn đầu tư:….. Kế hoạch năm:…."

5. Thủ tục mở và sử dụng tài khoản tại KBNN (Kho bạc nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện) (8) - B-BTC-047953-TT; B-BTC-109112-TT; B-BTC-085454-TT; B-BTC-085455-TT

a) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Công văn 1500/KBNN-KT ngày 23 tháng 8 năm 2005 về việc hướng dẫn thực hiện mở và sử dụng tài khoản tại KBNN và Công văn số 2592/KBNN-KT ngày 28 tháng 11 năm 2006 của KBNN về việc hướng dẫn bổ sung mở và sử dụng tài khoản.

6. Thủ tục kiểm soát chi ngân sách nhà nước thường xuyên bằng dự toán qua Kho bạc Nhà nước (Kho bạc nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện) (8) - B-BTC-047935-TT; B-BTC-109122-TT.

Bổ sung quy định về thời gian giải quyết là "trong ngày làm việc".

7. Thủ tục kiểm soát chi từ tài khoản tiền gửi tại KBNN (Kho bạc nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện) (9)- B-BTC-047938-TT; B-BTC-109128-TT.

Bổ sung quy định về thời gian giải quyết là "trong ngày làm việc".

8. Thủ tục thanh toán vốn chương trình 135 giai đoạn II (Kho bạc cấp tỉnh và cấp huyện) (17) - B-BTC-047918-TT; B-BTC-085272-TT.

Bỏ quy định yêu cầu xác nhận của:

- Trưởng thôn, Ủy ban nhân dân xã nơi mua hàng đối với hồ sơ thanh toán các khoản mua hàng hóa, nguyên vật liệu do chủ đầu tư mua trực tiếp của người dân mà không có hóa đơn bán hàng (thay thế bằng giấy biên nhận có chữ ký và bản sao chứng minh thư của người bán);

- Trưởng thôn, bản, Ban giám sát xã và UBND xã đối với giấy biên nhận mua hàng với các hộ, cá nhân trong hồ sơ thanh toán hỗ trợ hộ nghèo cải thiện vệ sinh môi trường (thay thế bằng giấy biên nhận có chữ ký và bản sao chứng minh thư của người bán).

9. Thủ tục thanh toán Trái phiếu Chính phủ trước hạn (Kho bạc cấp tỉnh và cấp huyện) (22) - B-BTC-047961-TT; B-BTC-110319-TT; B-BTC-085481-TT; Thủ tục thanh toán Trái phiếu có ghi tên (Kho bạc cấp tỉnh và cấp huyện) (25) - B-BTC-047959-TT; B-BTC-111281-TT.

a) Quy định về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính là "trong ngày làm việc".

b) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 1049/QĐ-KBNN ngày 14 tháng 12 năm 2006 của Kho bạc Nhà nước.

10. Thủ tục phát hành Trái phiếu bằng chuyển khoản (Kho bạc cấp tỉnh và cấp huyện) (23) - B-BTC-047956-TT; B-BTC-110323-TT

a) Bổ sung quy định về thời gian giải quyết là "trong ngày làm việc".

b) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định trong Quyết định số 1049/QĐ-KBNN ngày 14 tháng 12 năm 2006 của Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước.

11. Thủ tục phát hành Trái phiếu bằng tiền mặt (Kho bạc cấp tỉnh và cấp huyện) (24) - B-BTC-047958-TT; B-BTC-111277-TT.

a) Bổ sung quy định về thời gian giải quyết thủ tục hành chính là "trong ngày làm việc".

b) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 1049/QĐ-KBNN ngày 14 tháng 12 năm 2006 của Kho bạc Nhà nước.

12. Thủ tục thanh toán trái phiếu không ghi tên (cả ngoại tệ và nội tệ) (Kho bạc cấp tỉnh và cấp huyện) (26) - B-BTC-047960-TT; B-BTC-111302-TT.

a) Đối với các tờ trái phiếu phát hành bằng đồng Việt Nam có mệnh giá từ 500.000 đồng trở xuống (bao gồm cả loại 500.000 đồng) khách hàng không cần phải viết phiếu đề nghị thanh toán.

b) Bổ sung quy định về thời gian giải quyết: trong ngày làm việc.

13. Thủ tục chuyển nhượng trái phiếu ghi danh (mua bán, tặng cho, để lại, thừa kế) (Kho bạc cấp tỉnh và cấp huyện) (27) - B-BTC-047962-TT; B-BTC-111331-TT.

a) Bổ sung quy định về thời gian giải quyết là "trong ngày làm việc".

b) Thay thế trường hợp đặc biệt của thủ tục này bằng thủ tục thanh toán trái phiếu ghi tên mệnh giá nhỏ.

c) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 1049/QĐ-KBNN ngày 14 tháng 12 năm 2006 của Kho bạc Nhà nước.

14. Thủ tục xử lý trái phiếu báo mất (Kho bạc cấp tỉnh và cấp huyện) (28) - B-BTC-047970-TT; B-BTC-111338-TT.

Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 1049/QĐ-KBNN ngày 14 tháng 12 năm 2006 của Kho bạc Nhà nước trong Thông tư của Bộ.

15. Thủ tục xác nhận trái phiếu cầm cố, thế chấp (Kho bạc cấp tỉnh và cấp huyện) (29) - B-BTC-047969-TT; B-BTC-111344-TT.

a) Bổ sung quy định về thời gian giải quyết thủ tục hành chính là "trong ngày làm việc".

b) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 1049/QĐ-KBNN ngày 14 tháng 12 năm 2006 của Tổng giám đốc KBNN.

16. Thủ tục lưu giữ, bảo quản trái phiếu hộ khách hàng (Kho bạc cấp tỉnh và cấp huyện) (30) - B-BTC-047965-TT; B-BTC-111346-TT; Thủ tục giao trả trái phiếu đã nhận bảo quản (Kho bạc cấp tỉnh và cấp huyện) (31) - B-BTC-047963-TT; B-BTC-047963-TT.

a) Bổ sung thời gian giải quyết thủ tục hành chính là "trong ngày làm việc".

b) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 1049/QĐ-KBNN ngày 14 tháng 12 năm 2006 của Tổng giám đốc KBNN.

V. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH CHUNG

A. Thủ tục hành chính cấp Trung ương

1. Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành quản lý (1) - B-BTC-034084-TT ; Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi Bộ, ngành quản lý chuyên ngành quản lý (2) - B-BTC-047571-TT

Sửa đổi các điều khoản quy định về đối tượng thuộc diện phải đăng ký giá như sau:

"Các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký giá đều phải thực hiện thông báo giá với Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)."

2. Điều tra, kiểm soát, xử lý giá độc quyền và liên kết độc quyền về giá theo thẩm quyền của Bộ Tài chính (3) - B-BTC-047627-TT

Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là "01 bộ".

3. Hiệp thương giá do bên mua đề nghị (đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính) (4)-B-BTC-047770-TT; Hiệp thương giá do bên bán đề nghị (đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính) (5)-B-BTC-048113-TT; Hiệp thương giá theo đề nghị cả hai bên mua và bên bán (đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính) (6)- B-BTC-048171-TT; Hiệp thương giá theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (7)-B-BTC-048198-TT

a) Quy định số lượng hồ sơ là 01 bộ. Bổ sung quy định nộp hồ sơ qua thư điện tử đồng thời với việc gửi "01" bộ hồ sơ tới cơ quan hành chính và đối tác.

b) Quy định thời hạn cơ quan hành chính phải tổ chức hiệp thương giá: “trong 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan hành chính phải tổ chức hiệp thương giá”.

c) Bãi bỏ cụm từ “Thị trường cạnh tranh hạn chế” ở điều kiện thực hiện đang được quy định tại Đoạn cuối, Gạch đầu dòng thứ hai, Khoản 7, Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008.

4. Thẩm định phương án giá do Bộ Tài chính thực hiện (8) - B-BTC-048247-TT; Quyết định giá thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính (9) - B-BTC-048297-TT

a) Tách quy định về thành phần hồ sơ cho hai đối tượng:

- Đối với cá nhân, tổ chức: hồ sơ để trình bộ ngành chủ quản xin ý kiến.

- Đối với bộ, ngành chủ quản: hồ sơ để trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định hoặc quyết định phương án giá.

b) Loại bỏ yêu cầu cung cấp “Các tài liệu có liên quan khác” trong thành phần hồ sơ.

c) Quy định trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết.

5. Kê khai giá lần đầu các hàng hoá, dịch vụ do Bộ Tài chính tiếp nhận hồ sơ kê khai giá (10) - B-BTC - 048397-TT; Kê khai lại giá do Bộ Tài chính tiếp nhận hồ sơ (11) - B-BTC-048421-TT

a) Quy định số lượng hồ sơ là "01 bộ”. Bổ sung quy định nộp hồ sơ qua thư điện tử đồng thời với việc nộp "01 bộ” hồ sơ tới cơ quan hành chính.

b) Quy định thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết là 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

6. Đăng ký dự thi cấp thẻ thẩm định giá lần đầu đối với công dân Việt Nam (12) - B-BTC-048442-TT

a) Đổi tên gọi từ "cấp thẻ thẩm định viên về giá" thành "cấp chứng chỉ hành nghề thẩm định viên về giá".

b) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định về việc dự thi để được cấp chứng chỉ hành nghề thẩm định giá quy định tại Quyết định số 55/2008/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài chính. Đồng thời, sửa các quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề thẩm định giá thay cho cấp thẻ thẩm định giá tại Pháp lệnh Giá số 40/2002 PL-UBTVQH 10 ngày 10 tháng 5 năm 2002 về giá và Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá.

c) Sửa quy định về thời gian giải quyết: "trong ngày đối với hồ sơ được nộp trực tiếp và 05 (năm) ngày làm việc đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện (căn cứ theo dấu bưu điện)".

d) Tăng mức lệ phí từ 200.000 VNĐ/môn thi lên 250.000 VNĐ/môn thi.

đ) Quy định yêu cầu, điều kiện về kinh nghiệm công tác: *"có thời gian công tác thực tế theo chuyên ngành đào tạo từ 03 năm (đủ 36) tháng trở lên tính từ khi có bằng tốt nghiệp đại học theo chuyên ngành quy định đến ngày cuối cùng của hạn nộp hồ sơ dự thi tại đợt thi đăng ký"*.

7. Đăng ký dự thi sát hạch đối với công dân Việt Nam có Chứng chỉ hành nghề thẩm định giá do tổ chức nước ngoài có thẩm quyền cấp được Bộ Tài chính thừa nhận (13)- B-BTC-047217-TT; Đăng ký dự thi sát hạch cấp thẻ thẩm định giá lần đầu đối với người nước ngoài có Chứng chỉ hành nghề thẩm định giá do tổ chức nước ngoài có thẩm quyền cấp được Bộ Tài chính thừa nhận (14)- B-BTC-048461-TT

a) Đổi tên gọi từ "cấp thẻ thẩm định viên về giá" thành "cấp chứng chỉ hành nghề thẩm định viên về giá".

b) Sửa quy định về trình tự thực hiện: *"Nộp hồ sơ đăng ký dự thi và nhận phiếu xác nhận đã nhận hồ sơ của Cục quản lý giá, Bộ Tài chính"*.

c) Bổ sung quy định về cách thức thực hiện: *"gửi qua đường bưu điện (yêu cầu gửi kèm thêm phong bì để trả kết quả của thủ tục hành chính)"*. Thời gian nhận hồ sơ tính theo dấu bưu điện.

d) Sửa quy định về thời gian giải quyết: nhận phiếu đăng ký dự thi trong ngày đối với hồ sơ được nộp trực tiếp và 05 (năm) ngày làm việc đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện (căn cứ theo dấu bưu điện).

đ) Tăng mức lệ phí từ 200.000 VNĐ/môn thi lên 250.000 VNĐ/môn thi.

e) Quy định yêu cầu, điều kiện về kinh nghiệm công tác *"có thời gian công tác thực tế theo chuyên ngành đào tạo từ 03 năm (đủ 36) tháng trở lên tính từ khi có bằng tốt nghiệp đại học theo chuyên ngành quy định đến ngày cuối cùng của hạn nộp hồ sơ dự thi tại đợt thi đăng ký"*.

g) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định về việc dự thi để được cấp chứng chỉ hành nghề thẩm định giá quy định tại Quyết định số 55/2008/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài chính. Đồng thời, sửa các quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề thẩm định giá thay cho cấp thẻ thẩm định giá tại Pháp lệnh Giá số 40/2002 PL-UBTVQH 10 ngày 10 tháng 05 năm 2002 về giá và Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá.

8. Đăng ký dự thi cấp thẻ thẩm định viên về giá các lần tiếp theo (15)- B-BTC-047312-TT

a) Đổi tên gọi từ "cấp thẻ thẩm định viên về giá" thành "cấp chứng chỉ hành nghề thẩm định viên về giá".

b) Sửa quy định về trình tự thực hiện: *"Nộp hồ sơ đăng ký dự thi và nhận phiếu xác nhận đã nhận hồ sơ của Cục Quản lý giá, Bộ Tài chính"*.

c) Bổ sung quy định về cách thức thực hiện: *"gửi qua đường bưu điện (yêu cầu gửi kèm thêm phong bì để trả kết quả của thủ tục hành chính)"*.

Thời gian nhận hồ sơ tính theo dấu bưu điện.

d) Bổ sung quy định yêu cầu cung cấp *"Sơ yếu lý lịch"* trong thành phần hồ sơ.

đ) Sửa quy định về thời gian giải quyết: nhận phiếu đăng ký dự thi trong ngày đối với hồ sơ được nộp trực tiếp và 05 (năm) ngày làm việc đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện (căn cứ theo dấu bưu điện).

e) Tăng mức lệ phí từ 200.000 VNĐ/môn thi lên 250.000 VNĐ/môn thi.

g) Quy định yêu cầu, điều kiện về kinh nghiệm công tác: *"có thời gian công tác thực tế theo chuyên ngành đào tạo từ 03 năm (đủ 36) tháng trở lên*

tính từ khi có bằng tốt nghiệp đại học theo chuyên ngành quy định đến ngày cuối cùng của hạn nộp hồ sơ dự thi tại đợt thi đăng ký”.

h) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định về việc dự thi để được cấp chứng chỉ hành nghề thẩm định giá quy định tại Quyết định số 55/2008/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài chính. Đồng thời, sửa các quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề thẩm định giá thay cho cấp thẻ thẩm định giá tại Pháp lệnh Giá số 40/2002 PL-UBTVQH 10 ngày 10 tháng 05 năm 2002 về giá và Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá.

9. Cấp lại thẻ thẩm định viên về giá do bị mất, bị rách (17)- B-BTC-047341-TT

a) Đổi tên gọi từ “cấp thẻ thẩm định viên về giá” thành “cấp chứng chỉ hành nghề thẩm định viên về giá”.

b) Quy định số ảnh 3x4 phải nộp.

c) Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết: “trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

d) Bổ sung quy định yêu cầu cung cấp trong thành phần hồ sơ “xác nhận của tổ chức quản lý thẩm định viên và cam kết của thẩm định viên về việc mất chứng chỉ hành nghề”.

đ) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định về việc dự thi để được cấp chứng chỉ hành nghề thẩm định giá quy địh tại Quyết định số 55/2008/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài chính. Đồng thời, sửa các quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề thẩm định giá thay cho cấp thẻ thẩm định giá tại Pháp lệnh giá số 40/2002 PL-UBTVQH 10 ngày 10 tháng 05 năm 2002 về giá và Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của pháp lệnh giá.

10. Thủ tục tiếp công dân (20) - B-BTC-047690-TT

a) Bãi bỏ quy định: “Đối với đơn vừa có nội dung khiếu nại, vừa có nội dung tố cáo: Cán bộ tiếp dân hướng dẫn công dân viết thành 2 đơn (đơn khiếu nại và đơn tố cáo), trường hợp công dân không chịu viết lại thì cán bộ tiếp dân chủ động giải thích cho công dân từng nội dung khiếu nại, tố cáo theo quy định và nhận đơn”.

b) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định trong Quyết định số 43/2007/QĐ-BTC ngày 4 tháng 6 năm 2007 và Quyết định số 122/2008/QĐ-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2008.

11. Thủ tục xử lý và giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của công dân (21)- B-BTC-047634-TT

a) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Quy định thời gian giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với "Trường hợp đơn khiếu nại không thuộc thẩm quyền, đơn không đủ điều kiện để thụ lý để giải quyết thì phải thông báo bằng văn bản cho đương sự …".

c) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định trong Quyết định số 43/2007/QĐ-BTC ngày 4 tháng 6 năm 2007 và Quyết định số 122/2008/QĐ-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2008.

12. Thủ tục xử lý và giải quyết đơn khiếu nại lần hai của công dân (22) - B-BTC-104501-TT

a) Quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định trong Quyết định số 43/2007/QĐ-BTC ngày 4 tháng 6 năm 2007 và Quyết định số 122/2008/QĐ-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2008.

13. Thủ tục xử lý và giải quyết đơn tố cáo của công dân (23) - B-BTC-047342-TT

a) Quy định thời gian giải quyết theo 02 nội dung (thuộc thẩm quyền và không thuộc thẩm quyền giải quyết):

- Đối với đơn tố cáo thuộc thẩm quyền phải thụ lý để giải quyết: thời hạn là 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Đối với đơn tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì phải chuyển cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người tố cáo khi họ yêu cầu: thời hạn là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định trong Quyết định số 43/2007/QĐ-BTC ngày 4 tháng 6 năm 2007 và Quyết định số 122/2008/QĐ-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2008.

14. Cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài (29)- B-BTC-042106-TT

a) Bỏ yêu cầu cung cấp "Phương án hoạt động 03 năm đầu của Chi nhánh, Văn phòng đại diện quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007" trong thành phần hồ sơ.

b) Bổ sung và làm rõ các yêu cầu, điều kiện sau:

- "Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả" tại điểm b Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007.

- "Vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật" tại Điểm c Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007.

15. Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm (30)- B-BTC-041767-TT

Bỏ quy định phải có chấp thuận nguyên tắc của Bộ Tài chính trước khi chính thức cấp giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, thay bằng quy định "Bộ Tài chính có trách nhiệm thông báo hồ sơ cần phải sửa đổi, bổ sung trong *một thời hạn nhất định* kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định từ cá nhân, tổ chức và thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính".

16. Phê duyệt và phê duyệt thay đổi chuyên gia tính toán (31)- B-BTC-042275-TT

a) Quy định "bản sao không yêu cầu chứng thực" đối với văn bằng, chứng chỉ, lý lịch chứng minh năng lực, trình độ và kinh nghiệm chuyên môn của người dự kiến bổ nhiệm làm chuyên gia tính toán và doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm. Áp dụng tương tự đối với trường hợp phê duyệt thay đổi chuyên gia tính toán.

b) Thay "Phê duyệt" bằng hình thức "Thông báo" và quy định thời gian 11 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan quản lý phải trả lời. Nếu cơ quan quản lý không có ý kiến sau 11 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định của doanh nghiệp, thông báo của doanh nghiệp coi như được chấp thuận.

Các nội dung trong “Thông báo” do Bộ Tài chính quy định. Kèm theo thông báo là các giấy tờ, tài liệu chứng minh chuyên gia tính toán đáp ứng các yêu cầu, điều kiện theo quy định.

Tương tự đối với trường hợp thay đổi chuyên gia tính toán.

c) Cục Quản lý bảo hiểm được uỷ quyền chấp thuận thông báo về sự thay đổi chuyên gia tính toán dưới hình thức công văn trả lời doanh nghiệp.

d) Bãi bỏ cụm từ "Có tư cách đạo đức tốt".

17. Gia hạn hoạt động của văn phòng đại diện doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài (32)- B-BTC-041701-TT

a) Bỏ các loại giấy tờ sau trong thành phần hồ sơ:

- “Bản sao giấy phép đặt văn phòng đại diện tại Việt Nam và quyết định gia hạn hoạt động trước đây của văn phòng đại diện doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài (nếu có)”;

- “Báo cáo tóm tắt hoạt động của văn phòng đại diện trong 3 năm gần nhất”.

b) Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ là “01 bộ”.

18. Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp (36) - B-BTC-042303-TT

a) Sửa mẫu quy định tại Phụ lục 4 Thông tư số 155/2007/TT-BTC, trong đó ghi rõ nội dung phần tài sản chuyển giao và nghĩa vụ của các bên, có xác nhận của cơ quan xác định giá trị tài sản.

b) Bỏ quy định trong thành phần hồ sơ về “Ý kiến của luật sư về tính phù hợp pháp lý của hợp đồng, hồ sơ”.

19. Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm trường hợp tăng hoặc giảm mức vốn điều lệ (40) - B-BTC-043848-TT

Quy định thời hạn giải quyết là 21 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

20. Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện (41) - B-BTC-043856-TT

a) Phân cấp cho Cục quản lý Bảo hiểm được ra quyết định cho phép việc sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện.

b) Quy định thời hạn giải quyết là 21 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

21. Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm trường hợp thay đổi Chủ tịch, Tổng giám đốc (Giám đốc) (42) - B-BTC-043864-TT

Tên đúng của thủ tục: Chấp thuận hoặc chấp thuận thay đổi Chủ tịch, Tổng giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

a) Thay "Chấp thuận" bằng hình thức "Thông báo" cho Cục quản lý Bảo hiểm, quy định trong thời gian nhất định cơ quan quản lý nhà nước phải có ý kiến. Nếu sau thời gian quy định, cơ quan nhà nước không có ý kiến, Thông báo của doanh nghiệp coi như có hiệu lực. Bộ Tài chính quy định các nội dung cần có trong Thông báo. Kèm theo Thông báo là các giấy tờ chứng minh Chủ tịch, Tổng giám đốc (Giám đốc) đáp ứng các yêu cầu, điều kiện theo quy định.

b) Phân cấp cho Cục quản lý Bảo hiểm được ra quyết định cho phép việc sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm trường hợp thay đổi Chủ tịch, Tổng giám đốc (Giám đốc).

c) Quy định thời hạn giải quyết là 21 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

22. Thủ tục và thời hạn bổ nhiệm kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán đối với đơn vị kế toán thuộc hoạt động thu, chi ngân sách trung ương (50) - B-BTC-044301-TT

Sửa quy định về yêu cầu, điều kiện: nêu cụ thể căn cứ bổ nhiệm đối với trường hợp đề nghị cấp trên bổ nhiệm trong văn bản thỏa thuận với cấp có thẩm quyền.

23. Đăng ký dự thi lấy chứng chỉ Kiểm toán viên đối với người đã có chứng chỉ kiểm toán viên nước ngoài (57) - B-BTC-044540-TT

a) Sửa quy định về yêu cầu, điều kiện: bổ sung quy định về tài liệu chứng minh tổ chức nghề nghiệp đã cấp chứng chỉ chuyên gia kế toán.

b) Bổ sung quy định cung cấp chứng chỉ Kiểm toán viên nước ngoài do tổ chức nghề nghiệp đã cấp trong thành phần hồ sơ.

24. Đăng ký tham gia kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán (59) - B-BTC-044535-TT

a) Sửa quy định về mức vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn điều lệ) là như nhau đối với tổ chức đăng ký kiểm toán là doanh nghiệp kiểm toán trong nước và doanh nghiệp kiểm toán có vốn đầu tư nước ngoài.

b) Quy định tách "Báo cáo tài chính năm liền trước năm đăng ký" và "Báo cáo tình hình hoạt động của Doanh nghiệp kiểm toán bao gồm các nội dung sau:". Đồng thời, quy định cụ thể các thông tin về tình hình tổ chức, hoạt động của kiểm toán viên hành nghề độc lập và doanh nghiệp kiểm toán cần cung cấp.

c) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quy chế lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán, Ban hành kèm theo Quyết định số 89/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

25. Bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia (trong trường hợp một đơn vị tài sản có giá khởi điểm từ 5 tỷ đồng trở lên) (77) - B-BTC-046571-TT

a) Sửa quy định về thẩm quyền quyết định là Tổng cục dự trữ Nhà nước.

b) Bỏ quy định về yêu cầu, điều kiện: Người tham gia đấu giá phải có văn bản bảo lãnh của ngân hàng tối thiểu bằng 50% giá trị tài sản bán đấu giá (điểm a khoản 1 Điều 7 Quyết định số 103).

c) Quy định thời hạn giải quyết là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

d) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 103/2008/QĐ-BTC của Bộ Tài chính.

26. Cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho các đơn vị dự toán (đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, các đơn vị khác có quan hệ với ngân sách thuộc cấp ngân sách trung ương) (82) - B-BTC-046399-TT

a) Quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Bỏ "Giấy chứng nhận mã số" trong thành phần hồ sơ.

c) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC.

27. Cấp mã số đơn vị có quan hệ ngân sách dùng cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn chuẩn bị đầu tư (chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư năm trong kế hoạch vốn đầu thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn ODA được giao hàng năm, thuộc cấp ngân sách Trung ương) (83) - B-BTC-046441-TT

a) Quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Bỏ nội dung khai thông tin "Chương trình mục tiêu" trong Tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách ban hành kèm theo Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC dùng cho dự án đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

c) Bỏ yêu cầu nộp bản sao có đóng dấu sao y bản chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay vào đó chỉ yêu cầu nộp bản sao có đóng dấu xác nhận của đơn vị đối với "quyết định phê duyệt dự án" trong thành phần hồ sơ.

d) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC.

28. Cấp mã số đơn vị có quan hệ ngân sách dùng cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn thực hiện đầu tư (chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn thực hiện đầu tư năm trong kế hoạch vốn đầu thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn ODA được giao hàng năm, thuộc cấp ngân sách Trung ương (84) - B-BTC-046478-TT

a) Quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Bỏ các nội dung sau trong Tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho dự án đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư ban hành kèm theo Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC:

Mục 5: Mã dự án cấp trên;

Mục 7: Ban quản lý dự án (nếu có);

Mục 9: chương trình mục tiêu (nếu có);

Mục 10: Ngành kinh tế.

c) Bỏ yêu cầu nộp bản sao có đóng dấu sao y bản chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay vào đó chỉ yêu cầu nộp bản sao có đóng dấu xác nhận của đơn vị đối với “quyết định phê duyệt dự án” trong thành phần hồ sơ.

d) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC.

29. Cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách các dự án đầu tư xây dựng cơ bản chuyển giai đoạn (từ giai đoạn "chuẩn bị đầu tư" sang giai đoạn "thực hiện dự án") - (trường hợp chủ đầu tư của dự án đầu tư xây dựng cơ bản chuyển giai đoạn sau khi có quyết định thực hiện các giai đoạn tiếp theo của dự án, thuộc cấp ngân sách trung ương) (85) - B-BTC-046492-TT

a) Quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Thay thế bằng thông báo của đơn vị có dự án cần bổ sung thông tin đối với Tờ khai đăng ký bổ sung thông tin chuyển giai đoạn dự án dùng cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản.

c) Bỏ yêu cầu nộp bản sao có đóng dấu sao y bản chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thay vào đó chỉ yêu cầu nộp bản sao có đóng dấu xác nhận của đơn vị đối với “quyết định phê duyệt dự án” trong thành phần hồ sơ.

d) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC.

B. Thủ tục hành chính cấp Tỉnh

1. Thủ tục đăng ký giá của các Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty, Công ty cổ phần, Công ty TNHH có trên 50% vốn sở hữu nhà nước trong vốn điều lệ doanh nghiệp thuộc phạm vi Sở Tài chính (102) - B-BTC-073817-TT

Sửa đổi các điều khoản quy định về đối tượng thuộc diện phải đăng ký giá như sau:

“Các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký giá đều phải thực hiện thông báo giá với cơ quan quản lý giá.”

2. Điều tra, kiểm soát, xử lý giá độc quyền và liên kết độc quyền về giá theo thẩm quyền của Sở Tài chính (103) - B-BTC-034302-TT

Quy định số lượng hồ sơ là “01 bộ”.

3. Hiệp thương giá do bên mua đề nghị (đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền của Sở Tài chính) (104)- B-BTC-049625-TT; Hiệp thương giá do bên bán đề nghị (đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền của Sở Tài chính) (105) - B-BTC-049628-TT; Hiệp thương giá theo đề nghị cả hai bên mua và bên bán (đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền của Sở Tài chính) (106) - B-BTC-045349-TT; Hiệp thương giá theo yêu cầu của Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân (107)- B-BTC-045498-TT

a) Quy định số lượng hồ sơ là "01" bộ. Bổ sung quy định nộp hồ sơ qua thư điện tử đồng thời với việc gửi "01" bộ hồ sơ tới cơ quan hành chính và đối tác.

b) Quy định về thời hạn cơ quan hành chính phải tổ chức hiệp thương giá: “trong 15 ngày làm việc kể từ này nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan hành chính phải tổ chức hiệp thương giá”.

c) Bãi bỏ cụm từ “Thị trường cạnh tranh hạn chế” ở Điều kiện thực hiện đang được quy định tại đoạn cuối, gạch đầu dòng thứ hai, khoản 7, Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008.

4. Thẩm định phương án giá do Sở Tài chính thực hiện (108) - B-BTC-047045-TT; Quyết định giá thuộc thẩm quyền của Sở Tài chính (109)- B-BTC-047091-TT

a) Tách quy định về thành phần hồ sơ cho hai đối tượng:

- Đối với cá nhân, tổ chức: hồ sơ để trình bộ ngành chủ quản xin ý kiến.

- Đối với bộ, ngành chủ quản: hồ sơ để trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định hoặc quyết định phương án giá.

b) Loại bỏ yêu cầu nộp “Các tài liệu có liên quan khác” trong thành phần hồ sơ.

c) Quy định về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết.

5. Kê khai giá lần đầu các hàng hoá, dịch vụ do Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ kê khai giá (110) - B-BTC-047156-TT; Kê khai lại giá do Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ (111)- B-BTC-047193-TT

a) Quy định số lượng hồ sơ là "01 bộ”. Bổ sung quy định nộp hồ sơ qua thư điện tử đồng thời với việc nộp "01 bộ” hồ sơ tới cơ quan hành chính.

b) Quy định về thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

6. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân tỉnh (115) - B-BTC-105623-TT

Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ phải nộp là "01 bộ".

7. Trình tự, thủ tục bán tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân tỉnh (116) - B-BTC-105629-TT

Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ phải nộp là "01 bộ".

8. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh (117) - B-BTC-086979-TT

Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ phải nộp là "01 bộ".

9. Cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho các đơn vị dự toán (đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, các đơn vị khác có quan hệ với ngân sách thuộc cấp ngân sách tỉnh) (123) - B-BTC-105698-TT

a) Quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Bỏ Giấy chứng nhận mã số trong thành phần hồ sơ.

c) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC.

10. Cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho các đơn vị dự toán (đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, các đơn vị khác có quan hệ với ngân sách thuộc cấp ngân sách quận, huyện, xã, phường, thị trấn) (124) - B-BTC-105702-TT

a) Quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Bỏ Giấy chứng nhận mã số trong thành phần hồ sơ.

c) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC.

11. Cấp mã số đơn vị có quan hệ ngân sách dùng cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn chuẩn bị đầu tư (chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư năm trong kế hoạch vốn đầu thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn ODA được giao hàng năm, thuộc cấp ngân sách tỉnh, thành phố trung ương) (125) - B-BTC-105730-TT

a) Quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc kể ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Bỏ nội dung khai thông tin "Chương trình mục tiêu" trong Tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho dự án đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư ban hành kèm theo Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC.

c) Bỏ quy định yêu cầu nộp bản sao có đóng dấu sao y bản chính của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với "quyết định phê duyệt dự án" thay vào đó chỉ yêu cầu nộp bản sao có đóng dấu xác nhận của đơn vị.

d) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC.

12. Cấp mã số đơn vị có quan hệ ngân sách dùng cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn chuẩn bị đầu tư (chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư năm trong kế hoạch vốn đầu thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn ODA được giao hàng năm, thuộc cấp ngân sách quận, huyện, thị xã; ngân sách xã, phường, thị trấn) (126) - B-BTC-105734-TT

a) Quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Bỏ nội dung khai thông tin "Chương trình mục tiêu" trong Tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sáchdùng cho dự án đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư ban hành kèm theo Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC.

c) Bỏ quy định yêu cầu nộp bản sao có đóng dấu sao y bản chính của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với "quyết định phê duyệt dự án" thay vào đó chỉ yêu cầu nộp bản sao có đóng dấu xác nhận của đơn vị.

d) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC.

13. Cấp mã số đơn vị có quan hệ ngân sách dùng cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn thực hiện đầu tư (chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn thực hiện đầu tư năm trong kế hoạch vốn đầu thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn ODA được giao hàng năm, thuộc cấp ngân sách tỉnh, thành phố) (127) - B-BTC-105747-TT

a) Quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Bỏ các nội dung sau trong Tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho dự án đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư ban hành kèm theo Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC:

- Mục 5: Mã dự án cấp trên;

- Mục 7: Ban quản lý dự án (nếu có);

- Mục 9: chương trình mục tiêu (nếu có);

- Mục 10: Ngành kinh tế.

c) Bỏ quy định yêu cầu nộp bản sao có đóng dấu sao y bản chính của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với "quyết định phê duyệt dự án" thay vào đó chỉ yêu cầu nộp bản sao có đóng dấu xác nhận của đơn vị.

d) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC.

14. Cấp mã số đơn vị có quan hệ ngân sách dùng cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn thực hiện đầu tư (chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn thực hiện đầu tư năm trong kế hoạch vốn đầu thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn ODA được giao hàng năm, thuộc cấp ngân sách quận, huyện, thị xã; cấp ngân sách xã, phường, thị trấn) (128) - B-BTC-105751-TT

a) Quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Bỏ các nội dung sau trong Tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho dự án đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư ban hành kèm theo Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC:

- Mục 5: Mã dự án cấp trên;

- Mục 7: Ban quản lý dự án (nếu có);

- Mục 9: chương trình mục tiêu (nếu có);

- Mục 10: Ngành kinh tế.

c) Bỏ quy định yêu cầu nộp bản sao có đóng dấu sao y bản chính của cơ quan quản lý có thẩm quyền thay vào đó chỉ yêu cầu nộp bản sao có đóng dấu xác nhận của đơn vị.

d) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC.

15. Kê khai bổ sung thông tin chuyển giai đoạn dự án đầu tư xây dựng cơ bản (từ giai đoạn "chuẩn bị đầu tư" sang giai đoạn "thực hiện dự án") đã đăng ký mã số sử dụng NS (tỉnh, thành phố trực thuộc TW) (129) - B-BTC-105761-TT

a) Quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Bỏ quy định yêu cầu nộp bản sao có đóng dấu sao y bản chính của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với "quyết định phê duyệt dự án" thay vào đó chỉ yêu cầu nộp bản sao có đóng dấu xác nhận của đơn vị.

c) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC.

16. Kê khai bổ sung thông tin chuyển giai đoạn dự án đầu tư xây dựng cơ bản (từ giai đoạn "chuẩn bị đầu tư" sang giai đoạn "thực hiện dự án") đã đăng ký mã số sử dụng NS(quận, huyện, thị xã; xã, phường) (130) - B-BTC-105766-TT

a) Quy định thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Bỏ quy định yêu cầu nộp bản sao có đóng dấu sao y bản chính của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với "quyết định phê duyệt dự án" thay vào đó chỉ yêu cầu nộp bản sao có đóng dấu xác nhận của đơn vị.

c) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC.

C. Thủ tục hành chính do cơ quan khác thực hiện

1. Thủ tục và thời hạn bổ nhiệm kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán đối với đơn vị kế toán cấp I thuộc địa phương (135) - B-BTC-044303-TT; Thủ tục và thời hạn bổ nhiệm kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán đối với đơn vị kế toán cấp II, III (136)- B-BTC-044304-TT; Thủ tục và thời hạn bổ nhiệm kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán đối với đơn vị kế toán do Hội đồng nhân dân các cấp quản lý (137)- B-BTC-044305-TT; Thủ tục ký hợp đồng thuê người làm kế toán trưởng (138)- B-BTC-044306-TT; Thủ tục bãi miễn, thay thế kế toán trưởng, phụ trách kế toán, chấm dứt hợp đồng với người được thuê làm kế toán trưởng (139)- B-BTC-044479-TT

Sửa quy định về yêu cầu, điều kiện: nêu cụ thể căn cứ bổ nhiệm đối với trường hợp đề nghị cấp trên bổ nhiệm trong văn bản thỏa thuận với cấp có thẩm quyền.

2. Bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia (trong trường hợp một đơn vị tài sản có giá khởi điểm dưới 1 tỷ đồng trở lên) (143) - B-BTC-046505-TT; Bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia (trong trường hợp một đơn vị tài sản có giá khởi điểm từ 1 tỷ đồng đến dưới 5 tỷ đồng trở lên) (144) - B-BTC-046552-TT

a) Bỏ quy định về yêu cầu, điều kiện: Người tham gia đấu giá phải có văn bản bảo lãnh của ngân hàng tối thiểu bằng 50% giá trị tài sản bán đấu giá (điểm a khoản 1 Điều 7 Quyết định số103/2008/QĐ-BTC).

b) Quy định thời hạn giải quyết là 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

c) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế các quy định của Quyết định số 103/2008/QĐ-BTC.

Phần II
TRÁCH NHIỆM THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

I. ĐỐI VỚI CÁC PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT, PHÁP LỆNH

1. Giao Bộ Tài chính

a) Trên cơ sở chương trình Luật, Pháp lệnh được Quốc hội thông qua, căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thời hạn, tiến độ phải hoàn thành, chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan xây dựng dự án Luật/ Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại các Luật/ Pháp lệnh dưới đây, gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, trình Chính phủ xem xét, quyết định:

- Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 12 tháng 12 năm 2006 để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 17 mục I.B lĩnh vực Hải quan; các khoản 48, 50, 52, 54, 57, 60 mục II.B lĩnh vực Thuế.

- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 12 tháng 7 năm 2006 để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 22, 34, 35 mục III lĩnh vực Chứng khoán.

- Pháp lệnh giá số 40/2002/PL-UBTVQH ngày 10 tháng 5 năm 2002 để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 6, 7, 8, 9 mục V.A lĩnh vực Tài chính chung.

- Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 22 tháng 12 năm 2000 để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 21 mục V.A lĩnh vực Tài chính chung.

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại các Nghị định sau đây, trình Chính phủ cùng thời điểm trình các dự án nêu tại điểm a khoản 1 mục I phần II của phương án này:

- Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 17 mục I.B lĩnh vực Hải quan; các khoản 48, 50, 52, 54, 57, 60 mục II.B lĩnh vực Thuế.

- Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 22, 34 mục III lĩnh vực Chứng khoán.

- Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 6, 7, 8, 9 mục V.A lĩnh vực Tài chính chung.

- Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 03 năm 2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 21 mục V.A lĩnh vực Tài chính chung.

c) Xây dựng thông tư để sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại các Thông tư sau đây, ban hành cùng thời điểm Chính phủ ban hành các Nghị định nêu tại điểm b, khoản 1, mục I phần II của phương án này:

- Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 17 mục I.B lĩnh vực Hải quan.

- Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 06 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế để thực hiện nội

dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 48, 50, 52, 54, 57, 60 mục II.B lĩnh vực Thuế.

- Thông tư số 155/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm do Bộ Tài chính ban hành để hướng dẫn thi hành Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 03 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm để thực hiện nội dung đơn giản thủ tục hành chính nêu tại khoản 21 mục V.A lĩnh vực Tài chính chung.

d) Giao Bộ Tài chính xây dựng thông tư sửa đổi bổ sung các quy định liên quan hoặc xây dựng thông tư mới thay thế các văn bản sau đây, ban hành cùng thời điểm Chính phủ ban hành các Nghị định nêu tại điểm b, khoản 1, mục I phần II của phương án này:

- Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 22 mục III lĩnh vực Chứng khoán.

- Quyết định số 87/2007/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 10 năm 2007 về Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 35 mục III lĩnh vực Chứng khoán.

- Quyết định số 55/2008/QĐ-BTC ngày 15 tháng 07 năm 2008 về việc ban hành Quy chế thi, cấp, sử dụng và quản lý Thẻ thẩm định viên về giá để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 6, 7, 8, 9 mục V.A lĩnh vực Tài chính chung.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trên cơ sở chương trình Luật, Pháp lệnh được Quốc hội thông qua, căn cứ vào Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thời hạn, tiến độ phải hoàn thành, chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 18 mục III lĩnh vực Chứng khoán, phần I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, trình Chính phủ xem xét, quyết định.

II. ĐỐI VỚI CÁC PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT, PHÁP LỆNH

1. Giao Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại các Nghị định sau đây, trình Chính phủ trước ngày 31 tháng 3 năm 2011:

- Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4 mục I. A, 8, 9, 10 mục I. B và 8, 9, 14, 17, 18, 24, 25, 34, 35, 48, 55, 56 mục I.C lĩnh vực Hải quan.

- Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 7, 9 mục I.A; 11, 12, 17 mục I.B; 62 mục I.C lĩnh vực Hải quan; 28, 29, 30, 36, 37, 39, 45, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60 mục II.B lĩnh vực Thuế.

- Nghị định số 89/2002/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2002 quy định về việc in, phát hành, sử dụng, quản lý hóa đơn để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 73 mục II.B và khoản 17 mục II.C lĩnh vực Thuế.

- Nghị định số 176/1999/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ về lệ phí trước bạ để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 11 mục II.C lĩnh vực Thuế.

- Nghị định số 47/2003/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định số 176/1999/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ về lệ phí trước bạ để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 11 mục II.C lĩnh vực Thuế.

- Nghị định số 80/2008/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 176/1999/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 1999 và Nghị định số 47/2003/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ về lệ phí trước bạ để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 11 mục II.C lĩnh vực Thuế.

- Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (về cơ chế một cửa liên thông) để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 22, 25, 26, 34 mục III lĩnh vực Chứng khoán.

- Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá để thực hiện nội

dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 2, 4, 6, 7, 8, 9 mục V.A; 2, 4 mục V. B lĩnh vực Tài chính chung.

- Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá do Chính phủ ban hành để sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 3 V.A và khoản 3 V.B lĩnh vực Tài chính chung.

- Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 14, 17, 19, 20, 21 mục V.A lĩnh vực Tài chính chung

- Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về việc ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 6, 7, 8 mục V.B lĩnh vực Tài chính chung.

b) Xây dựng thông tư để sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại các Thông tư sau đây, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011:

- Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 1, 2, 5, 6, 8, 9, 10 mục I.A; 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 11, 12, 13, 14, 15, 17, 19, 20 mục I.B và 1, 4, 8, 9, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 49, 51, 57, 58, 59, 60, 61, 62 mục I.C lĩnh vực Hải quan.

- Thông tư số 77/2008/TT-BTC ban hành ngày 15 tháng 9 năm 2008 Hướng dẫn thi hành một số biện pháp xử lý nợ đọng thuế để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 16 mục I.B lĩnh vực Hải quan.

- Thông tư số 40/2008/TT-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 03 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 18 mục I.B lĩnh vực Hải quan.

- Thông tư số 116/2008/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hàng hoá gia công với thương nhân

nước ngoài để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 10, 11, 12 mục I.C lĩnh vực Hải quan.

- Thông tư số 33/2003/TT/BTC ngày 16 tháng 4 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan đối với bưu phẩm, bưu kiện, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính và vật phẩm, hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 22 mục I.C lĩnh vực Hải quan.

- Thông tư số 125/2004/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hàng hóa vận tải đa phương thức để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 32 mục I.C lĩnh vực Hải quan.

- Thông tư số 70/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 4 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định hướng dẫn về thủ tục hải quan đối với xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất xăng , dầu và nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất, chế biến xăng, dầu để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 43, 44, 45 mục I.C lĩnh vực Hải quan.

- Thông tư số 16/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 02 năm 2008 hướng dẫn nhập khẩu, tạm nhập khẩu xe gắn máy hai bánh không nhằm mục đích thương mại do Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 51 mục I.C lĩnh vực Hải quan.

- Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế về việc đăng ký thuế để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26 mục II.B và 1, 2, 3 mục II.C lĩnh vực Thuế.

- Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 63, 64, 66, 67, 68, 77, 78, 79, 80, 81, 82 mục II.B và 4, 5, 6, 7, 19, 20 mục II.C lĩnh vực Thuế.

- Thông tư số 120/2002/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2002 hướng dẫn thi hành Nghị định số 89/2002/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ về việc in, phát hành, sử dụng, quản lý hoá đơn để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 70, 71, 72, 73, 74 mục II.B và 14, 15, 16, 17 mục II.C lĩnh vực Thuế

- Thông tư số 99/2003/TT-BTC ngày 23/10/2003 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2002/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2002 hướng dẫn thi hành Nghị định số 89/2002/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ về việc in, phát hành, sử dụng, quản lý hoá đơn để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 12, 13 mục II.C lĩnh vực Thuế.

- Thông tư số 95/2005/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về lệ phí trước bạ để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 11 mục II.C lĩnh vực Thuế.

- Thông tư số 02/2007/TT-BTC ngày 08 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2005/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về lệ phí trước bạ để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 11 mục II.C lĩnh vực Thuế.

- Thông tư số 28/2008/TT-BTC ngày 03 tháng 4 năm 2008 hướng dẫn đăng ký hành nghề và quản lý hoạt động hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, việc tổ chức thi, cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế do Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 1, 2, 3 mục II.A lĩnh vực Thuế.

- Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 28, 30, 43, 44, 65 mục II.B và 8, 9 mục II.C lĩnh vực Thuế

- Thông tư số 20/2010/TT-BTC ngày 5 tháng 02 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số thủ tục hành chính về Thuế thu nhập cá nhân để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 42, 43 mục II.B lĩnh vực Thuế

- Thông tư số 62/2009/TT-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 44 mục II.B và khoản 10 mục II.C lĩnh vực Thuế

- Thông tư số 141/2007/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số

142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 61, 62 mục II.B lĩnh vực Thuế.

- Thông tư số 133/2004/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2004 hướng dẫn thực hiện các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản giữa Việt Nam với các nước có hiệu lực thi hành tại Việt Nam để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 66, 67, 68, 77, 78, 79, 80 mục II.B lĩnh vực Thuế.

- Thông tư số 55/2007/TT-BTC ngày 29 tháng 5 năm 2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn miễn thuế thu nhập cá nhân đối với chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình, dự án viện trợ phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 69 mục II.B lĩnh vực Thuế

- Thông tư số 176/2009/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về việc giảm thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân làm việc tại khu kinh tế để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 8 mục II.C lĩnh vực Thuế.

- Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 60 mục II.B lĩnh vực Thuế.

- Thông tư số 130/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 26 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 32 mục II.B lĩnh vực Thuế.

- Thông tư số 17/2007/TT-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007 hướng dẫn về Hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 1, 4, 5, 6, 7 mục III lĩnh vực Chứng khoán.

- Thông tư số 18/2007/TT-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007 hướng dẫn việc mua, bán lại cổ phiếu và một số trường hợp phát hành thêm cổ phiếu của công ty đại chúng để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 8, 9, 10 mục III lĩnh vực Chứng khoán.

- Thông tư số 112/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung Thông tư số 17/2007/TT-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn Hồ sơ đăng ký chào bán chứng

khoán ra công chúng để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 1, 5, 6, 7 mục III lĩnh vực Chứng khoán.

- Thông tư số 194/2009/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn chào mua công khai cổ phiếu của công ty đại chúng dạng đóng để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 11 mục III lĩnh vực Chứng khoán.

- Thông tư số 50/2009/TT-BTC hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 36 mục III lĩnh vực Chứng khoán.

- Thông tư số 29/2004/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2004 của Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn việc bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 1 mục IV lĩnh vực Kho bạc.

- Thông tư số 80/1999/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý đối với các loại tài sản quý hiếm và chứng chỉ có giá do kho bạc nhà nước nhận gửi và bảo quản để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 2, 3, 16 mục IV lĩnh vực Kho bạc.

- Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 3 tháng 4 năm 2007 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 4 mục IV lĩnh vực Kho bạc.

- Thông tư số 130/2007/TT-BTC ngày 2 tháng 11 năm 2007 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 3 tháng 4 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 4 mục IV lĩnh vực Kho bạc.

- Thông tư số 79/2003/TT-BTC ngày 13 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 6, 7 mục IV lĩnh vực Kho bạc.

- Thông tư số 32/2004/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc phát hành trái phiếu chính phủ qua hệ thống kho bạc nhà nước để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 15 mục IV lĩnh vực Kho bạc.

- Thông tư số 104/2008/TT-BTC về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2008 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá do Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 1, 4, 5 mục V.A và khoản 1, 4, 5 mục V.B lĩnh vực Tài chính chung.

- Thông tư số 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 155/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Thông tư 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 15 mục V.A lĩnh vực Tài chính chung.

- Thông tư số 155/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm do Bộ Tài chính ban hành để hướng dẫn thi hành Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 03 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 16, 17, 18, 19, 20, 21 mục V.A lĩnh vực Tài chính chung.

- Thông tư số 171/2009/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2009 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi và cấp chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ hành nghề kế toán ban hành kèm theo Quyết định số 94/2007/QĐ-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 23 mục V.A lĩnh vực Tài chính chung.

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch sau đây, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011:

- Thông tư liên tịch số 129/2004/TTLT/BTC-BKHCN ngày 29 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành các biện pháp kiểm soát biên giới về sở hữu công nghiệp đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 2, 3, 4 mục I.A; 8, 9, 10 mục I.B và 55, 56 mục I.C lĩnh vực Hải quan.

- Thông tư liên tịch số 50/2005 /TTLT/ BTC- BNV ngày 15 tháng 06 năm 2005 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục bổ nhiệm, bãi miễn, thay thế và xếp phụ cấp kế toán trưởng, phụ trách kế toán trong các đơn vị kế toán thuộc lĩnh vực kế toán nhà nước để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 22 mục V.A và khoản 1 mục V.C lĩnh vực Tài chính chung.

d) Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước xây dựng, ban hành thông tư liên tịch trước ngày 31 tháng 3 năm 2011 để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 1, 5, 6, 7 mục III lĩnh vực Chứng khoán.

đ) Xây dựng thông tư mới để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính về mở rộng khai hải quan điện tử nêu tại các khoản 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 14, 20, 21, 24, 25, 26, 27, 28 mục I.C lĩnh vực Hải quan, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

e) Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật phù hợp để sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định liên quan tại các Quyết định sau đây, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011:

- Quyết định số 93/2008/QĐ-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính Ban hành Quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hoá, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh đường bộđể thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 42 mục I.C lĩnh vực Hải quan

- Quyết định số 1179/QĐ-TCHQ ngày 17 tháng 06 năm 2009 ban hành quy trình nghiệp vụ quản lý hải quan đối với hàng hoá gia công với thương nhân nước ngoài để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 11 mục I.C lĩnh vực Hải quan

- Quyết định số 1127/QĐ-TCHQ ngày 03 tháng 06 năm 2009 của Tổng cục Hải quan về việc ban hành các biểu mẫu nghiệp vụ giám sát, quản lý về hải quan để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 15, 40, 41 mục I.C lĩnh vực Hải quan

- Quyết định số 927/QĐ-TCHQ ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc ban hành mẫu biểu về quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 32 mục I.C lĩnh vực Hải quan

- Quyết định số 1257/2001/QĐ-TCHQ ngày 04 tháng 12 năm 2001 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc ban hành tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu,giấy thông báo thuế và quyết định điều chỉnh thuế để thực

hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 14, 46 mục I.C lĩnh vực Hải quan.

- Quyết định số 1473/2002/QĐ-TCHQ ngày 24 tháng 5 năm 2002 về việc ban hành mẫu ấn chỉ nghiệp vụ hải quan do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 17, 25, 33, 47, 49, 51, 54 mục I.C lĩnh vực Hải quan

- Quyết định số 916/QĐ-TCHQ ngày 31 tháng 03 năm 2008 về việc ban hành Quy chế tiếp nhận Đơn yêu cầu kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đế sở hữu trí tuệ để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 2 mục I.A và khoản 8 mục I.B lĩnh vực Hải quan.

- Quyết định số 2425/QĐ-TCHQ ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Tổng cục Hải quan về việc ban hành quy trình thủ tục hải quan đối với tàu biển Việt Nam và tàu biển nước ngoài xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 38 mục I.C lĩnh vực Hải quan.

- Quyết định số 316/QĐ-BTC ngày 17 tháng 2 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 1, 2 mục II.A lĩnh vực Thuế.

- Quyết định số 85/2005/QĐ-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc in, phát hành và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 75, 76 mục II.B và khoản 18 mục II.C lĩnh vực Thuế.

- Quyết định số 13/2007/QĐ-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn ban hành Mẫu bản cáo bạch trong Hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng và Hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 1, 4, 5, 6, 7 mục III lĩnh vực Chứng khoán.

- Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 25, 30 mục III lĩnh vực Chứng khoán.

- Quyết định số 126/2008/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 về việc sửa đổi một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 13 mục III lĩnh vực Chứng khoán.

- Quyết định số 124/2008/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính Về việc ban hành Quy chế thành lập và hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 23, 24 mục III lĩnh vực Chứng khoán.

- Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 25 mục III lĩnh vực Chứng khoán.

- Quyết định số 125/2008/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 26 mục III lĩnh vực Chứng khoán.

- Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 05 năm 2007 về quy chế tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 26, 27, 28, 29, 31 mục III lĩnh vực Chứng khoán.

- Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 05 tháng 06 năm 2007 về việc ban hành quy chế thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 32, 33 mục III lĩnh vực Chứng khoán.

- Quyết định số 87/2007/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 10 năm 2007 về Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 35 mục III lĩnh vực Chứng khoán.

- Quyết định số 30/2005/QĐ-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2005 về việc ban hành Chế độ mở và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 5 mục IV lĩnh vực Kho bạc.

- Quyết định số 1049/QĐ-KBNN ngày 14 tháng12 năm 2006 của Tổng giám đốc KBNN về việc ban hành Quy trình quản lý phát hành, thanh toán trái phiếu Chính phủ qua hệ thống Kho bạc Nhà nước để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 mục IV lĩnh vực Kho bạc.

- Quyết định số 89/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2007 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán được

chấp thuận kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 12 mục III lĩnh vực Chứng khoán và khoản 24 mục V.A lĩnh vực Tài chính chung.

- Quyết định số 43/2007/QĐ-BTC ngày 04 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tiếp công dân, nhận và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của công dân tại các đơn vị trong ngành Tài chính để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 10, 11, 12, 13 mục V.A lĩnh vực Tài chính chung.

- Quyết định số 122/2008/QĐ-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính ban hành quy trình tiếp công dân, nhận và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của công dân tại các đơn vị thuộc Bộ Tài chính để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 10, 11, 12, 13 mục V.A lĩnh vực Tài chính chung.

- Quyết định số 103/2008/QĐ-BTC ngày 12 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia do Cục Dự trữ quốc gia trực tiếp quản lý để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 25 mục V.A và khoản 2 mục V.C lĩnh vực Tài chính chung.

- Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2007 về việc ban hành quy định về mã số các đơn vị có quan hệ với ngân sách để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 26, 27, 28, 29 mục V.A và 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 mục V.B lĩnh vực Tài chính chung.

- Quyết định số 55/2008/QĐ-BTC ngày 15 tháng 07 năm 2008 về việc ban hành Quy chế thi, cấp, sử dụng và quản lý Thẻ thẩm định viên về giá để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 6, 7, 8, 9 mục V.A lĩnh vực Tài chính chung.

g) Trước ngày 31 tháng 3 năm 2011, pháp lý hóa hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các văn bản sau đây:

- Công văn số 1500/KBNN-KT ngày 23 tháng 8 năm 2003 của Kho bạc Nhà nước về việc hướng dẫn thực hiện mở và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 5 mục IV lĩnh vực Kho bạc.

- Công văn số 2592/KBNN-KT ngày 28 tháng 11 năm 2006 của KBNN về việc hướng dẫn bổ sung mở và sử dụng tài khoản để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 5 mục IV lĩnh vực Kho bạc.

- Công văn số 17361/BTC-KBNN ngày 21 tháng 12 năm 2007 về việc sửa đổi, bổ sung chứng từ thanh toán vốn đầu tư để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 4, 8 mục IV lĩnh vực Kho bạc.

- Công văn số 319 /KBNN-KHTH ngày 4 tháng 3 năm 2009 về việc hướng dẫn quản lý, thanh toán vốn chương trình 135 giai đoạn II để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 8 mục IV lĩnh vực Kho bạc.

2. Giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng dự thảo thông tư để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2003/TTLT-BVHTT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2003 của liên bộ hướng dẫn bảo hộ quyền tác giả tại cơ quan hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 2, 3, 4 mục I.A, khoản 8, 9, 10 mục I.B và khoản 55, 56 mục I.C lĩnh vực Hải quan.

3. Giao Bộ Công Thương:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng thông tư để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định liên quan tại Thông tư liên tịch số 14/2009/TTLT-BCT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2009 của Bộ Công Thương, Bộ Tài chính hướng dẫn việc cấp chứng nhận và thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu kim cương thô nhằm thực thi các quy định của Quy chế Chứng nhận Quy trình Kimberley để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 52, 53 mục I.C lĩnh vực Hải quan, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tài chính, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế và Cơ quan Ngân hàng Nhà nước xây dựng thông tư để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định liên quan Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-BCT-BTC-BGTVT-BNN&PTNT-BYT-NHNN ngày 31 háng 01 năm 2008 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 254/2006/QĐ-TTg ngày 7 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 30, 31 mục I.C lĩnh vực Hải quan, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

4. Giao Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tại Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về bảo vệ

quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 2 mục I.A và khoản 8 mục I.B lĩnh vực Hải quan, phần I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, trình Chính phủ trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo thông tư để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư liên tịch số 37/2001/TTLT-BKHCNMT-TCHQ ngày 28 tháng 6 năm 2001 hướng dẫn thủ tục hải quan và kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa xuất nhập khẩu phải kiểm tra nhà nước về chất lượng để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 50 mục I.A lĩnh vực Hải quan, phần I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

5. Giao Bộ Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tại Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 1 năm 2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 25 mục V.A và khoản 2 mục V.C lĩnh vực Tài chính chung, trình Chính phủ trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

6. Giao Bộ Công an

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo thông tư để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư số 01/2007/TT-BCA-C11 ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Bộ Công an quy định về việc tổ chức đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 50 mục I.A lĩnh vực Hải quan phần I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011./.